Century®

CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THẾ KỶ

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

2022

QUẢN TRỊ RỦI RO VÌ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Sustainable Fashion

NỘI DUNG CHÍNH

Tổng quan về Phát triển bền vững	(GRI 100)	5
Vai trò của quản trị rủi ro trong chiến lược Phát triển bền vững	(GRI 100-15)	48
Hiệu quả phát triển kinh tế	(GRI 200)	59
Bảo vệ môi trường và giảm khí thải nhà kính	(GRI 300)	64
Phát triển xã hội và nguồn nhân lực	(GRI 400)	75

CÁC THÀNH TỰU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG STK ĐẠT ĐƯỢC TRONG 2022

CSI 100 DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG 2022

CSI 100: Đạt top 100 doanh nghiệp PTBV trong lĩnh vực sản xuất của Việt Nam năm 2022- xếp hạng thứ 13 trong danh sách xét chọn, 7 năm liên tục trong top 100 Doanh nghiệp PTBV của VN giai đoạn 2016-2022.

ARA 2021 - 2022: Đạt giải nhất doanh nghiệp niêm yết có BCPTBV tốt nhất 2022, trong 6 năm liên tục từ 2017-2022 BCPTBV luôn đạt top 10 báo cáo chất lượng tốt nhất thị trường Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn đạt top 5 giải báo cáo Quản trị doanh nghiệp tốt nhất thị trường-nhóm Mid cap 2022.

Doanh thu 2022 **2.116,7** tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế 2022 **240,3** tỷ đồng

Số lượng nhân viên **882** người

Số lượng chai nhựa được gián tiếp tái chế **4,1** tỷ chai nhựa trong 2022, tương đương **407 triệu** chiếc áo.

Sử dụng năng lượng mặt trời giúp giảm phát thải

Tương đương lượng CO_2 giảm thiểu **13.457** tấn.
Tương đương **1.345.700** cây xanh được trồng.

Mở rộng quy mô sản xuất

Xây dựng nhà máy tự động hoá Unitex với Công suất (giai đoạn 1 - 36.000 tấn/năm; giai đoạn 2 - 24.000 tấn/năm)

Tổng quan về Phát triển bền vững

GRI 100

Thông điệp của Tổng giám đốc	6
Tổng quan về báo cáo Phát triển bền vững 2022	7
Thông tin cơ bản	9
Tầm nhìn – sứ mạng	10
Giá trị của Công ty	10
Cam kết của đội ngũ STK	10
Cột mốc hình thành và phát triển	17
Thay đổi trong báo cáo	19
Giải thưởng và các danh hiệu được tôn vinh	20
Sơ đồ cơ cấu tổ chức	21
Hội đồng quản trị công ty nhiệm kỳ 2018 – 2023	25
Vai trò và trách nhiệm của HĐQT về Phát triển bền vững	26
Hoạt động của Hội đồng quản trị	26
Ban điều hành	27
Ban kiểm soát	28
Ngăn ngừa xung đột lợi ích và giao dịch với các bên liên quan	28
Bối cảnh Phát triển bền vững	30
Các giá trị đạo đức của Công ty	36
Nguyên tắc đối xử với các bên liên quan	36
Cơ chế tư vấn và báo cáo các mối quan ngại về bộ quy tắc ứng xử tại công ty	36
Nhận diện và lựa chọn các bên liên quan	37
Tham vấn các bên liên quan	38
Gắn kết các bên liên quan	38
Các lĩnh vực trọng yếu	40
Danh mục các rủi ro trọng yếu	41
Định hướng mục tiêu Phát triển bền vững trung và dài hạn giai đoạn 2022 - 2025	43
Hệ thống thu thập thông tin và giám sát việc thực hiện các mục tiêu Phát triển bền vững	45
Đảm bảo báo cáo bởi bên thứ ba	47

Tổng giám đốc - ĐẶNG TRIỆU HOÀ

Thông điệp Phát triển bền vững (GRI 102-14)

Quý Cổ đông và Nhà đầu tư kính mến,

Với niềm hi vọng chấm dứt đại dịch và phục hồi kinh tế, thế giới đã có sự khởi đầu thuận lợi trong các tháng đầu năm 2022. Tuy nhiên cuộc chiến Nga – Ukraine nổ ra vào tháng 2-2022 đã kéo thế giới vào vòng xoáy của các cuộc khủng hoảng nhân đạo, năng lượng, lương thực và gây ra làn sóng lạm phát và suy thoái kinh tế ở trên phạm vi toàn cầu. Bên cạnh đó, trong năm 2022 thế giới cũng hứng chịu những thiên tai khủng khiếp như những đợt nóng kỷ lục trong mùa hè và những đợt lạnh bất thường trong mùa đông ở Bắc Bán Cầu, những đợt hạn hán kéo dài và các cơn siêu bão. Để sống còn trong bối cảnh kinh tế, xã hội và môi trường đầy khắc nghiệt nói trên, quản trị rủi ro đang là định hướng quan trọng mà các chính phủ, tổ chức quốc tế và các công ty trên toàn thế giới quan tâm thực hiện. Các cam kết và hành động chống biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường của các chính phủ, tổ chức quốc tế và các công ty cũng trở nên mạnh mẽ hơn. Trong bối cảnh đó, tập thể Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ cũng đang kiện toàn hoạt động, kiểm soát rủi ro, củng cố nguồn lực nội bộ và khai thác lợi thế sẵn có để duy trì hoạt động, chuẩn bị nền tảng vững chắc cho bước phát triển tiếp theo.

Kiên định thực hiện và giữ vững chiến lược phát triển bền vững của STK từ những ngày đầu tiên, cụ thể tập trung vào việc phát triển và cung cấp các sản phẩm chất lượng cao và thân thiện với môi trường ra thị trường đã giúp Công ty vẫn có thể giữ những đơn hàng giá trị gia tăng cao của những khách hàng cao cấp nhờ vào sự tin tưởng lâu dài của khách hàng vào kỹ thuật của công ty trong việc sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao và dịch vụ khách hàng xuất sắc (thời gian giao hàng ngắn, dịch vụ trước và sau khi mua hàng). Mặc dù quy mô khối lượng của những đơn đặt hàng đó nhỏ nhưng với khả năng sinh lời cao, công ty vẫn có thể duy trì price gap ổn định và đạt được tổng doanh thu 12M2022 - 2114,5 tỷ đồng, tăng 4% so với cùng kỳ năm ngoái, hoàn thành 81% mục tiêu doanh thu kế hoạch năm 2022. Ngoài ra, tỷ lệ sợi tái chế 12M2022 đạt 52,0% (Q4.2022 đạt 56,5%) trong tổng doanh thu so với kế hoạch đặt ra 54% trong 2022. Công ty ghi nhận lợi nhuận sau thuế đạt 240,4 tỷ đồng, hoàn thành 80% kế hoạch lợi nhuận cả năm 2022. Những kết quả kinh doanh nói trên trong bối cảnh thị trường vô cùng bất lợi đã khẳng định sự đúng đắn trong định hướng phát triển bền vững của STK.

Trong giai đoạn 2023-2025, Công ty vẫn tiếp tục duy trì định hướng phát triển bền vững phù hợp với xu hướng chung của ngành dệt may Việt Nam khi ngày càng nhiều các nhãn hàng thời trang thế giới đang có những cam kết mạnh mẽ hơn trong việc biến chống biến đổi khí hậu, giảm thải khí thải nhà kín, bảo vệ môi trường hướng đến mục tiêu zero-Carbon footprint đến 2050 của Liên Hợp Quốc và cân bằng trách nhiệm xã hội. Với sự giám sát ngày càng chặt chẽ của các cơ quan quản lý đối với các tuyên bố về tính bền vững và nhận thức của người tiêu dùng về đóng góp của ngành thời trang trong việc phát triển bền vững ngày càng cao, các thương hiệu sẽ thận trọng hơn trong việc lựa chọn các nhà cung cấp nguyên liệu đáng tin cậy để tránh nguy cơ bị tẩy chay và tổn hại danh tiếng. STK được các thương hiệu đánh giá cao về các tiêu chí ESG (chứng chỉ GRS, điểm số cao trong đánh giá ESG bởi các nhà đánh giá độc lập, sản xuất hiệu quả đi đôi tiết kiệm năng lượng và nguyên vật liệu, hệ thống năng lượng mặt trời trên mái nhà và được cộng đồng doanh nghiệp địa phương khen ngợi). Với lợi thế đó, cùng với khả năng cung ứng các sản phẩm có chất lượng cao (bao gồm sợi tái chế, sợi nhuộm, sợi mang tính năng đặc biệt), STK sẽ chủ động nắm bắt các cơ hội đang phát triển này để thúc đẩy doanh số bán hàng và tối ưu hóa lợi nhuận của mình.

Chúng tôi mong rằng với sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị và sự ủng hộ của cổ đông, Công ty sẽ đạt được các mục tiêu đặt ra và mang lại nhiều lợi ích hơn cho cổ đông, người lao động và cộng đồng xã hội trong thời gian tới.

Tổng quan về Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ

Được thành lập từ năm 2000 dưới hình thức công ty TNHH, Century Corp chuyên sản xuất và kinh doanh các loại sợi xơ dài chất lượng cao như sợi POY (Partially Oriented Yarn), DTY (Drawn Texturized Yarn) và FDY (Fully Drawn Yarn). Sản phẩm của chúng tôi là nguồn nguyên liệu đầu vào cho chính các nhà máy dệt sản xuất ra vải để phục vụ cho các nhà sản xuất các mặt hàng thể thao cao cấp. Chúng tôi đã và đang thực hiện các hoạt động này trong suốt 22 năm qua. Năm 2005, Công ty chuyển đổi thành công ty cổ phần với mục đích tạo nguồn vốn để phát triển mở rộng trong tương lai, vào ngày 30/09/2015, Công ty chính thức niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM với mã cổ phiếu STK. STK là công ty dẫn đầu thị trường Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất sợi xơ dài với quy mô công suất trên 60 nghìn tấn sợi hàng năm, chúng tôi luôn kết hợp những thành tựu kinh tế với việc bảo vệ môi trường và trách nhiệm với xã hội thông qua chiến lược phát triển là các sản phẩm cao cấp, đặc biệt là các sản phẩm thân thiện với môi như sợi tái chế và sợi màu. STK cân bằng tỷ trọng đóng góp doanh thu của thị trường xuất khẩu và thị trường nội địa khoảng 60%:40%. Sợi tái chế (được làm từ recycled polyester chip từ chai nhựa cũ tái chế) là động lực phát triển chính của STK do nhu cầu lớn đến từ sản phẩm sợi thân thiện với môi trường của thị trường. Mục tiêu đến năm 2025, STK sẽ tăng tỷ trọng sợi tái chế lên 75%-80% trong tổng doanh thu của các nhà máy hiện hữu.

NỖ LỰC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG CHẶNG ĐƯỜNG 22 NĂM CỦA SỢI THẾ KỶ (2000-2022)

01 Giảm sử dụng nguồn năng lượng hóa thạch thông qua sử dụng nguồn năng lượng tái tạo (Solar) với công suất 10,5 MWp cho 2 nhà máy hiện hữu. Ký kết và tăng thêm công suất năng lượng mặt trời với dự án DPPA Trảng Bàng.

02 Giảm lượng phát thải Carbon footprint trung bình 10% qua các năm;

03 Tiết giảm sử dụng nguồn nước sạch thông qua việc tái sử dung nước sinh hoạt trong sản xuất; Tăng tỷ lệ tái chế, tái sử dụng vật liệu ống giấy POY trong sản xuất;

04 Mở rộng công suất và tạo thêm nhiều công ăn việc làm cho người dân địa phương thông qua dự án nhà máy sợi dệt tự động Unitex với quy mô giai đoạn 1 (36.000 tấn/năm), giai đoạn 2 (24.000 tấn/năm). Tăng thu nhập cho người lao động và phát triển giáo dục địa phương.

05 Tăng tỷ lệ sử dụng nguồn nguyên liệu tái chế, tăng tỷ trọng sợi Recycle trong tổng doanh thu lên hơn 50%;

06 Phát triển thêm các sản phẩm thân thiện với môi trường như sợi màu sử dung công nghệ dope dyed, thúc đẩy nhu cầu sợi Recycle thông qua việc tích hợp nhiều tính năng đặc biệt;

Thông tin cơ bản

Tên công ty	**Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ** *(GRI 102-1)*
Tên tiếng Anh	**Century Synthetic Fiber Corporation** *(GRI 102-1)*
Tên giao dịch	**Century Corp.**
Mã chứng khoán	**STK (HOSE)**
Lĩnh vực kinh doanh	STK sản xuất và kinh doanh các loại sợi xơ dài polyester, bao gồm sợi DTY và FDY. *(GRI 102-2)*
Hình thức pháp lý và quyền sở hữu	Công ty cổ phần *(GRI 102-5)*
Trụ sở chính	B1-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, H. Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam *(GRI 102-3)*
Chi nhánh	Đường số 8, KCN Trảng Bàng, H. Trảng Bàng, T. Tây Ninh, Việt Nam *(GRI 102-4)*
Văn phòng đại diện	102-104-106 Bàu Cát, Phường 14, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam *(GRI 102-4)*
Vốn điều lệ	**843.638.250.000 đồng**
Vốn chủ sở hữu (31/12/2022)	**1.539,18 tỷ đồng**
Điện thoại	+84.028 3790 7565 / +84.276 389 9536
Fax	+84.028 3790 7566 / +84.276 389 9537
Email	csf@century.vn
Website	www.theky.vn
Mã số thuế doanh nghiệp	0302018927 *(GRI 102-5)*

Tầm nhìn - Sứ mạng của Công ty

TẦM NHÌN

Trở thành doanh nghiệp toàn cầu đứng hàng đầu tiên phong trong ngành sợi/dệt và phát triển đa ngành nghề có liên quan với ngành cốt lõi.

SỨ MỆNH

Chúng tôi ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, quản trị hiện đại, đội ngũ chuyên nghiệp và văn hóa doanh nghiệp cầu tiến sáng tạo, thông qua tiết giảm tiêu hao nguồn tài nguyên, năng lượng, bảo vệ môi trường thiên nhiên để đóng góp cho xã hội, mang đến cho cộng đồng những sản phẩm dịch vụ hiện đại và thân thiện.

Giá trị của Công ty

PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG

Trân trọng khách hàng, luôn có giải pháp hữu ích, hợp lý để thỏa mãn nhu cầu khách hàng.

ĐỒNG TÂM HIỆP LỰC

Mỗi người trong CENTURY phải phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau để hướng tới mục tiêu chung.

CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN

Gắn kết sự phát triển của CENTURY với cộng đồng và với mỗi người trong CENTURY.

LIÊN TỤC CẦU TIẾN

Không thỏa mãn với hiện trạng, luôn khát vọng cải tiến

kết quả công việc, hiệu quả làm việc và chất lượng cuộc sống.

Cam kết của đội ngũ STK

"Chúng tôi luôn trân trọng khách hàng, có sự phân công hợp tác, chủ động, đảm đương trong thực thi công việc."

Quy mô hoạt động và sự hiện diện toàn cầu (GRI 102-6)

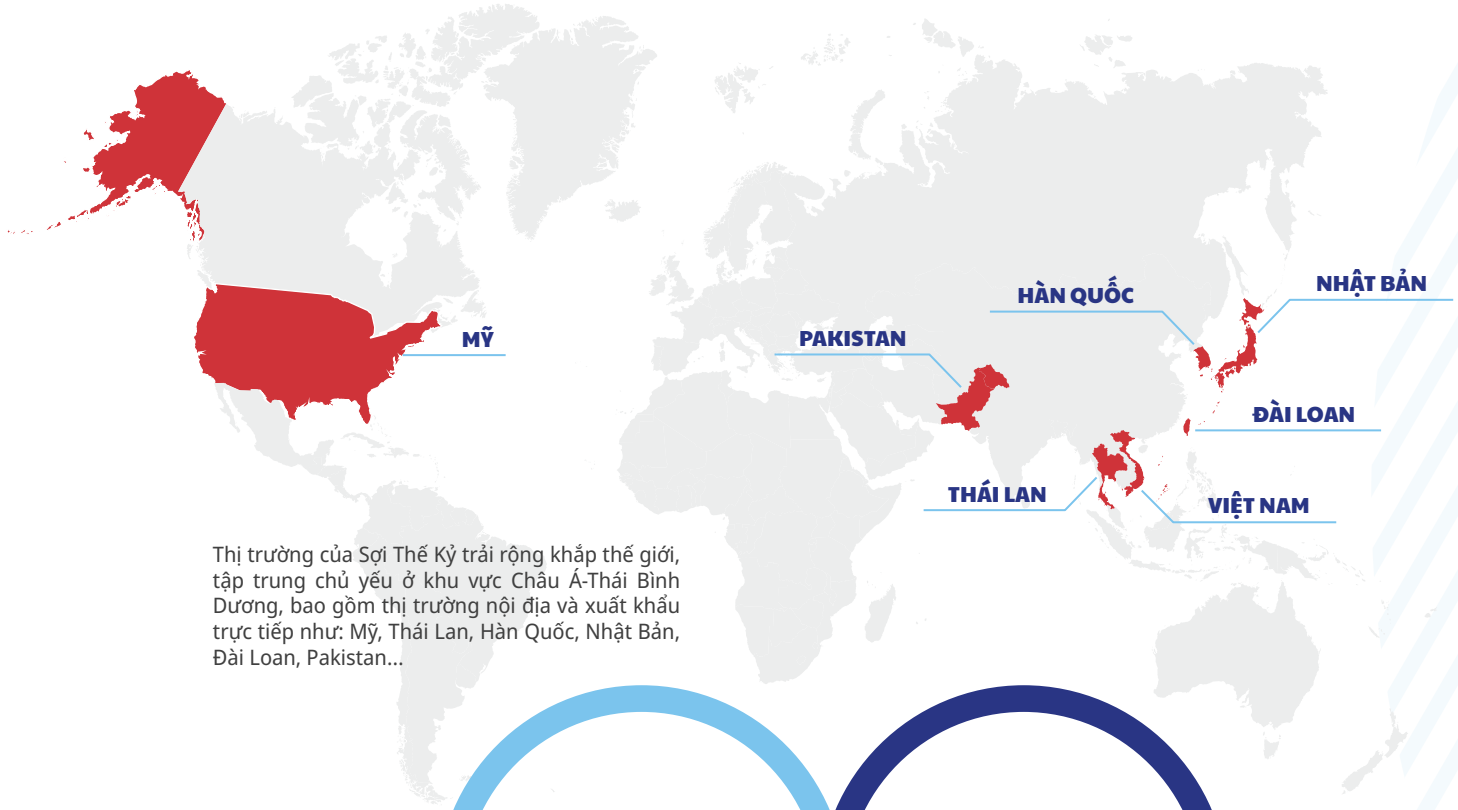

Thị trường của Sợi Thế Kỷ trải rộng khắp thế giới, tập trung chủ yếu ở khu vực Châu Á-Thái Bình Dương, bao gồm thị trường nội địa và xuất khẩu trực tiếp như: Mỹ, Thái Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Pakistan...

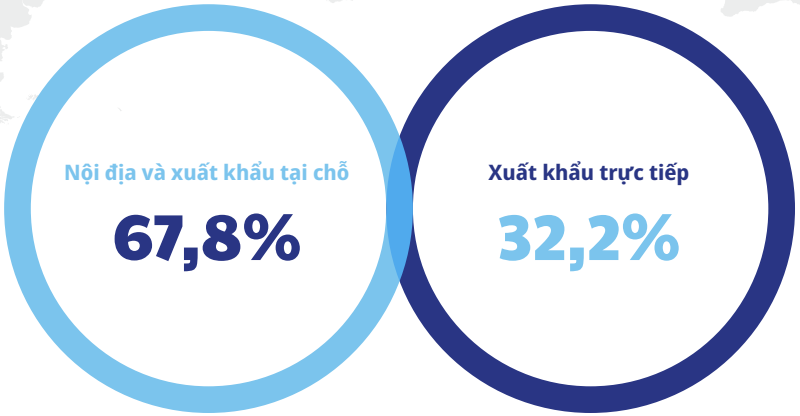

QUY MÔ SẢN XUẤT (GRI 102-7)

- Công ty có 2 nhà máy đặt tại Củ Chi và Trảng Bàng, tổng diện tích là 68.000 m^2 và tổng số lao động hiện tại là 882 người. Tại thời điểm 31/12/2022, tổng công suất của Công ty là 63.300 tấn sợi DTY và FDY.
- 1 dây chuyền tái chế sợi phế thành hạt nhựa tái chế (Recycled Chip) với công suất 1.500 tấn/năm.
- Trong giai đoạn năm 2023-2025, công suất nhà máy dự kiến sẽ tăng lên gấp đôi với dự án Unitex (KCN Thành Thành Công) tập trung sản xuất và phát triển các loại sợi có giá trị gia tăng và chất lượng cao (với công suất 60.000 tấn sợi/năm). Ngoài ra, Công ty còn hợp tác với các đối tác chiến lược để thành lập liên minh sợi-dêt-may (Sóc Trăng) với công suất 20.000 tấn DTY/năm.

Tổng quan về báo cáo phát triển bền vững 2022

CHUỖI GIÁ TRỊ BỀN VỮNG STK TẠO RA ĐẾN CÁC BÊN LIÊN QUAN

Nguồn lực sử dụng STK

Vốn chủ sở hữu
1.539,18 tỷ VNĐ

Số lượng nhân viên
882 người

Tổng thời gian đào tạo
1.990,25 giờ

Chi phí đào tạo
53,7 triệu đồng

Năng lượng
129.365 Mwh

Nước
245 nghìn m^3

Vật liệu dầu tẩm sợi
885,6 tấn

Vật liệu tái chế (Recycle PET chip)
tương đương **1,1** tỷ chai nhựa được gián tiếp tái chế

Hoạt động kinh doanh

Mô hình hoạt động 4Ms:

MÁY MÓC: Đầu tư vào máy móc thiết bị hiện đại (tiết kiệm năng lượng, đảm bảo chất lượng).

NGUỒN NHÂN LỰC: Chú trọng chất lượng tuyển dụng, liên tục đào tạo chuyên môn, hoàn thiện chính sách nhân sự.

NGUYÊN VẬT LIỆU: Mua nguyên vật liệu chất lượng cao nhằm đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng.

QUẢN LÝ: Áp dụng các hệ thống quản lý hiện đại nhằm đảm bảo chất lượng hàng hóa, dịch vụ và hạ giá thành sản phẩm.

Giá trị tạo ra

Doanh thu thuần	**2.114,5** tỷ VNĐ	Số vụ tai nạn lao động	**0** vụ
Lợi nhuận sau thuế	**240,37** tỷ VNĐ	Mức tăng lương bình quân	**5%**
Đóng góp thuế	**152,69** tỷ VNĐ	Cổ tức cho cổ đông	**98,7** tỷ VNĐ
Số lượng chai nhựa góp phần tái chế 2016-2022	**4,1** tỷ chai	Hệ số phát thải khí nhà kính điện năng (CO_2)	giảm **2,1%** trên tổng lượng điện năng tiêu thụ

- Báo Cáo Phát Triển Bền Vững ("BCPTBV") của STK được lập hàng năm, nhằm trình bày và công bố thông tin chính thức liên quan đến kết quả hoạt động cũng như đánh giá việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững đã đề ra trong năm và trong thời gian tiếp theo của Công ty. Các hoạt động hướng tới sự phát triển bền vững đều được STK chủ động và tích cực chia sẻ cùng các bên liên quan, nhằm nhận diện các vấn đề được quan tâm; sau đó được Công ty đánh giá xem xét trong mối tương quan với hoạt động hiện tại, chiến lược phát triển bền vững của Công ty, bối cảnh phát triển bền vững của quốc gia và trên toàn cầu, từ đó xác định các vấn đề trọng yếu thực hiện rà soát, cải tiến cũng như trình bày trong báo cáo. Chúng tôi luôn hy vọng sẽ nhận được nhiều đóng góp tích cực để tiếp tục rà soát và cải tiến những lĩnh vực mà các bên liên quan quan tâm.
- Công ty lập BCPTBV riêng biệt với Báo Cáo Thường Niên, nhằm cung cấp bức tranh tổng thể về hoạt động của toàn Công ty Sợi Thế Kỷ năm 2022 cũng như đưa ra những mục tiêu, trách nhiệm của doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững trong năm 2023 và tầm nhìn đến năm 2025 của Công ty.
- BCPTBV là một công cụ hữu hiệu giúp ịch cho Công ty để rà soát và đánh giá lại hiệu quả của các hoạt động phát triển bền vững thực hiện trong năm, góp phần hỗ trợ cho Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều Hành Công ty kịp thời cập nhật những định hướng và chiến lược phát triển phù hợp nhất cho Công ty.

1. Phạm vi và ranh giới của báo cáo: Báo cáo được lập tại Việt Nam, trong lĩnh vực ngành sợi, đối với hoạt động của toàn CTCP Sợi Thế Kỷ.

2. Tuyên bố lập báo cáo theo tiêu chuẩn GRI: (GRI 102-54)

- Công ty đã có nhiều năm lập báo cáo theo các tiêu chuẩn của hướng dẫn lập Báo cáo Phát triển Bền vững - Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (Global Reporting Initiative – GRI) – phiên bản mới nhất GRI Sustainability Reporting Standards, tùy chọn cốt lõi. Đây là phiên bản có chuẩn mực quốc tế cao nhất hiện nay liên quan đến việc lập BCPTBV Công ty thực hiện lập báo cáo theo tiêu chuẩn mới nhất và tiếp tục duy trì trong năm 2022.
- Tiêu chuẩn GRI được công nhận quốc tế từ Tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) dưới dạng cốt lõi. Năm 2019 Công ty cũng được sự hỗ trợ từ Chương trình Thương mại Cạnh tranh (CSRCB)[1] hướng dẫn cách lập báo cáo theo chuẩn GRI và đánh giá xác nhận báo cáo đã được lập theo thieu chuẩn GRI,.
- Nội dung của báo cáo xoay quanh 4 chủ đề tiêu chuẩn:
  GRI 100 Thông tin chung;
  GRI 200 Vấn đề kinh tế;
  GRI 300 Vấn đề môi trường;
  GRI 400 Vấn đề xã hội.

1 *CSRCB là chương trình do GRI cung cấp trực tiếp để cải thiện khả năng cạnh tranh và chất lượng báo cáo của các doanh nghiệp ở Việt Nam giúp các doanh nghiệp như chúng tôi có thể tham gia mạnh mẽ vào chuỗi giá trị toàn cầu, tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình*

3. Kỳ báo cáo: báo cáo được lập theo niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 *(GRI 102-50)*

4. Ngày báo cáo gần nhất: ngày 31/12/2021. *(GRI 102-51)*

5. Chất lượng báo cáo: Công ty cam kết cung cấp những thông tin và số liệu trong nội dung báo cáo như sau:

Nội dung báo cáo (nguyên tắc xác định)	Chất lượng báo cáo
Gắn kết các mối quan tâm của bên liên quan với Công ty	Chính xác
Bối cảnh phát triển bền vững của Công ty và thế giới	Rõ ràng
Tầm ảnh hưởng của các mối quan tâm đến Công ty	So sánh
Tính toàn vẹn của nội dung báo cáo	Tin cậy
Số liệu báo cáo	Cập nhật

*(xem thêm ở mục **III.6.6**)*

6. Chỉ tiêu được Bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty đánh giá bao gồm:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm *(GRI – 404)*;
- Những hoạt động tham gia đóng góp vào Cộng đồng địa phương *(GRI – 413)*;
- Tỷ lệ mức lương bình quân của người lao động và lương tối thiểu vùng *(GRI – 401)*;
- Ngân sách đào tạo trong năm *(GRI – 404)*;
- Mức tiêu thụ năng lượng; *(GRI – 302 và 305)*
- Mức tiêu thụ nước; *(GRI – 303)*

7. Chu kỳ báo cáo: 1 năm/lần

8. Đầu mối liên hệ cho các thắc mắc về báo cáo:

Phòng Quan Hệ Cổ Đông – CTCP Sợi Thế Kỷ

Địa chỉ: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Người chịu trách nhiệm biên soạn: Phạm Đăng Khoa – Chuyên viên IR

Chịu trách nhiệm biên tập và nội dung: Nguyễn Phương Chi – Giám Đốc Chiến Lược

Email: ir@century.vn

Điện thoại: (+84.276) 388 7565 (máy lẻ: 113)

Mô hình kinh tế tuần hoàn hướng tới PTBV của STK

TÁI CHẾ, TÁI SỬ DỤNG

- Tái sử dụng ống giấy POY trong sản xuất
- Tái sử dụng nước giải nhiệt, nước cấp trong sản xuất
- Tái chế sợi phế phẩm thành nguyên liệu PET chip
- Gián tiếp tái chế chai nước nhựa thông qua tăng tiêu thụ lượng recycle PET chip

ĐẦU TƯ CỦA STK

- Sử dụng máy móc và công nghệ từ Đức (Oerlikon Barmag) thân thiện với môi trường (e-saving)
- Đầu tư dự án mở rộng nhà máy (Unitex factory)
- Sử dụng vật liệu recycle (recycle PET chip)
- Nguồn lao động giàu kinh nghiệm
- Liên tục nghiên cứu phát triển sản phẩm mới thân thiện với môi trường như sợi màu dope dye.

BÁN HÀNG VÀ PHÂN PHỐI

- Xe nâng nội bộ chuyển đổi không sử dụng nguồn nhiên liệu Diesel
- Luân chuyển việc sắp xếp xe giao hàng và các tuyến vận chuyển

SẢN XUẤT

- Sản xuất hiệu quả, giảm tiêu hao nguồn năng lượng điện, nước
- Giảm tỷ lệ phế phẩm bảo vệ môi trường
- Tối ưu hóa sử dụng nguồn năng lượng tái tạo trong sản xuất
- Giảm phát thải khí nhà kính (CO_2).

NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

- Phát triển sản phẩm sợi recycle plus (nhiều tính năng) thân thiện môi trường
- Phát triển sản phẩm sợi màu (dope dye) giúp khách hàng giảm sử dụng màu nhuộm/hóa chất và tiết kiệm tiêu thụ nước.
- Triển khai hệ thông năng lượng mặt trời-năng lượng tái tạo
- Sáng kiến tiết kiệm năng lượng, nước sử dụng.

Quy trình thực hiện chuỗi giá trị bền vững của công ty

LỒNG GHÉP YẾU TỐ PTBV TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

	Bảo vệ Môi trường	Phát triển Kinh tế	Phát triển Lao động-xã hội
1 Lập kế hoạch sản xuất	› Thiết kế định mức tiêu hao nguyên vật liệu, năng lượng, nước cho 1 đơn vị sản phẩm. › Lập kế hoạch tái sử dụng vật liệu, nguyên liệu, phế phẩm. › Xây dựng kế hoạch tiết kiệm điện, nước và nhiên liệu sử dụng.	› Bố trí máy móc sản xuất để tối ưu hiệu quả theo từng loại sản phẩm. › Đảm bảo máy chạy ổn định, tránh ngưng máy, đổi máy, tiết kiệm chi phí.	› Đào tạo tay nghề, nâng cao kiến thức chuyên môn cho nhân viên kế hoạch sản tiêu. › Trang bị an toàn-lao động cho công nhân, tác nghiệp viên. › Sử dụng nguồn cung ứng nguyên vật liệu/lao động địa phương.
2 Nhập nguyên vật liệu	› Đánh giá và lựa chọn nhà cung ứng đáp ứng tiêu chí trách nhiệm môi trường, xã hội. › Nghiệm thu chất lượng và nguồn gốc của nguyên vật liệu. › Sửa chữa và tái sử dụng công cụ, dụng cụ	› Đàm phán giá hiệu quả. › Sắp xếp hàng hoá, tối ưu hoá kho bãi và nhà kho, tiết kiệm chi phí. › Đảm bảo tỷ lệ hàng nhập không đạt chất lượng ở mức ít nhất.	› Bồi dưỡng kiến thức cho nhân viên thu mua, cung ứng. › Sử dụng dịch vụ vận chuyển địa phương.
3 Sản xuất	› Tiết kiệm điện, nước sử dụng. › Sử dụng nguồn năng lượng hiệu quả. › Tránh lãng phí nguồn nguyên vật liệu sử dụng.	› Giảm tỷ lệ hàng phế phẩm. › Máy móc được bảo trì định kỳ. › Nâng cao tỷ lệ chất lượng sản phẩm. › Phát triển sản phẩm mới có giá trị gia tăng.	› Bố trị nguồn nhân sự phù hợp. › Tạo cơ hội thăng tiến trong công việc, nâng lương. › Xây dựng môi trường làm việc an toàn. › Xây dựng văn hóa ứng xử tốt. › Đảm bảo công bằng- bình đẳng.
4 Bán hàng và tiêu thụ sản phẩm	› Cung cấp hướng dẫn sử dụng sản phẩm. › Kết hợp kế hoạch vận chuyển hàng, tránh sử dụng nhiều xe. › Tái sử dụng pallet để giao hàng.	› Linh hoạt trong chi phí xuất hàng. › Đàm phán giá cả với các đơn vị vận chuyển, tối ưu hoá chi phí vận chuyển.	› Đào tạo nghiệp vụ bán hàng, xuất nhập khẩu. › Xây dựng chính sách thưởng khích lệ khi đạt KPIs. › Tăng thu nhập cho lao động địa phương.

Cột mốc hình thành và phát triển bền vững

2000

Thành lập nhà máy kéo sợi đầu tiên tại Củ Chi.

Thành lập ngày 01/06/2000.

Sản phẩm chính: DTY

Công suất ban đầu: 4.800 tấn sợi DTY/năm.

2003

Đầu tư mở rộng năng lực sản xuất.

Tăng công suất sản xuất lên tương đương 9.600 tấn sợi DTY/ năm để đáp ứng nhu cầu thị trường.

2005

Cổ phần hóa – Sự thay đổi mang tính chiến lược

Công ty TNHH Sợi Thế Kỷ chính thức được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ.

2008

Lần đầu tiên khép kín quy trình sản xuất

Mở rộng đầu tư và tăng tổng công suất lên 14.500 tấn POY/năm & 15.000 tấn DTY/năm.

2011

Phát triển sản phẩm mới FDY

Mở rộng công suất toàn công ty lên 29.500 tấn POY/năm và 37.000 tấn DTY & FDY/năm.

2014

Đón đầu xu hướng, nắm bắt cơ hội

Mở rộng nhà máy Trảng Bàng 3.

IPO thành công 3 triệu cổ phiếu.

Cột mốc hình thành và phát triển bền vững *(tiếp theo)*

2015

Niêm yết trên HOSE, phát triển thành công sản phẩm mới Sợi tái chế.

Tổng công suất đạt khoảng 52.000 tấn DTY & FDY/năm từ nhà máy Trảng Bàng 3.

2016

Bắt đầu sản xuất sợi tái chế

Mở rộng nhà máy Trảng Bàng 4, nâng tổng công suất của Công ty lên 60.000 tấn DTY và FDY/năm.

2017

Tận dụng cơ hội từ thị trường – Gặt hái thành công

Nâng tổng công suất lên 63.000 tấn/năm.

2019

Kiên định thực hiện mục tiêu

Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 20% so với cùng kỳ.

Đưa ra lộ trình đạt 100% tỷ lệ sợi tái chế năm 2025.

2020

Vượt qua khó khăn

Hoàn thành 98,2% mục tiêu doanh thu 2020.

Hoàn thành 109,9% mục tiêu lợi nhuận 2020.

Nâng tỷ lệ sợi recycle trên tổng doanh thu chiếm 44,7%.

2021

Phục hồi đà phát triển bền vững

Duy trì mục tiêu phát triển kinh tế, hoàn thành 87% doanh thu và 112% lợi nhuận kế hoạch 2021.

Mở rộng công suất thông qua dự án Unitex, Liên minh sợi-dệt may.

2022

Quản trị rủi ro, vượt qua nghịch cảnh

Kiên định với mục tiêu phát triển kinh tế. Hoàn thành 81% doanh thu và 80% lợi nhuận sau thuế so với kế hoạch 2022.

Bắt đầu xây dựng nhà máy Unitex.

Thay đổi trong báo cáo (GRI 102-49)

Rút kinh nghiệm từ Báo cáo phát triển bền vững 2022, trong báo cáo lần này Công ty đã có một số cải tiến như sau:

- Bổ sung thêm thông tin về định hướng giảm thải carbon footprint tại nhà máy hiện hữu và dự án mới;
- Bổ sung thêm thông tin về dự án xanh tại nhà máy hiện hữu và dự án mới;
- Bổ sung thêm thông tin trong việc đảm bảo bởi bên thứ ba cho các mục tiêu PTBV;
- Bổ sung thêm thông tin về mối quan tâm về giảm thải carbon footprint của các bên liên quan;
- Cập nhật số liệu về số lượng chai nhựa Công ty gián tiếp tái chế đến 2022;
- Cập nhật định hướng PTBV Công ty tới 2025;
- Cập nhật hệ số phát thải điện năng và tính lại số liệu carbon footprint 2022;
- Hoàn thiện và duy trì trách nhiệm giải trình theo tiêu chuẩn GRI-Standards;
- Cập nhật bối cảnh PTBV thế giới và ngành 2022;
- Bổ sung vai trò của quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ trong chiến lược PTBV;
- Bổ sung thêm thông tin cơ cấu quản trị PTBV tại Công ty;
- Bổ sung cập nhật về chuỗi giá trị bền vững Công ty;

Giải thưởng và các danh hiệu được tôn vinh

	CHỨNG NHẬN VÀ GIẢI THƯỞNG
2022	› Giải nhất Báo cáo phát triển bền 2022 vững tốt nhất thị trường trong nhóm Công ty có vốn hóa trung bình do Sở giao dịch chứng khoán HCM tổ chức. Trong 6 năm liên tiếp, Báo cáo phát triển bền vững của Công ty luôn nằm trong Top báo cáo phát triển bền vững có chất lượng cao nhất của thị trường › Top 5 Báo cáo quản trị tốt nhất 2022 trong nhóm Công ty có vốn hóa trung bình do Sở giao dịch chứng khoán HCM tổ chức. › Thuộc top 100 Doanh nghiệp phát triển bền vững 2022 (CSI 100)- Giải thưởng do Hội Đồng Doanh nghiệp vì Sự Phát Triển Bền Vững (VBCSD [1]) trao tặng, xếp hạng 13, đây là lần thứ 7 trong 7 năm hành trình liên tục STK được vinh dự nhận giải thưởng này, góp phần khẳng định chiến lược xây dựng doanh nghiệp phát triển bền vững theo mục tiêu lâu dài của STK.
2021	› Giải nhì Báo cáo phát triển bền vững tốt nhất thị trường trong nhóm Công ty có vốn hóa trung bình do Sở giao dịch chứng khoán HCM tổ chức, 5 năm liên tiếp › Top 4 Báo cáo thường niên tốt nhất 2021 trong nhóm Công ty có vốn hóa trung bình do Sở giao dịch chứng khoán HCM tổ chức › Thuộc top 100 Doanh nghiệp phát triển bền vững 2021 (CSI 100), 6 năm liên tiếp. Giải thưởng do Hội Đồng Doanh nghiệp vì Sự Phát Triển Bền Vững (VBCSD) trao tặng.
2020	› Top 15 thuộc top 100 Doanh nghiệp phát triển bền vững 2020 (CSI 100), 5 năm liên tiếp. › Top 3 Báo cáo phát triển bền vững -Báo cáo đáng tin cậy nhất trong nhóm Công ty có vốn hóa trung bình do Sở giao dịch chứng khoán HCM tổ chức, 4 năm liên tiếp › Top 5 Báo cáo thường niên -Báo cáo quản trị tốt nhất trong nhóm Công ty có vốn hóa trung bình do Sở giao dịch chứng khoán HCM tổ chức
2019	› Top 100 Doanh nghiệp Phát triển bền vững 2019 (CSI100) 4 năm liên tiếp. › Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất trong nhóm Công ty có vốn hoá trung bình do Sở giao dịch chứng khoán HCM tổ chức › Top 10 Báo Cáo PTBV tốt nhất
2018	› Top 100 Doanh nghiệp Phát triển bền vững 2018 (CSI100) 3 năm liên tiếp. › Top 10 Báo Cáo PTBV › Top 90 Báo Cáo TN.
2017	› Top 500 công ty lớn nhất Việt Nam (VNR500): xếp hạng 361 trên Bảng Doanh nghiệp tư nhân Việt Nam. › Tổ chức trao giải: Việt Nam Report và báo Vietnamnet. › Top 100 Doanh nghiệp Phát triển bền vững 2017 (CSI100) › IR Award 2017 – Doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin › Tổ chức trao giải: VAFE và CTCP Tài Việt (báo điện tử Vietstock).

1 VBCSD do VCCI Việt nam thành lập.

Sơ đồ cơ cấu tổ chức (GRI 102-18)

Mô hình quản trị của Công ty được xây dựng theo thông lệ và chuẩn mực tiên tiến nhất, phù hợp với các yêu cầu quản trị của một công ty niêm yết.

Cơ chế xây dựng chiến lược, lập kế hoạch, triển khai thực hiện và báo cáo kết quả PTBV

Xây dựng chiến lược sản phẩm bền vững

MÔI TRƯỜNG

- Cải tiến công nghệ kỹ thuật nhằm cắt giảm tiêu hao
- Sử dụng năng lượng tái tạo (năng lượng mặt trời)
- Áp dụng hệ thống tự động trong quá trình sản xuất, ít sai sót và giảm tỷ lệ phế phẩm

KINH TẾ

- Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận theo mục tiêu đề ra
- Phát triển sản phẩm thân thiện với môi trường
- Phát triển thị trường

XÃ HỘI

- Chia sẻ lợi ích với các bên liên quan
- Nâng cao năng lực nguồn lao động thông qua các chương trình đào tạo
- Cải thiện môi trường làm việc và đảm bảo an toàn, vệ sinh, lao động

TÁI CHẾ

- Đầu tư dây chuyền tái chế phế phẩm
- Tăng tỷ lệ tái chế sợi phế
- Tăng tỷ lệ tái sử dụng vật liệu ống giấy, bao bì, pallet và nước sinh hoạt trong sản xuất

Nhằm cân bằng lợi ích giữa các bên liên quan cũng như các cán cân PTBV, tại Sợi Thế Kỷ, trọng tâm chiến lược phát triển bền vững là lựa chọn sản phẩm thân thiện với môi trường và có tính khả thi cao về mặt kinh tế. Sản phẩm sợi Recycle là một trong các sản phẩm chủ đạo giúp Công ty có thể phát triển xa hơn trên con đường PTBV của mình với giá trị kinh tế mang lại cao, tái chế chai nhựa góp phần bảo về môi trường (giúp giảm khoảng 40%-50% carbon footprint so với sản phẩm sợi nguyên sinh).

Công ty cũng đang phát triển thêm sản phẩm sợi màu (sản phẩm thay thế cho công đoạn nhuộm truyền thống, giúp khách hàng tiết giảm tiêu hao nước, nước thải và phát thải hóa chất ra môi trường) và thêm các tính năng đặc biệt cho sản phẩm sợi tái chế (như hút ẩm, co dãn cao, v.v) nhằm tạo ra giá trị gia tăng cho người tiêu dùng và thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ sợi tái chế.

Bên cạnh danh mục sản phẩm thân thiện môi trường, Công ty cũng chú trọng chiến lược đầu tư máy móc sử dụng công nghệ hiện đại để giảm tiêu thụ năng lượng điện (e-saving technology), giảm phế phẩm cũng như khuyến khích việc cải tiến kỹ thuật nhằm giảm tiêu hao nguyên vật liệu, điện nước, tái sử dụng nguyên vật liệu, tái chế phế liệu và sử dụng năng lượng tái tạo.

Về mặt lao động và xã hội, với phương châm cùng nhau phát triển, Công ty chủ trương chia sẻ lợi ích với người lao động thông qua việc không ngừng nâng cao chế độ đãi ngộ, nâng cao năng lực cho người lao động và tạo môi trường làm việc an toàn và thoải mái cho người lao động.

Phân công triển khai và thực hiện theo từng đơn vị

PHÒNG NHÂN SỰ – PHỤ TRÁCH CHỦ ĐỀ XÃ HỘI

- Xây dựng định biên nhân sự, đáp ứng nguồn nhân lực cho toàn Công ty;
- Thực hiện chấm công, tính lương và đảm bảo các chính sách phúc lợi cho người lao động;
- Thực hiện đào tạo, đề bạt và bồi dưỡng kỹ năng cho CBCNV;
- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng và lựa chọn ứng viên cho từng vị trí tại Công ty;
- Tham mưu cho HĐQT về ngân sách lương và hiệu quả thực hiện KPIs của từng phòng ban;
- Cập nhật và cải tiến các chính sách lao động tại Công ty theo pháp luật hiện hành;
- Xử lý khiếu nại và đảm bảo bình đẳng tại Công ty;
- Chịu trách nhiệm báo cáo trực tiếp với TGĐ và HĐQT về các vấn đề nhân sự – xã hội;

PHÒNG TỔNG VỤ – PHỤ TRÁCH CHỦ ĐỀ MÔI TRƯỜNG

- Đề xuất và ban hành các chính sách an toàn – vệ sinh – môi trường tại Công ty;
- Giám sát, báo cáo tuân thủ về an toàn lao động và các tiêu chí về môi trường khác tại Công ty;
- Huấn luyện nội dung an toàn – vệ sinh – môi trường định kỳ cho CBCNV;
- Định kỳ đo kiểm môi trường tại nơi làm việc về khí thải, nước thải và chất thải;
- Cập nhật và lập các chính sách, quy trình bảo vệ môi trường, hướng dẫn an toàn - vệ sinh - môi trường tại nơi làm viêc.
- Báo cáo trực tiếp với TGĐ về các vấn đề an toàn - vệ sinh - môi trường;

PHÒNG KINH DOANH – PHỤ TRÁCH CHỦ ĐỀ KINH TẾ

- Tham mưu TGĐ lập kế hoạch kinh doanh;
- Tìm kiếm khách hàng tiềm năng, mở rộng mạng lưới khách hàng và thị trường;
- Đẩy mạnh công tác bán hàng, tối đa hóa doanh thu và lợi nhuận cho Công ty;
- Đảm bảo chất lượng dịch vụ khách hàng và đẩy mạnh chiến lược marketing;
- Cập nhật tình hình thị trường và tham mưu TGĐ để có chính sách bán hàng hợp lý;
- Báo cáo trực tiếp với TGĐ và HĐQT về tình hình kinh doanh của Công ty;

PHÒNG TÀI CHÍNH – PHỤ TRÁCH CHỦ ĐỀ KINH TẾ.

- Tham mưu TGĐ và phòng kinh doanh về giá bán và price gap;
- Quản lý và kiểm soát ngân sách toàn Công ty;
- Báo cáo Ban TGĐ về các chi phí phát sinh và vượt định mức sử dụng;
- Thúc đẩy phòng kinh doanh bám sát mục tiêu lợi nhuận Công ty đã đặt ra;
- Kiểm soát tình hình tồn kho và cung cấp thông tin cho ban TGĐ;

PHÒNG KẾ HOẠCH SẢN TIÊU – PHỤ TRÁCH KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VÀ SỬ DỤNG NGUYÊN VẬT LIỆU

- Đáp ứng nhu cầu lịch giao hàng của Công ty;
- Sắp xếp máy móc, thiết bị và nguồn nhân lực để tiến hành sản xuất các đơn hàng;
- Lên kế hoạch sản xuất và kiểm soát tiêu hao nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất;
- Phối hợp với phòng kinh doanh trong việc nhận đơn hàng và đáp ứng lịch giao hàng;

PHÒNG THU MUA – PHỤ TRÁCH CHỦ ĐỀ NGUYÊN VẬT LIỆU

- Tìm kiếm nhà cung ứng nguyên vật liệu, thiết bị, máy móc và dịch vụ chất lượng;
- Đảm bảo giá cả hợp lý, tiết giảm chi phí Công ty;
- Đảm bảo lịch giao hàng của nhà cung ứng đúng thời hạn để phục vụ nhu cầu sản xuất Công ty;
- Phát triển mạng lưới nhà cung ứng để giảm thiểu rủi ro hụt nguồn cung;

BỘ PHẬN SẢN XUẤT – PHỤ TRÁCH CHỦ ĐỀ SẢN XUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

- Vận hành và quản lý chất lượng sản phẩm được sản xuất;
- Đảm bảo không gây lãng phí tài nguyên Công ty trong quá trình sản xuất;
- Giảm thiểu tối đa tỷ lệ phế phẩm;
- Nghiên cứu và phát triển các giải pháp mới để nâng cao và ổn định chất lượng sản phẩm;

Thành tựu PTBV đạt được trong năm 2022 (GRI 102-28)

QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ

1. Dựa trên các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lao động – xã hội, báo cáo tuân thủ bảo vệ môi trường và kết quả hoàn thành nhiệm vụ KPIs hàng tháng.
2. HĐQT nhận xét và đưa ra đánh giá các thành tựu phát triển bền vững mà Công ty đã đạt được trong thời gian qua,
3. HĐQT cũng đưa ra những định hướng phát triển mới cho giai đoạn tiếp theo *(xem thêm mục **III.6.5**)*.

TẦN SUẤT ĐÁNH GIÁ

Giám sát kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững hàng tháng, hàng quý, đưa ra đánh giá hàng năm.

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ BỀN VỮNG

- Doanh thu thuần năm 2022 hoàn thành 81% so với kế hoạch năm 2022.
- Tỷ trong sợi recycle trong tổng doanh thu tăng mạnh chiếm 52% trong tổng doanh thu;
- Lợi nhuận ròng năm 2022 đạt 240,3 tỷ VND và hoàn thành 80% mục tiêu năm 2022;
- Tình hình tài chính của Công ty được cải thiện tốt hơn chỉ số nợ vay giảm còn 0,2x ghi nhận ngày 31/12/2022;
- Phát triển thành công các loại sợi có giá trị gia tăng cao (sợi Dope dye, Soft package, Full dull, High CR, CD Mix, Quick Dry) cho thị trường nội địa và xuất khẩu như Nhật Bản, Thái Lan;

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VÀ XÃ HỘI BỀN VỮNG

- Thu nhập của người lao động năm 2022 tăng bình quân 5% so với 2021;
- Tặng quà tết, xây dựng các quỹ nhằm giúp đỡ các CBCNV có hoàn cảnh khó khăn;
- Thưởng hơn 1 tháng lương bình quân cho người lao động vào dịp tết nguyên đán;
- Định kỳ áp dụng chính sách đánh giá bậc tay nghề để đề bạt và tạo cơ hội thăng tiến cho người lao động;
- Công ty tạo thêm nhiều công ăn việc làm trực tiếp cho lao động địa phương và gián tiếp cho các nhà thầu cung cấp thông qua: dự án mở rộng sản xuất (nhà máy Unitex)..
- Công ty đã tiếp tục cải thiện cơ chế khiếu nại và phản hội dựa trên cơ sở Bộ quy tắc ứng xử tại Công ty;
- Định kỳ thực hiện việc kiểm định và bảo dưỡng máy móc thiết bị;
- Đảm bảo an toàn lao động cho nhân viên khi đang làm việc tại Công ty.

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Phát triển sản phẩm sợi thân thiện với môi trường: tỷ trọng sợi tái chế đã tăng lên vượt bậc chiếm 52% trong cơ cấu doanh thu, hướng tới tỷ lệ 100% năm 2025 trên các nhà máy hiện hữu;
- Dự án năng lượng mặt trời giúp giảm 10% lượng carbon footprint hàng năm và giảm 530 nghìn tấn CO_2 cho suốt vòng đời dự án; tăng thêm 15MWp/năm công suất của năng lượng mặt trời thông qua dự ăn DPPA Trảng Bàng;
- Tái chế sợi phế phẩm thành hạt PET chip đầu vào, giúp giảm phát thải ra môi trường tỷ lệ tái chế hơn 90% lượng sợi phế được sản xuất trong kỳ;
- Phát triển và thương mại sợi màu dope dye, giúp giảm lượng nước sạch, hóa chất tiêu thụ và bảo vệ môi trường;
- Trong năm 2022, số lượng ống giấy POY sử dụng là 796.180 ống và trung bình 1 ống giấy POY có thể tái sử dụng lại 3,15 lần nên số lượng ống giấy POY được tiết kiệm là 2.507.967 ống (nếu không áp dụng việc tái sử dụng, số lượng ống giấy POY cần có là 3.304.147 ống).
- Chỉ số cacbon footprint về điện giảm 2,1% so với năm 2021, chủ yếu do Công ty thu hẹp hoạt động sản xuất nhà máy Củ Chi từ Q3.2022 nên lượng điện năng sử dụng 2022 thấp hơn 2021; Chỉ số cacbon footprint về dầu Diesel đã hoàn toàn không còn phát sinh từ năm 2020;
- Tính từ khi bắt đầu sản xuất sợi tái chế đến hết 2022, Công ty đã gián tiếp tái sử dụng khoảng 4,1 tỷ chai nhựa PET nhờ vào việc sản xuất sợi Recycle, giảm thiểu tác động tới môi trường đặc biệt là giảm nguồn rác thải chai nhựa trên đại dương.

Hội đồng quản trị công ty (GRI 102-22,23,24,27)

Bà Đặng Mỹ Linh *(51 tuổi)*

Bà Đặng Mỹ Linh là một trong những thành viên sáng lập của STK. Hiện tại, bà đang đảm nhận chức vụ Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Liên An từ năm 2001.

Trước đó, bà Linh đã công tác với thời gian 10 năm tại Công ty Worldtex Enterprise, một công ty dệt may của Đài Loan.

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh

Vị trí: **Chủ tịch HĐQT**

Thời gian bổ nhiệm: Năm 2020

Ông Đặng Triệu Hoà *(54 tuổi)*

Ông Đặng Triệu Hòa là người sáng lập Công ty từ năm 2000 và đóng vai trò quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của STK.

Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành công nghiệp sản xuất sợi, dệt may và am hiểu sâu sắc về công nghệ sản xuất và xu hướng ngành nghề sợi nói riêng và dệt may nói chung.

Ông đã từng đảm nhiệm chức vụ Giám đốc tại Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hoàn Á và Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Việt Phú trước khi sáng lập STK.

Với vai trò Tổng Giám đốc, Ông là người đóng vai trò quyết định trong công tác điều hành và định hướng phát triển của Công ty. Ông đã nhận được bằng khen của Bộ công thương vì thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2007.

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh

Vị trí: **Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ**

Thời gian bổ nhiệm: Năm 2020

Ông Đặng Hướng Cường *(47 tuổi)*

Ông Đặng Hướng Cường cũng là một trong những thành viên sáng lập của STK. Hiện tại, Ông Cường đang đảm nhiệm chức vụ Giám đốc của Công ty TNHH P.A.N Châu Á, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sợi.

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh

Vị trí: **Thành viên HĐQT không điều hành**

Thời gian bổ nhiệm: Năm 2005

Hội đồng quản trị công ty *(tiếp theo)*

Bà **Cao Thị Quế Anh** *(57 tuổi)*

Hiện tại Bà Quế Anh đang đảm nhiệm vị trí Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Xanh. Trước đó, Bà Quế Anh đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh và tài chính tại Cộng hòa Ba Lan và Việt Nam.

Vị trí: **Thành viên HĐQT độc lập không điều hành**

Thời gian bổ nhiệm: 12/01/2015

Ông **Chen Che Jen** *(59 tuổi)*

Là một chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong ngành sợi và may mặc.

Trình độ chuyên môn: Kỹ thuật

Vị trí: **Thành viên HĐQT độc lập không điều hành**

Thời gian bổ nhiệm: 17/04/2018

Ông **Võ Quang Long** *(45 tuổi)*

Ông là đại diện sở hữu vốn của Công ty cổ phần đầu tư vấn Hướng Việt – cổ đông lớn của Công ty.

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh

Vị trí: **Thành viên HĐQT không điều hành**

Thời gian bổ nhiệm: 17/04/2018

Ông **Nguyễn Quốc Hương** *(52 tuổi)*

Là một chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong ngành tài chính và quản trị rủi ro tài chính.

Trình độ chuyên môn: Tài chính

Vị trí: **Thành viên HĐQT độc lập không điều hành**

Thời gian bổ nhiệm: 17/04/2018

Vai trò và trách nhiệm của HĐQT về các chủ đề phát triển bền vững (GRI 102-20,32)

- HĐQT có vai trò chính trong việc hoạch định mục tiêu và định hướng phát triển bền vững cho Công ty. Trong đó, định hướng phát triển bền vững được cụ thể hóa theo từng mục tiêu cho các bộ phận, phòng ban và các đơn vị cơ sở khác, HĐQT sẽ có trách nhiệm giám sát, kiểm tra và đảm bảo rằng các mục tiêu PTBV đặt ra được triển khai và thực hiện tại doanh nghiệp.
- Thông qua việc mục tiêu của từng bộ phận, phòng ban sẽ được lượng hóa thành các chỉ tiêu (KPI), Ban Điều Hành có thể đánh giá và đo lường một cách chính xác và hiệu quả kết quả thực hiện định hướng phát triển bền vững của từng phòng, ban theo mục tiêu chung của Công ty.
- Định kỳ hàng quý, HĐQT sẽ tiến hành họp để nghe Ban Điều Hành Công ty báo cáo và kịp thời đưa ra các chỉ đạo cho các hoạt động kinh doanh và sản xuất của STK. Từng khía cạnh về kinh tế - xã hội - môi trường đều được các đại diện của Ban Điều Hành trình bày trực tiếp trước HĐQT trong các buổi họp. Thành viên HĐQT sẽ đánh giá và đưa ra các định hướng để cải thiện kết quả hoạt động của Công ty.
- HĐQT giao Ban Điều Hành và bộ phận Quan Hệ Cổ Đông chịu trách nhiệm thực hiện báo cáo phát triển bền vững, đảm bảo nội dung báo cáo được xây dựng dựa trên thông lệ quốc tế, quy định của Việt Nam và phù hợp với tình trạng thực tế của Công ty.

Ban điều hành
(GRI 102-22,23,24,27)

Ông Đặng Triệu Hòa

Phó chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng Giám Đốc

Năm sinh: 1969 | Nam

Trình độ học vấn: Quản trị kinh doanh

Quá trình làm việc:

Tháng 06/2000 - nay:	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, STK.
1995 - 2000:	Giám đốc Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hoàn Á.
1991 - 1995:	Giám đốc Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Việt Phú.

Bà Nguyễn Phương Chi

Giám đốc Chiến lược

Năm sinh: 1972 | Nữ

Trình độ học vấn: Thạc sỹ Tài chính Ứng dụng

Quá trình làm việc:

1/2015-nay:	Giám đốc Chiến lược, STK
3/2008-12/2014:	Giám đốc Tư vấn Đầu tư, Công ty Cổ phần Quốc tế Trí Tín.
4/2005-2/2008:	Giám Đốc Dự án Cao cấp, Openasia Consulting Ltd.
10/2004-2/2005:	Chuyên viên Phát triển Doanh nghiệp, Chương trình Phát Triển Dự án Mê Kông (“MPDF”).
10/2002-10/2004:	Chuyên viên Tài chính Cao cấp, Pricewaterhouse Coopers (Vietnam) Ltd.
3/1997-3/2000:	Trợ lý Luật sư, Công ty Luật Deacons Graham & James, chi nhánh Hà Nội.

Ông Phan Như Bích

Giám đốc tài chính, kiêm Kế toán trưởng

Năm sinh: 1970 | Nam

Trình độ học vấn: MBA

Quá trình làm việc:

Tháng 10/2016	Giám đốc tài chính kiêm kế toán trưởng STK
Tháng 11/2010:	Kế toán trưởng, STK.
03/2004 - 03/2010:	Kế toán, Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Dệt May – Đầu tư – Thương Mại Thành Công.
1997 - 03/2004:	Kế toán tại Điện Lực tỉnh Bình Phước.

Ban kiểm soát
(GRI 102-22,23,24,27)

Ông Nguyễn Tự Lực

Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1952 | Nam

Trình độ học vấn: Cử nhân Kế toán

Quá trình làm việc:

1/2015 – nay:	Kế toán trưởng, Công ty TNHH Mai Hoàng Vũ
2007 - nay:	Trưởng Ban Kiểm soát, STK
2006 - nay:	Trợ lý Tổng Giám đốc, STK
2000 - 2006:	Kế toán trưởng, STK
1984 - 2000:	Kế toán trưởng, Công ty XNK Giày dép Nam Á
1979 - 1984:	Kế toán tổng hợp Công ty Khách sạn TP.HCM, Kế toán trưởng Khách sạn Sài Gòn

Bà Hoàng Nữ Mộng Tuyền

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1990 | Nữ

Trình độ học vấn: Cử nhân

Quá trình làm việc:

25/02/2020 – nay:	Chuyên viên kinh doanh tại Công ty TNHH Kpack
2018 – 02/2020	Trợ lý TGĐ, STK
2012 – 2018	Trưởng nhóm kinh doanh, STK

Bà Đinh Ngọc Hoa

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1979 | Nữ

Trình độ học vấn: Cử nhân ngành Kinh doanh tiền tệ

Quá trình làm việc:

2005 - nay:	Trưởng Phòng Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ, STK
2002 - 2004:	Nhân viên kế toán CTY TNHH Vĩ Hợp

Báo cáo quản trị Công ty

*(Xem thêm mục **Báo cáo quản trị của Công ty - BCTN 2022**)*

Ngăn ngừa xung đột lợi ích và giao dịch với các bên có liên quan (GRI 102-25)

*(Xem thêm mục **Ngăn ngừa xung đột lợi ích và giao dịch với các bên có liên quan - BCTN 2022**)*

Báo cáo Phát triển bền vững 2022

Bối cảnh phát triển bền vững trên thế giới 30

Bối cảnh phát triển bền vững của ngành dệt may 32

Các giá trị đạo đức của Công ty 36

Nguyên tắc đối xử với các bên liên quan 36

Cơ chế tư vấn và báo cáo các mối quan ngại về bộ quy tắc ứng xử tại Công ty 36

Sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình thiết lập báo cáo PTBV 36

Bối cảnh phát triển bền vững trên thế giới

Theo báo cáo về tiến độ thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững 2022 của Liên Hợp Quốc **"The Sustainable Development Goals Report 2022"**, sau hai năm liên tiếp của đại dịch Covid-19, thế giới không còn đạt được tiến bộ về SDGs. Điểm số trung bình của chỉ số SDG [1] giảm nhẹ vào năm 2021, một phần là do sự phục hồi chậm hoặc không có ở các quốc gia nghèo và dễ bị tổn thương, các nước đang phát triển đang phải vật lộn với lạm phát kỷ lục, lãi suất tăng cao và gánh nặng nợ nần chồng chất. Ở các nước kém phát triển nhất, tăng trưởng kinh tế vẫn chậm chạp và tỷ lệ thất nghiệp ngày càng tồi tệ. Bên cạnh đó, các cuộc khủng hoảng an ninh (như cuộc chiến ở Ukraine và các cuộc xung đột quân sự khác trên thế giới) đã tác động tiêu cực đến sự thịnh vượng và tình hình cân bằng xã hội trên thế giới, bao gồm làm trầm trọng thêm tình trạng nghèo đói, mất an ninh lương thực và khả năng tiếp cận năng lượng sạch. Hiệu suất thực hiện trên các mục tiêu PTBV như SDG 1 (Không Nghèo đói) và SDG 8 (Tăng trưởng Kinh tế và Việc làm Bền vững) vẫn ở dưới mức trước đại dịch ở nhiều quốc gia có thu nhập thấp và các quốc gia có thu nhập trung bình thấp. Đây là một bước thụt lùi lớn, đặc biệt khi xét đến việc trước đại dịch, trong giai đoạn 2015–2019, thế giới đã đạt được các SDG với tốc độ 0,5 điểm mỗi năm (làm chậm tiến độ để đạt được mục tiêu vào thời hạn 2030) *(Nguồn: SDGindex.org)*

Điểm chỉ số SDG theo thời gian, trung bình thế giới (2010-2021)

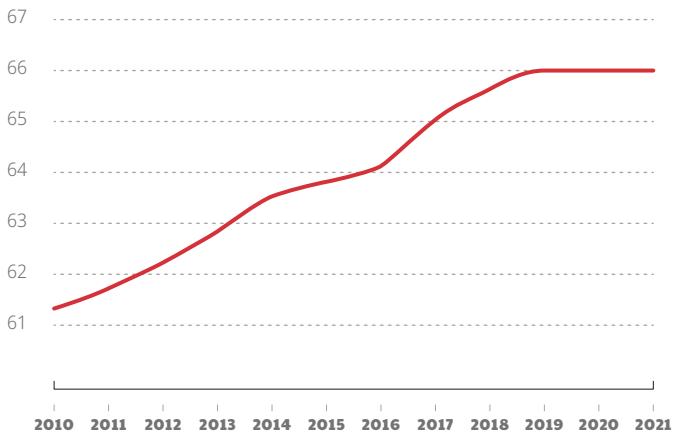

1 *Sustainable Development Goals*

Kinh tế

- Trước cuộc khủng hoảng Ukraine, GDP[1] thực tế bình quân đầu người toàn cầu được dự đoán sẽ tăng 3,0% vào năm 2022 và 2,5% vào năm 2023. Tuy nhiên, mức tăng trưởng đó bị cắt giảm xuống chỉ còn 2,1% trong năm 2022.
- Tỷ lệ thất nghiệp toàn cầu được ghi nhận trên mức 5,4% của năm 2019 và 6,6% năm 2020. Năm 2021, tỷ lệ thất nghiệp ghi nhận ở mức 6,2%, tương đương với 28 triệu người thất nghiệp.
- Sau khi giảm 1,3% vào năm 2020, sản xuất toàn cầu đã tăng 7,2% vào năm 2021, vượt qua mức trước đại dịch, nhưng sự phục hồi vẫn không đồng đều giữa các quốc gia.
- Tổng số hành khách đi máy bay quốc tế đạt 1,8 tỷ vào năm 2020, giảm 60% so với năm 2019.
- Thiệt hại tài chính của ngành hàng không lên tới 370 tỷ đô la vào năm 2020, đồng thời các sân bay và nhà cung cấp dịch vụ hàng không lần lượt mất thêm 115 tỷ đô la và 13 tỷ đô la.
- Lưu lượng hành khách hàng không toàn cầu phục hồi khiêm tốn vào năm 2021 với 2,3 tỷ hành khách, so với 4,5 tỷ vào năm 2019, dẫn đến thiệt hại tài chính là 324 tỷ USD.
- Vốn hợp tác phát triển ròng đạt mức cao mới là 177,6 tỷ đô la, phần lớn là do viện trợ liên quan đến COVID.
- Đầu tư trực tiếp từ nước ngoài phục hồi đạt 1,58 nghìn tỷ USD, tăng 64% từ năm 2020.
- Kiều hối đạt 605 tỷ USD, tăng 8,6% so với năm 2020.

Môi trường

- Các hệ sinh thái liên quan đến nước trên thế giới đang đang bị suy thoái ở mức báo động.
- Trong 300 năm qua, hơn 85% vùng đất ngập nước trên hành tinh đã bị mất.
- Hơn 2,4 tỷ người vẫn sử dụng hệ thống nấu ăn kém hiệu quả và gây ô nhiễm môi trường .
- Tổng mức tiêu thụ năng lượng tái tạo tăng một phần tư (25%) từ năm 2010 đến 2019.
- Trên toàn cầu, tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gôm là 82%.
- Sự phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên ngày càng tăng, tăng 65% trên toàn cầu từ năm 2000 đến năm 2019.
- Lượng khí thải CO_2 liên quan đến sử dụng năng lượng tăng 6% vào năm 2021, đạt mức cao nhất từ trước đến nay.
- Nhiệt độ toàn cầu tăng tiếp tục không suy giảm, dẫn đến thời tiết khắc nghiệt hơn.
- Ô nhiễm rác thải nhựa đang bóp nghẹt đại dương, hơn 17 triệu tấn nhựa đổ vào đại dương vào năm 2021 dự kiến sẽ tăng gấp đôi hoặc gấp ba vào năm 2040.
- Hơn 10 triệu ha rừng bị phá mỗi năm, gần 90% diện tích rừng bị phá trên toàn cầu là do mở rộng sản xuất nông nghiệp.

Xã hội

- Số người sống trong cảnh nghèo cùng cực vào năm 2022 ghi nhận 657-676 triệu người so với số lượng trước đại dịch là 581 triệu người.
- Tỷ lệ lao động nghèo tăng từ 6,7% năm 2019 lên 7,2% năm 2020.
- Xung đột, COVID-19, biến đổi khí hậu và bất bình đẳng ngày càng gia tăng đang góp phần làm suy yếu an ninh lương thực trên toàn thế giới, cứ 10 sẽ có 1 người trên toàn thế giới đang bị đói.
- Hơn 149,2 triệu trẻ em dưới 5 tuổi bị thấp còi (2020).
- Hơn 22,7 triệu trẻ em không được tiêm các vắc xin cơ bản trong năm 2020.
- Phụ nữ chiếm 39% tổng số việc làm vào năm 2019, nhưng 45% mất việc làm trên toàn cầu vào năm 2020.

1 *Gross Domestic Product: là giá trị thị trường của tất cả hàng hóa và dịch vụ cuối cùng được sản xuất ra trong phạm vi một lãnh thổ nhất định (thường là quốc gia) trong một thời kỳ nhất định (thường là một năm).*

Bối cảnh phát triển bền vững của ngành dệt may

Trong 2022, các thị trường tiêu thụ hàng may mặc chủ chốt trên thế giới như Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc đã có sự phục hồi rất tốt nên đơn hàng xuất khẩu hàng dệt may của Việt nam đã tăng trưởng khá tốt trong 6 tháng đầu năm 2022. Tuy nhiên, giai đoạn quí 3 và quí 4 -2022 hết sức khó khăn đối với các doanh nghiệp dệt may Việt Nam khi chịu ảnh hưởng nặng nề từ ảnh hưởng khủng hoảng kinh tế do lạm phát tăng cao tại các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam, khiến cho nhu cầu về hàng dệt may trên thế giới giảm xuống, tồn kho cao, chi phí nhân công tăng, lỗ tỷ giá do các ngân hàng trung ương tiếp tục tăng lãi suất và giá khí đốt tăng cao vì cuộc chiến Ukraine dẫn đến nhiều doanh nghiệp phải đóng cửa, thu hẹp công suất. Dự kiến ngành dệt may vẫn sẽ đối mặt với sự sụt giảm mạnh đơn hàng từ các thị trường xuất khẩu chính, ít nhất là cho đến hết nửa đầu năm tài chính năm 2023, trong bối cảnh lượng hàng tồn kho ở mức cao và lạm phát cao làm giảm tiêu thụ toàn cầu. *(Nguồn: Hiệp Hội Dệt May Việt Nam (VITAS))*

Kết quả tổng kim ngạch xuất khẩu của ngành dệt may Việt Nam ước tính đạt 44 tỷ USD trong năm 2022, tăng 8,8% so với năm 2021. Đây được coi là nỗ lực lớn của ngành dệt may Việt Nam, và cũng là tiền đề để thúc đẩy ngành phát triển trong thời gian tới với mục tiêu kim ngạch xuất khẩu đạt 47-48 tỷ USD trong năm 2023. *(Nguồn: Hiệp Hội Dệt May Việt Nam (VITAS))*

Kim ngạch xuất khẩu dệt may Việt Nam

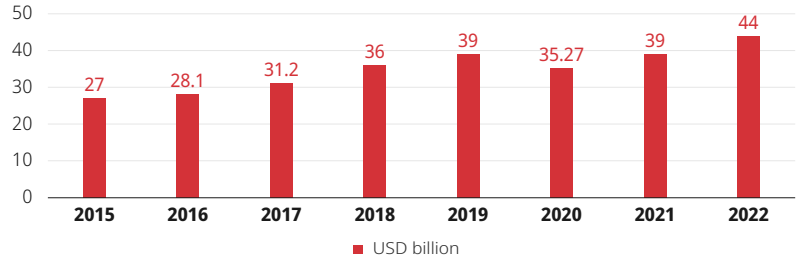

Nguồn: Hiệp Hội Dệt May Việt Nam

Tình hình xuất khẩu sợi polyester filament của Việt Nam FY2022

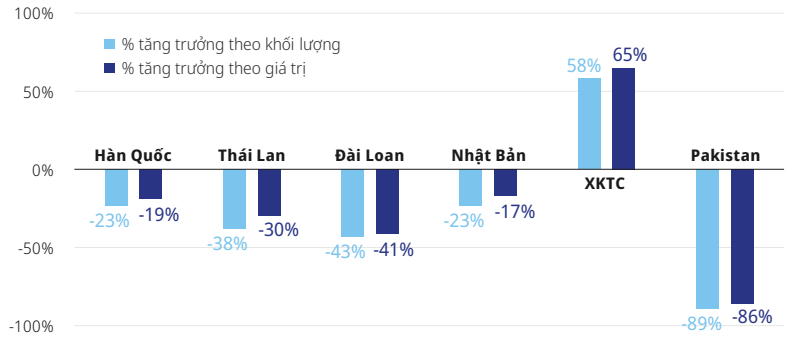

Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam

Theo "Chiến lược phát triển ngành Dệt May Việt Nam đến năm 2030", để tăng khả năng cạnh tranh và thu hút được nhiều đơn hàng, ngành may mặc Việt Nam cần phải ưu tiên khả năng cung ứng trọn gói, sản xuất được cả sợi, vải và may (thúc đẩy giảm nhập khẩu, tăng nội địa hóa nguyên phụ liệu trong nước); tiên phong sản xuất sản phẩm xanh - phát triển bền vững, sản phẩm tái chế để thúc đẩy các nhãn hàng tìm đến thị trường Việt Nam nhằm tăng xuất khẩu sang các nước châu Âu.

Bên cạnh đó, nhằm hướng tới việc giảm nhẹ hậu quả của việc tàn phá môi trường và biến đổi khí hậu đang gây ra thì khái niệm tiêu dùng xanh để góp phần bảo vệ môi trường nổi lên như một xu hướng, ngày càng phổ biến và dần trở thành một điều tất yếu mà một thương hiệu nên có. Do luật pháp qui định sẽ ngày càng chặt chẽ hơn về các tuyên bố phát triển bền vững và người tiêu dùng cũng ngày càng ý thức hơn nên các thương hiệu sẽ thận trọng hơn khi truyền thông điệp và lựa chọn nhà cung cấp uy tín để tránh rủi ro pháp lý và danh tiếng liên quan tới "tẩy xanh/greenwash"

Nhằm đáp ứng được các yêu cầu ngày càng gắt gao về sản phẩm và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường hướng tới khái niệm tiêu dùng xanh, các doanh nghiệp dệt may Việt Nam sẽ phải chủ động đổi mới theo hướng thiết kế sản phẩm có tuổi thọ cao hơn để thân thiện với môi trường và phát triển bền vững. Các sản phẩm dệt may cũng như nguyên liệu đầu vào là sợi dệt phải đáp ứng các tiêu chuẩn về chất lượng cao, thời gian sản xuất và cung ứng ngắn, linh hoạt, có thể tái chế được, tuổi thọ cao, không chứa các chất độc hại, tuân thủ các tiêu chuẩn về trách nhiệm xã hội, môi trường và đặc biệt là có mức phát thải khí nhà kính (carbon footprint) thấp như sợi recycle.

Theo báo cáo "2025 Recycled Polyester Challenge - Textile Exchange" tính đến năm 2021, đã có 132 thương hiệu bao gồm Nike, Adidas,Puma, Inditex, Old Navy, New Balance, H&M, Lululemon, VFGroup, Decathlon, Gap, Kering, Kmart đã cam kết vào lộ trình nâng cao tỷ trọng sử dụng sợi recycle cho đến 2025. Theo thống kê của Textile Exchange đến 2021 tỷ trọng sợi polyester tái chế trong tổng khối lượng sợi polyeter tiêu thụ (60,53 triệu tấn) đạt 14,8% (tương đương 8,9 triệu tấn). Dự kiến, tỷ trọng sợi polyester tái chế sẽ tăng từ 14,8% (2021) lên 45% (2025) và đạt 90% vào năm 2030. *(Nguồn: Textile Exchange).*

Polyester sản xuất toàn cầu (triệu tấn)

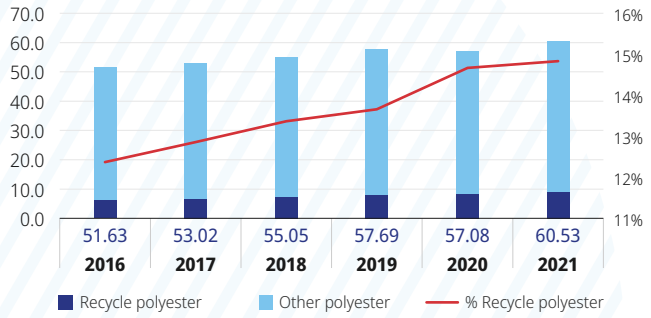

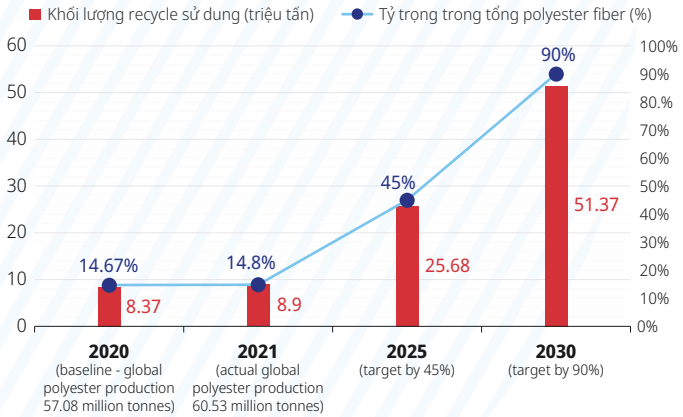

LỘ TRÌNH CAM KẾT SỬ DỤNG NGUYÊN LIỆU TÁI CHẾ CỦA CÁC NHÃN HÀNG THỜI TRANG

2019

NIKE

20% recycled materials in total use by 2019

2020

ATHLETA

80% recycled materials in total use by 2020

2024

adidas

Commit to use 100% recycled yarn by 2024

2025

Walmart
Save money. Live better.

Commit to use 50% recycled yarn by 2025

VF

Commit to use 50% recycled yarn by 2026

INDITEX

Commit to using 100% recycled yarn by 2025

H&M

Commit to use 100% recycled yarn by 2025

2030

IKEA

Only use recycled materials by 2030

UNIQLO

Use 50% recycled materials in total use by 2030

Recycled Polyester Yarn

Nắm bắt cơ hội phát triển và gắn kết với xu hướng phát triển bền vững, Sợi Thế Kỷ ngày càng tăng dần tỷ trọng cơ cấu sợi thân thiện với môi trường như sợi Recycle, năm 2022 tỷ trọng sợi recycle trong tổng doanh thu đã đạt hơn 52% và hướng tới mục tiêu 100% năm 2025 trên 2 nhà máy hiện hữu.

Đến 2022, Sợi Thế Kỷ đã gián tiếp tái chế 4,1 tỷ chai nhựa rác thải thành sợi recycle, góp phần giảm rác thải chai nhựa và bảo vệ môi trường.

Bên cạnh đó STK cũng đã phát triển sợi màu sử dụng công nghệ dope dyed, tạo ra giải pháp thay thế công đoạn nhuộm truyền thống, giúp các khách hàng giảm lượng nước sạch tiêu thụ tới 89%, đồng thời giảm tương ứng mức xả nước thải và hóa chất ra môi trường, góp phần đạt được các cam kết của họ trong chiến dịch ZDHC. Mặc dù tỷ lệ đóng góp trong doanh thu của sợi màu còn kiêm tốn (0,9% năm 2022), Công ty cũng đang tích cực mở rộng thêm nhiều khách hàng mua sản phẩm này và dự kiến tỷ trọng sản phẩm sợi màu sẽ tăng trong các năm tới.

Các giá trị đạo đức của công ty (GRI 102-16)

*(Xem thêm mục **Báo cáo quản trị - BCTN 2022**)*

Nguyên tắc đối xử với các bên liên quan (GRI 102-16)

*(Xem thêm mục **Báo cáo quản trị - BCTN 2022**)*

Cơ chế tư vấn và báo cáo các mối quan ngại về bộ quy tắc ứng xử tại công ty (GRI 102-17)

Công ty đưa ra hướng dẫn cụ thể để xác định một cá nhân có vi phạm quy tắc ứng xử của Công ty hay không, đồng thời thiết lập nên cơ chế kiểm soát tuân thủ, thực hiện cải tiến và phản hồi thông tin đối với những vấn đề liên quan đến Bộ quy tắc ứng xử. Tại STK, bộ chuẩn mực quy tắc ứng xử được hệ thống hóa thành quy trình SOP và kiểm soát dưới tiêu chuẩn ISO, áp dụng rộng rãi đến tất cả người lao động và các bên liên quan, phòng phát triển doanh nghiệp là đơn vị trực tiếp tiếp nhận các khiếu nại liên quan đến nguyên tắc ứng xử trong Công ty và từ các bên liên quan, để từ đó cùng phối hợp với bộ phận nhân sự để điều chỉnh hoặc cập nhật các chính sách nhân sự phù hợp hơn đến các bên liên quan đặc biệt là người lao động.

Sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình thiết lập báo cáo PTBV

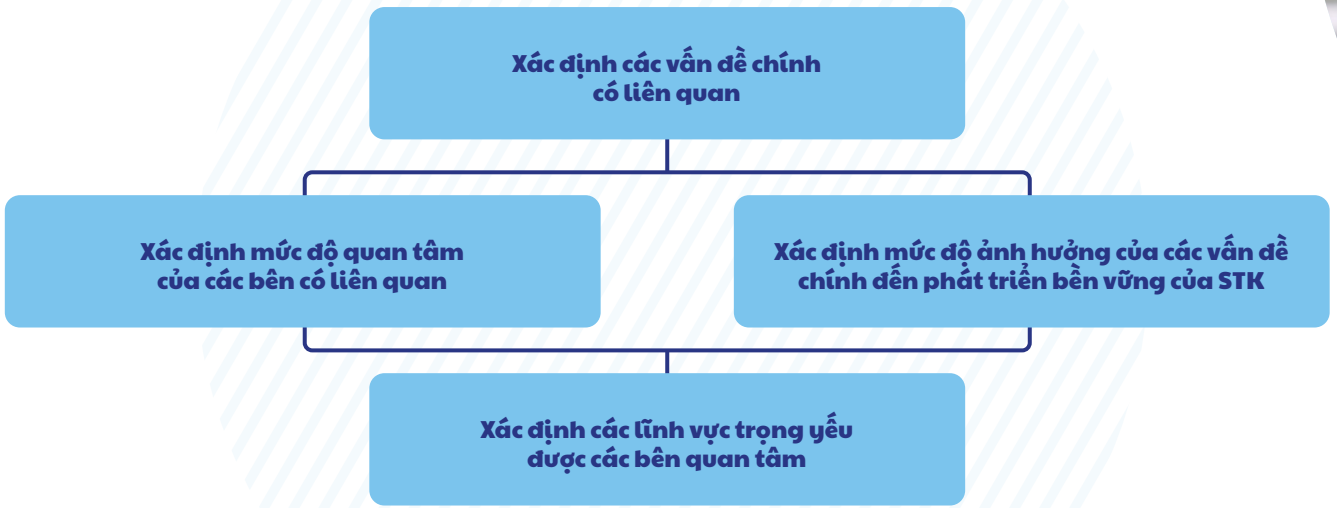

Nhận diện và lựa chọn các bên liên quan (GRI 102 - 42)

- Công ty dựa trên nguyên tắc xác định mức ảnh hưởng có thể có được từ hoạt động kinh doanh của STK đến các bên và ngược lại những mối quan tâm, sức ảnh hưởng của các bên đến STK.
- Theo đó, 8 bên liên quan trọng yếu của STK bao gồm:

CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN STK

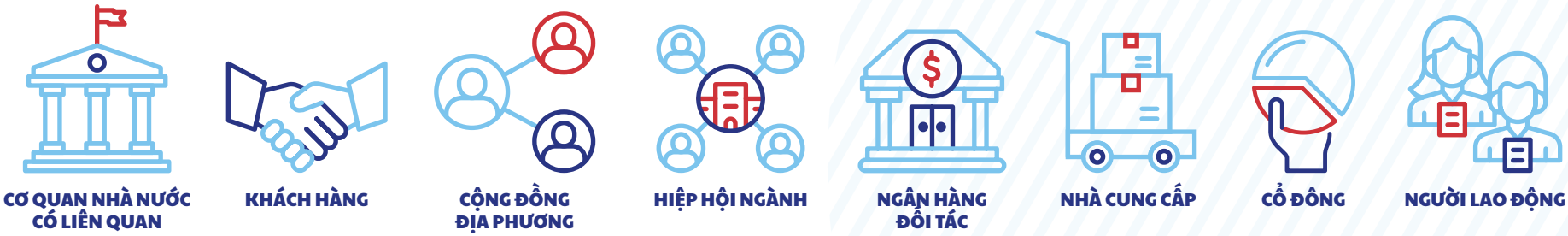

Cải thiện chất lượng gắn kết các bên liên quan thông qua cập nhật các mối quan tâm của các bên liên quan (GRI 102 - 43,44)

- Liên tục đa dạng hóa các kênh tiếp xúc và tương tác với các bên liên quan.
- Tiếp cận một cách sâu hơn các vấn đề trọng yếu.
- Sử dụng các kênh tiếp cận các bên liên quan khác nhau phụ thuộc vào tính chất đặc thù của mỗi nhóm đối tượng.
- STK cam kết việc ghi nhận các ý kiến đóng góp và mối quan tâm của các bên liên quan một cách đầy đủ.
- Công ty chủ động xem xét và đánh giá những phản hồi từ các bên liên quan, cập nhật vào các chính sách và hoạt động của Công ty một cách phù hợp.

Các bên liên quan	Kênh tiếp cận với các bên liên quan	Chủ đề quan tâm từ các bên liên quan	Hành động của STK để đáp lại mong đợi và mang lại giá trị cho các bên liên quan
Cổ đông	Cuộc họp ĐHĐCĐ. Buổi gặp mặt trực tiếp với nhà đầu tư. Hội thảo và tham quan nhà máy. Khảo sát ý kiến cổ đông bằng văn bản, điện thoại và emails. Bản tin IR, Investor Day, Analyst's meetings.	Minh bạch thông tin. Bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư/cổ đông. Quản trị doanh nghiệp tốt. Định hướng phát triển lâu dài. Hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư. Định hướng phát triển bền vững. Sự quan tâm của doanh nghiệp đối với các vấn đề xã hội, môi trường, cộng đồng (ESG). Chính sách cổ tức. Thù lao cho HĐQT, BKS, BĐH. Giá trị của doanh nghiệp. Tính thanh khoản và cơ hội đầu tư. Công ty bảo vệ môi trường giảm phát thải Carbon footprint.	Doanh thu đạt 2.114,5 tỷ VND, lợi nhuận sau thuế 242,3 tỷ VND, đều hoàn thành ~81% kế hoạch đề ra. Mở rộng thị trường mới: từng bước phát triển thêm khách hàng thị trường Mỹ. Nâng cao tỷ trọng sợi recycle trong tổng doanh thu lên 52% 2022. Huy động vốn thông qua phát hành thành công tỷ lệ 20% cho cổ đông hiện hữu với mức giá 10.000 đồng/cổ phiếu (tổng vốn huy động là 142,2 tỷ VND). Phát triển các loại sản phẩm mới có nhiều tính năng và thân thiện với môi trường Recycle Plus. Tuân thủ đúng về quy định công bố thông tin. Cam kết trả cổ tức tối thiểu 15%/năm. Chi trả cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ 15% bằng tiền mặt cho năm tài chính 2021. Đa dạng các kênh công bố thông tin. Thực hiện giám sát và đo lường mức phát thải carbon footprint tại Công ty.

Các bên liên quan	Kênh tiếp cận với các bên liên quan	Chủ đề quan tâm từ các bên liên quan	Hành động của STK để đáp lại mong đợi và mang lại giá trị cho các bên liên quan
Khách hàng	Trao đổi trực tiếp. Các buổi gặp mặt, đến thăm công ty khách hàng. Phiếu khảo sát khách hàng Website Công ty Hội thảo, diễn đàn hiệp hội ngành. Email, điện thoại.	Công ty hoạt động bền vững (ESG)- an toàn và uy tín. Chất lượng sản phẩm- dịch vụ. Giá cả cạnh tranh. Các điều khoản hợp đồng hấp dẫn. Dịch vụ khách hàng vượt trội. Công nghệ, năng lực sản xuất tốt. Sự chuyên nghiệp trong dịch vụ cung ứng. Các sản phẩm mang đến giá trị gia tăng cao. Sản phẩm an toàn, không chứa hóa chất độc hại. Công ty bảo vệ môi trường giảm phát thải Carbon footprint	Nghiên cứu và sản xuất các loại sợi có độ nhuyễn rất cao, tăng tỷ lệ các sản phẩm thân thiện với môi trường như sợi tái chế, sợi màu dope dyed. Đảm bảo chất lượng của sản phẩm ổn định. Nâng cao nghiệp vụ bán hàng của đội ngũ kinh doanh và quản lý chất lượng. Giao hàng đúng hạn và không thiếu hàng, thời gian giao hàng nhanh và linh hoạt. Liên tục đào tạo nguồn lực đội ngũ bán hàng nội địa và xuất khẩu. Tham gia công bố thông tin về phát triển bền vững trên các platform như CDP, đo lường tác động môi trường của sản phẩm. Nâng cao chất lượng các tiêu chí phục vụ khách hàng. Sản phẩm được chứng nhận không sử dụng các chất độc hại (REACH 168). Đạt chứng nhận OEKO –TEX 100 chứng minh thành phần trong sợi không chứa chất độc gây hại cho sức khỏe. Đạt chứng chỉ GRS (Global Recycle Standard). Được khách hàng trong nước và quốc tế đánh giá cao về chất lượng và dịch vụ. Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm.
Người lao động	Chương trình Tôn chỉ. Các cuộc họp giao ban. Đối thoại định kỳ với người lao động. Hội nghị người lao động hàng năm. Trực tiếp trao đổi với người quản lý. Trực tiếp trao đổi với phòng nhân sự. Phiên họp thương lượng tập thể.	Môi trường làm việc thoải mái an toàn. Đảm bảo sức khỏe nghề nghiệp. Cân bằng giữa công việc và cuộc sống. Chính sách lương thưởng và phúc lợi cao. Cơ hội học tập, đào tạo, phát triển nâng cao tay nghề. Cơ hội thăng tiến trong công việc Tầm nhìn của người lãnh đạo. Sự công bằng và dân chủ. Không phân biệt đối xử. An toàn lao động trong nơi làm việc. Công việc ổn định và được hướng dẫn.	Cải thiện chính sách tiền lương, chế độ thưởng, phúc lợi, đào tạo, thăng tiến và môi trường làm việc cho người lao động. Tăng lương bình quân 5% tùy vào vị trí công việc. Số lượng người được đề bạt lên vị trí cao hơn là 29 người. Ban Điều Hành cam kết về quyền dân chủ, quyền được đối xử công bằng, tôn trọng của người lao động. Đảm bảo tỷ lệ mức lương cho người lao động cao hơn so với mức lương tối thiểu vùng và lương bình quân của ngành. Thực hiện cơ chế 5S, cải thiện môi trường làm việc. Đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, người lao động được chăm lo sức khỏe. Tuân thủ quy định trách nhiệm xã hội theo pháp luật. Thực hiện khám sức khỏe định kỳ hàng năm – 15, 16/12/2022. Duy trì lượng đơn hàng ổn định, tạo công việc làm cho người lao động và duy trì thu nhập ổn định cho công nhân.
Nhà cung ứng	Gặp gỡ trực tiếp. Tham quan nhà máy. Thông qua email, điện thoại. Thu thập thông tin qua khảo sát.	Uy tín, cộng tác dài lâu. Hợp tác trên cơ sở đôi bên cùng có lợi, cùng nhau phát triển. Xây dựng chuỗi giá trị bền vững, không bị gián đoạn. Đối tác đảm bảo các hoạt động phát triển bền vững-ESG, giảm phát thải khí nhà kính carbon footprint.	Nâng cao chất lượng sản phẩm, mang lại lợi ích cho cả hai bên. Bình đẳng trong việc lựa chọn nhà cung ứng trên nguyên tắc cạnh tranh lành mạnh. Đánh giá nhà cung ứng để đảm bảo duy trì tính hiệu quả hợp tác lâu dài. Đưa ra các biện pháp cải thiện mối quan hệ giữa Công ty và nhà cung ứng, để đảm bảo lợi ích tối thiểu của đôi bên. Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm.

Các bên liên quan	Kênh tiếp cận với các bên liên quan	Chủ đề quan tâm từ các bên liên quan	Hành động của STK để đáp lại mong đợi và mang lại giá trị cho các bên liên quan
Nhà nước	Thông qua các cuộc họp, các đợt thanh tra. Thông qua các báo cáo định kỳ của HEPZA, TANIZA. Các văn bản hành chính của nhà nước.	Tuân thủ các chính sách, quy định của pháp luật. Đáp ứng đầy đủ các chứng chỉ, giấy phép theo quy định. Hỗ trợ phát triển cộng đồng. Triển khai và ủng hộ các chủ trương của nhà nước. Doanh nghiệp xanh, giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ môi trường.	Tuân thủ chính sách và quy định pháp luật của nhà nước. Không có bất kỳ vi phạm nào liên quan đến việc không tuân thủ pháp luật. Thực hiện và gửi báo cáo về HEPZA và TANIZA về tình hình hoạt động, an toàn-môi trường-sức khỏe. Ủng hộ chủ trương của nhà nước. Nộp thuế đầy đủ. Hỗ trợ phát triển địa phương. Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm. Tăng tỷ lệ các sản phẩm thân thiện với môi trường để giảm tác động và bảo vệ môi trường.
Ngân hàng đối tác	Các cuộc gặp mặt trực tiếp. Điện thoại và email.	Công ty hoạt động bền vững và uy tín. Minh bạch trong hệ thống quản trị doanh nghiệp. Hệ thống quản lý tài chính chuyên nghiệp. Hợp tác lâu dài cùng nhau phát triển Sử dụng năng lượng tái tạo và giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm. Các hoạt động phát triển bền vững-ESG, giảm phát thải khí nhà kính carbon footprint.	Linh hoạt trong chính sách hợp tác về hạn mức vay. Thực hiện chi trả lãi vay đúng và sớm hơn hạn quy định. Theo dõi và hỗ trợ thường xuyên các giao dịch. Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm.
Cộng đồng địa phương	Buổi gặp mặt trao đổi định kỳ. Văn bản hành chính với các cơ quan đoàn thể tại địa phương. Các hoạt động xã hội cộng đồng.	Có trách nhiệm, chia sẻ, chung tay phát triển cộng đồng. Hỗ trợ địa phương nâng cao chất lượng đời sống cho người dân. Cải thiện chất lượng, nâng cao và xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng cho địa phương. Sử dụng năng lượng tái tạo và giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm.	Nâng cao mức thu nhập bình quân hàng năm của người lao động địa phương. Trao học bổng cho các trường cao đẳng tại địa phương. Hỗ trợ cải thiện kinh tế địa phương. Ưu tiên tuyển dụng nguồn nhân lực địa phương. Phát triển đô thị hóa nông thôn thông qua việc xây dựng cơ sở hạ tầng mới từ các dự án nhà máy mới như Unitex, Liên minh sợi dệt may. Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm. Tăng tỷ lệ các sản phẩm thân thiện với môi trường để giảm tác động và bảo vệ môi trường.
Hiệp hội ngành (VCOSA)	Các diễn đàn, đối thoại, các cuộc tiếp xúc, văn bản hành chính, email trao đổi.	Trở thành thành viên có đóng góp tích cực trong việc chia sẻ thông tin, xây dựng phát triển ngành. Sử dụng năng lượng tái tạo và giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm.	Hỗ trợ cung cấp thông tin và hợp tác tích cực với hiệp hội ngành. Đóng góp hội phí thường niên. Tham gia là ủy viên Ban chấp hành Hiệp hội Bông Sợi Việt Nam (VCOSA). Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm. Tăng tỷ lệ các sản phẩm thân thiện với môi trường để giảm tác động và bảo vệ môi trường.

Xác định các lĩnh vực trọng yếu (GRI 103, GRI 102-47)

Thông qua đánh giá tính quan trọng trong mối tương quan giữa mức độ quan tâm của các bên liên quan và mức độ ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp, STK đã xác định các lĩnh vực trọng yếu trong mối quan hệ giữa kinh tế, môi trường, xã hội và các hoạt động của Công ty trong năm 2022.

Bước 1

Xác định các lĩnh vực trọng yếu có thể ảnh hưởng sự phát triển bền vững của STK

- Phân tích thị trường kinh doanh và nắm bắt định hướng nhu cầu khách hàng.
- Đánh giá rủi ro tình hình bùng phát dịch bệnh trên thế giới.
- Phân tích dữ liệu xuất nhập khẩu, đánh giá tình hình cạnh tranh tại các thị trường chính.
- Tiếp nhận và phân tích các ý kiến đóng góp từ các kênh tiếp xúc của các bên có liên quan.

Bước 2

Lựa chọn các vấn đề trọng yếu được các bên quan tâm

- Tổng hợp các vấn đề trọng yếu được các bên quan tâm.
- Tiếp nhận ý kiến từ Ban Điều Hành và các thành viên Hội Đồng Quản Trị bổ sung các vấn đề trọng yếu.
- Cân bằng và đảm bảo lợi ích của các bên liên quan.
- Sàn lọc các vấn đề trong yếu phù hợp với mục tiêu phát triển và những chiến lược của Công ty.
- Chia các vấn đề trọng yếu theo ba lĩnh vực: Kinh tế, Môi trường và Xã hội.

Bước 3

Xác định và phê duyệt các lĩnh vực trọng yếu trong năm

- Thiết lập ma trận các vấn đề trọng yếu.
- Xác định các vấn đề có mức quan tâm và mức độ ảnh hưởng cao.
- Sắp xếp mức độ ưu tiên thực hiện các vấn đề trọng yếu.

Bước 4

Đánh giá và rà soát lại các lĩnh vực trọng yếu đã thực hiện

- Rà soát kết quả sau khi thực hiện.
- Tiếp nhận các đóng góp của các bên liên quan.
- Liên tục cải thiện các lĩnh vực trọng yếu trở nên chính xác hơn.

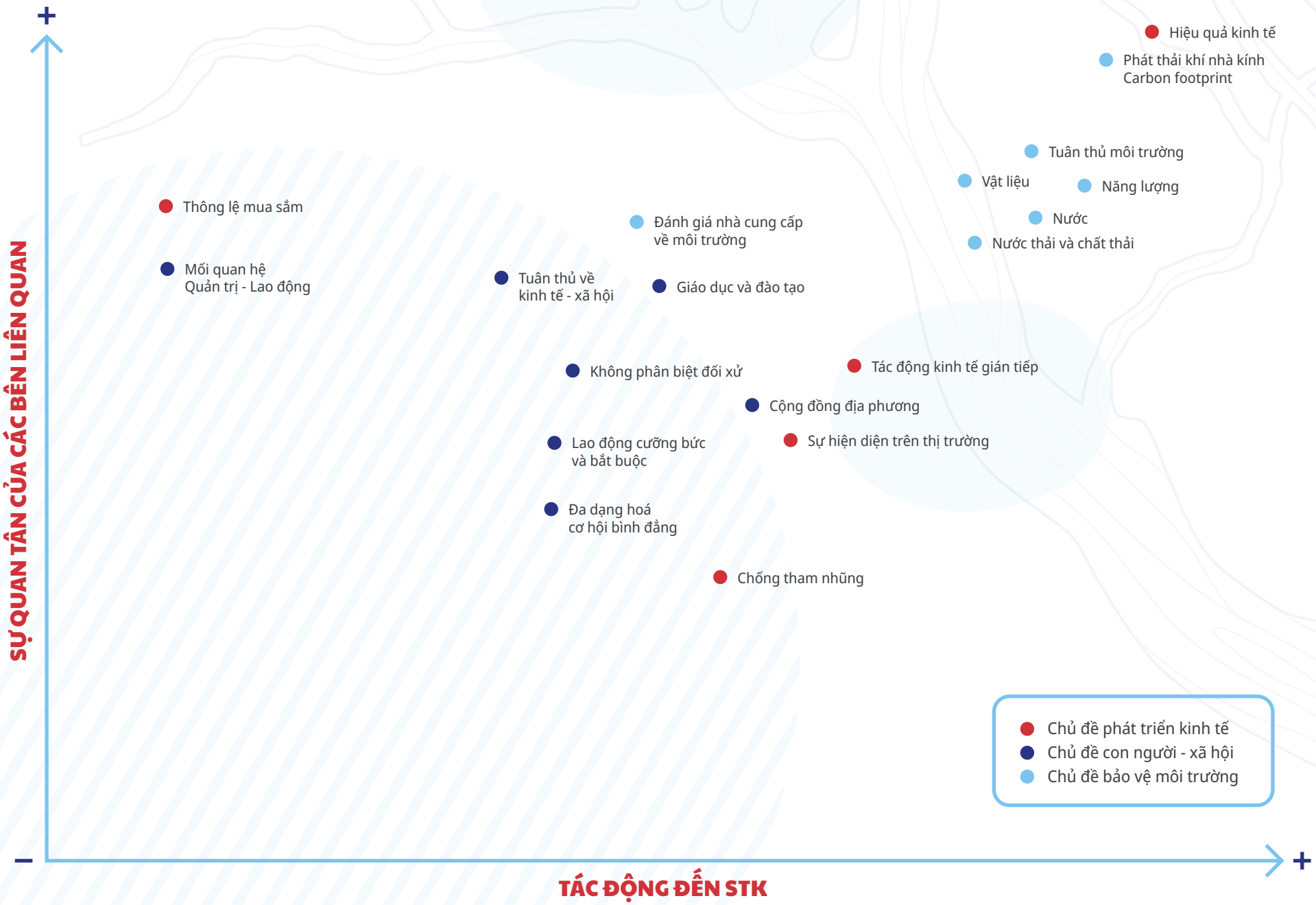
+
SỰ QUAN TÂN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN
Hiệu quả kinh tế
Phát thải khí nhà kính Carbon footprint
Tuân thủ môi trường
Vật liệu
Năng lượng
Nước
Nước thải và chất thải
Thông lệ mua sắm
Đánh giá nhà cung cấp về môi trường
Mối quan hệ Quản trị - Lao động
Tuân thủ về kinh tế - xã hội
Giáo dục và đào tạo
Không phân biệt đối xử
Tác động kinh tế gián tiếp
Cộng đồng địa phương
Lao động cưỡng bức và bắt buộc
Sự hiện diện trên thị trường
Đa dạng hoá cơ hội bình đẳng
Chống tham nhũng
Chủ đề phát triển kinh tế
Chủ đề con người - xã hội
Chủ đề bảo vệ môi trường
–
+
TÁC ĐỘNG ĐẾN STK

Danh sách các chủ đề trọng yếu 2022 (GRI 102-47)

MÔI TRƯỜNG

Đóng góp các mục tiêu SDGs

VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

- Tiêu hao năng lượng và nguyên vật liệu hiệu quả thông qua đầu tư máy móc, thiết bị hiện đại.
- Tiết kiệm điện, nước sử dụng trong các hoạt động sản xuất-kinh doanh.
- Sử dụng năng lượng tái tạo năng lượng mặt trời.
- Giảm phát thải khí nhà kính, khí thải, tăng cường tái chế sợi phế, tái sử dụng nguyên vật liệu và nước tuần hoàn.
- Xây dựng môi trường làm việc an toàn-vệ sinh-môi trường.

LĨNH VỰC TRỌNG YẾU

- Phát thải khí nhà kính Carbon footprint
- Vật liệu
- Năng lượng
- Nước
- Nước thải và chất thải
- Phát thải
- Tuân thủ môi trường

KINH TẾ

Đóng góp các mục tiêu SDGs

VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

- Duy trì và ổn định đơn hàng, doanh thu, lợi nhuận.
- Phát triển thị trường và hợp tác cùng có lợi với các bên liên quan.
- Nâng cao tỷ lệ bán hàng sợi recycle, sợi có giá trị gia tăng cao, sợi thân thiện với môi trường.
- Phát triển kinh tế cộng đồng địa phương thông qua nâng cao mức thu nhập cho người lao động.

LĨNH VỰC TRỌNG YẾU

- Hiệu quả kinh tế 2022
- Tác động kinh tế gián tiếp
- Sự hiện diện trên thị trường
- Chống tham nhũng

LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

Đóng góp các mục tiêu SDGs

VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

- Duy trì lượng lao động và nâng cao quyền lợi lao động.
- Xây dựng chính sách phúc lợi, thu nhập và bảo vệ sức khỏe người lao động.
- Duy trình việc làm ổn định cho người lao động.
- Duy trì môi trường làm việc an toàn, minh bạch và công bằng.
- Tạo cơ hội đào tạo và phát triển nghề nghiệp cho nhân viên.

LĨNH VỰC TRỌNG YẾU

- Việc làm ổn định
- Giáo dục đào tạo
- Thăng tiến và cơ hội phát triển nghề nghiệp
- An toàn và sức khỏe khách hàng
- Chia sẻ với cộng đồng địa phương

Tiếp tục định hướng mục tiêu phát triển bền vững trung và dài hạn giai đoạn 2023-2025

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRUNG & DÀI HẠN 2023-2025

- Công ty thực hiện mở rộng quy mô sản xuất với nhà máy mới (Unitex, Liên minh sợi-dệt-may) nhằm đạt lợi thế về qui mô.
- Thực hiện dự án năng lượng mặt trời cho nhà máy Unitex (rooftop solar và DPPA).
- Tập trung phát triển các loại sợi thân thiện với môi trường (Recycle, Dope dye, Recycle Plus...) đáp ứng nhu cầu của khách hàng nội địa và xuất khẩu.
- Nâng cao tỷ trọng các sản phẩm thân thiện với môi trường trong cơ cấu sản xuất và doanh thu.
- Tăng tỷ trọng sợi tái chế theo mục tiêu, từ 52% năm 2022 lên 70% vào năm 2025 trên các nhà máy hiện hữu.
- Giảm khí thải carbon footprint thông qua tiết giảm tiêu hao sử dụng năng lượng điện tại nhà máy.
- Áp dụng các hệ thống AI trong sản xuất, triển khai sử dụng phần mềm POC-trung tâm điều khiển sản xuất trong nhà máy POY và DTY, giúp tăng hiệu quả sản xuất, đạt chất lượng cao và giảm phế phẩm.
- Ứng dụng công nghệ tự động hóa trong khâu đóng gói.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGẮN HẠN 2023

- Đưa giai đoạn 1 nhà máy Unitex (36.000 tấn/năm) vào hoạt động nhằm tối ưu hóa năng lực sản xuất từ cuối Q4.2023.
- Thực hiện giám sát và đo lường tác động môi trường của sản phẩm (Life Cycle Assessment (LCA)).
- Nâng cao công suất hoạt động dự án năng lượng mặt trời cho 2 nhà máy ở Trảng Bàng và Củ Chi thông qua việc ký kết hợp đồng DPPA với đơn vị chiến lược cho nhà máy Trảng Bàng.
- Đẩy mạnh việc quảng bá và bán hàng sản phẩm sợi Recycled và nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Nâng tỷ trong sợi recycle mục tiêu năm 2023 đạt 64% trên tổng doanh thu của Công ty.
- Đẩy mạnh việc nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới có tính năng vượt trội như sợi recycle plus, quick dry (hút ẩm), sợi CD, soft package, hàng AAA.
- Phát triển thêm các màu mới của sợi màu dope dyed, sản phẩm thân thiện môi trường.
- Triệt để tuân thủ các tiêu chuẩn sản xuất của REACH 168, OEKO-TEX 100, GRS và tiêu chuẩn của các thương hiệu nhằm vệ sức khỏe khách hàng tiêu dùng.
- Đa dạng hóa thêm danh mục khách hàng nhằm giảm thiểu rủi ro phải lệ thuộc vào một vài khách hàng.

Tiếp tục bám sát và gắn kết chặt chẽ các mục tiêu phát triển kinh tế, môi trường và xã hội vào định hướng phát triển bền vững tại Công ty, đảm bảo lộ trình thực hiện các mục tiêu đã đề ra. STK đã lựa chọn và tích hợp các mục tiêu toàn cầu về phát triển bền vững (SDGs) trong hoạt động tại Công ty, xây dựng định hướng chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2023-2025 của doanh nghiệp, cụ thể:

Một cuộc sống tốt hơn

- Tạo ra thêm công ăn việc làm.
- Tăng thu nhập cho người lao động.
- Đóng góp vào sự phát triển của nền kinh tế địa phương.
- Xây dựng môi trường làm việc an toàn.
- Đảm bảo an toàn và sức khỏe cho người lao động.
- Cam kết chính sách bình đẳng trong việc sử dụng người lao động
- Duy trì công bằng và đối xử bình đẳng giữa nam và nữ.
- Sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu,
- Tăng cường sử dụng nguyên liệu tái chế.
- Tái sử dụng, tái chế nguyên vật liệu.
- Hoạt động minh bạch, chính trực, nói không với tham

Một môi trường tốt hơn

- Sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả
- Không sử dụng hóa chất độc hại.
- Tái sử dụng nước tuần hoàn trong sản xuất.
- Phát triển sản phẩm sợi màu, giúp ngành dệt nhuộm hạn chế sử dụng nước sạch và thải hóa chất độc hại.
- Sử dụng năng lượng hợp lý.
- Tiết kiệm năng lượng.
- Sử dụng năng lượng mặt trời.
- Sáng kiến tiết kiệm điện.
- Hạn chế phát thải khí nhà kính carbon footprint.
- Sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo, xanh sạch.

Sự phát triển tốt hơn

- Tạo môi trường làm việc thân thiện, an toàn cho người lao động, công bằng và không phân biệt đối xử cho người lao động.
- Hoạt động minh bạch, chính trực, nói không với tham nhũng, trốn thuế và vi phạm pháp luật.
- Hợp tác với các đối tác chiến lược để thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế tuần hoàn.

Cách thức triển khai thực hiện định hướng mục tiêu phát triển bền vững đề ra:
Dựa trên định hướng PTBV, Ban điều hành xác định các mục tiêu PTBV và cụ thể hóa thành các kế hoạch hành động như sau:

Xác định các mục tiêu về sản xuất-kinh doanh, môi trường và lao động-xã hội → **Xây dựng KPIs theo SOPs cho từng phòng ban liên quan theo các tiêu chí cụ thể**

↓

Giám sát kết quả thực hiện KPIs hàng tháng → **Ban điều hành xem xét và đánh giá mức độ hoàn thành KPIs của các phòng ban liên quan**

↓

Đưa ra phương án giải quyết vấn đề phát sinh nếu có hoặc tạo điều kiện để nâng cấp KPIs

Việc thực hiện các mục tiêu kinh doanh-sản xuất, môi trường và xã hội còn được giám sát bởi các thành viên HĐQT thông qua các cuộc họp HĐQT, nhằm đảm bảo tuân thủ theo định hướng phát triển bền vững Công ty đặt ra.

KPIs cụ thể:

Mục tiêu PTBV

KINH TẾ

Bộ phận liên quan:

- Kinh doanh

KPI:

- Kết quả bán hàng trong tháng về doanh thu, lợi nhuận.
- Số lượng khách hàng và thị trường mới.

Người phụ trách giám sát:

- Tổng Giám Đốc Công ty.
- Trưởng phòng kinh doanh
- Trợ lý kinh doanh.
- Trưởng nhóm kinh doanh nội địa và xuất khẩu.

Mục tiêu PTBV

TRÁCH NHIỆM SẢN PHẨM

Bộ phận liên quan:

- Kinh Doanh
- Đánh giá chất lượng QA
- Quản lý chất lượng QC

KPI:

- Thời gian giao hàng.
- Chất lượng sản phẩm.
- Phản hồi khách hàng.
- Thái độ phục vụ.
- Thời gian giải quyết khiếu nại.
- Giá cả cạnh tranh hợp lý.
- Chỉ tiêu chất lượng sản phẩm

Người phụ trách giám sát:

- Tổng Giám Đốc Công ty.
- Trưởng nhóm QA.
- Phó Giám Đốc sản xuất phụ trách QC.

Mục tiêu PTBV

MÔI TRƯỜNG

Bộ phận liên quan:

- Tổng vụ
- ISO team
- Utility
- Thu mua

Người phụ trách giám sát:

- Tổng Giám Đốc Công ty.
- Giám đốc tổng quản lý.
- Trưởng bộ phận Thu mua.
- Trợ lý TGĐ về thu mua.
- Trưởng bộ phận Utility.
- Cán bộ chuyên trách AT-VS-LĐ của phòng Tổng Vụ.
- Nhân viên ISO.

KPI:

- Mức tiêu hao điện sử dụng.
- Mức tiêu hao nước sử dụng.
- Lựa chọn nhà cung ứng đạt chuẩn.
- SOP về quy trình sản xuất và chính sách nhân sự.
- Khối lượng nguyên/vật liệu sử dụng.
- Chi phí điện, nước.
- Thực hiện tiết kiệm điện, nước.
- Mức xả thải rác thải, nước thải, khí thải.
- Chi phí xử lý nước thải, rác thải.

Mục tiêu PTBV

QUYỀN CON NGƯỜI TẠI NƠI LÀM VIỆC, LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

Bộ phận liên quan:

- Nhân sự
- Đào Tạo
- ISO team
- Tổng Vụ

Người phụ trách giám sát:

- Tổng Giám Đốc Công ty.
- Giám Đốc tổng quản lý.
- Trưởng bộ phận nhân sự.
- Trưởng nhóm đào tạo.
- Cán bộ chuyên trách AT-VS-LĐ, trách nhiệm xã hội của phòng Tổng Vụ.
- Nhân viên ISO.

KPI:

- Kết quả tuyển dụng.
- Tỷ lệ đáp ứng lao động.
- Kết quả thực hiện đào tạo.
- Quản lý chi phí đào tạo.
- Tỷ lệ biến động nhân sự.
- SOP về quy trình sản xuất và chính sách nhân sự.
- Tỷ lệ nhân viên được đề bạt.
- Quản lý chi phí lương, phúc lợi.
- Quản lý tuân thủ các chính sách an toàn –vệ sinh.
- Quản lý tuân thủ các chính sách về lao động.
- Quản lý chi phí xây dựng quỹ học bổng, phúc lợi.

Đảm bảo chất lượng báo cáo bởi bên thứ ba (GRI 102-56)

- STK tuân thủ nguyên tắc trung thực, chính xác và minh bạch khi công bố các số liệu trong báo cáo.
- Dữ liệu về hoạt động của STK được đảm bảo chéo của bên thứ ba, tăng tính chính xác, độ tin cậy và tính toàn vẹn của dữ liệu:
  - Quy trình tác nghiệp, việc tuân thủ các quy định về môi trường lao động, chỉ số hoạt động (chính sách tuân thủ môi trường – an toàn – lao động, chính sách lao động, phúc lợi, lương thưởng và các cam kết về trách nhiệm xã hội, số lượng recycle chip sử dụng, sản lượng recycle được sản xuất) được chuẩn hóa thành SOPs và đảm bảo bởi đơn vị đánh giá GRS.
  - Quy trình vận hành và hệ thống quản trị được đánh giá định kỳ 2 năm theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.
  - Chỉ số trách nhiệm xã hội được đánh giá định kỳ theo tiêu chuẩn một số khách hàng là các thương hiệu thời trang hàng đầu trên thế giới.
  - Thông tin về sản phẩm và quy trình sản xuất không độc hại như nguồn gốc nguyên, vật liệu, hệ số phát thải nhà kính CO_2, số lượng nguyên vật liệu sử dụng trong sản xuất được đảm bảo bởi đơn vị đánh giá Oekotex100 và REACH.
  - Thông tin về xử lý chất thải (khối lượng nước thải, rác thải và chi phí xử lý) được xác nhận bởi các Công ty dịch vụ xử lý nước thải và chất thải nguy hại.
  - Thông tin về tiết kiệm năng lượng (điện, nước và chi phí sử dụng) được kiểm toán bởi Trung Tâm Tiết Kiệm Năng Lượng TP.HCM.
  - Thông tin về Kết quả đo kiểm tra môi trường lao động (chỉ số vi khí hậu, ánh sáng, tiếng ồn, nồng độ bụi, hơi khí độc) được đảm bảo bởi Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường và An Toàn Vệ Sinh Lao Động.
  - Thông tin về kết quả đo kiểm Môi trường bởi Trung tâm Nghiên Cứu Dịch Vụ Công Nghệ và Môi Trường.
  - Thông tin tài chính (doanh thu, lợi nhuận, thuế, quỹ khen thưởng phúc lợi) được kiểm toán bởi Ernst & Young.
  - Thông tin tiêu chuẩn lao động - xã hội (tỷ lệ nam/nữ, trình độ lao động, tuổi, thu nhập bình quân, lương thưởng, tỷ lệ biến động nhân sự, các khóa đào tạo và ngân sách chi phí đào tạo, ngân sách chi phí tặng quỹ học bổng, số lượng cá nhân được đề bạt, ngân sách kinh phí trao tặng quà cho lao động có hoàn cảnh khó khăn) được đánh giá bởi kiểm toán nội bộ và được đảm bảo theo báo cáo tình hình lao động gửi TANIZA và HEPZA.

Vai trò của quản trị rủi ro trong chiến lược phát triển bền vững

Vai trò của quản trị rủi ro trong doanh nghiệp

Trong bối cảnh nền kinh tế và thị trường bị ảnh hưởng nhiều bởi các yếu tố biến động khó lường như tình hình lạm phát, khủng hoảng năng lượng, xung đột chính trị và chiến tranh dẫn đến các ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình hoạt động của nhiều doanh nghiệp. Century đã chủ động thực hiện công tác dự báo, phân tích sự thay đổi của môi trường kinh doanh và xác định các rủi ro tiềm ẩn có thể tạo ra khó khăn và thách thức cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Quản trị rủi ro trong Công ty đóng vai trò rất quan trọng như một công cụ giúp cho doanh nghiệp duy trì và tiếp tục thực hiện các hoạt động phát triển bền vững theo mục tiêu PTBV đặt ra. Thông qua việc quản lý và giải quyết các rủi ro tiềm ẩn, hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty được đảm bảo liên tục, từ đó ổn định các cán cân PTBV như Hiệu quả phát triển kinh tế, Bảo vệ môi trường và Trách nhiệm xã hội.

Tầm quan trọng của quản trị rủi ro đối với Sợi Thế Kỷ:

- Tăng cường công tác quản trị bằng cách cung cấp thông tin cho HĐQT các rủi ro trọng yếu và các biện pháp cần thực hiện.
- Hỗ trợ Công ty hoàn thành mục tiêu chiến lược đã đề ra (có cả chiến lược PTBV) thông qua các công cụ quản trị rủi ro.
- Củng cố lòng tin và đáp ứng kỳ vọng ngày càng cao của nhà đầu tư và các bên liên quan.
- Tối ưu nguồn lực Công ty sử dụng cho quản lý và xử lý các rủi ro chính.
- Giúp Công ty tiết kiệm các khoản kinh phí không cần thiết.
- Đánh giá được mức độ rủi ro, rủi ro nào cần xử lý trước, rủi ro nào cần xử lý sau.
- Tìm ra cơ hội để cải thiện và tiếp tục phát triển.

Cách thức thực hiện quản trị rủi ro

Tại Sợi Thế Kỷ, hệ thống quản trị rủi ro được thực hiện theo nguyên tắc 3 vòng bảo vệ:

Vòng bảo vệ 1

Quản lý các hoạt động hàng ngày theo hệ thống SOPs

Kiểm soát nội bộ việc tuân thủ, các trưởng bộ phận có trách nhiệm xây dựng và triển khai quy trình

Vòng bảo vệ 2

Kiểm soát tài chính	Đơn vị tài chính
Kiểm soát an ninh, an toàn, vệ sinh, môi trường	Đơn vị tổng vụ
Quản lý rủi ro chất lượng sản xuất	Đơn vị ISO, Quản lý chất lượng, QA.
Kiểm tra tuân thủ toàn Công ty	Đơn vị tổng vụ- kiểm soát nội bộ

Vòng bảo vệ 3

Kiểm toán nội bộ

Cơ quan kiểm toán độc lập (bên ngoài)

Trong năm 2022, Công ty đã tiến hành thuê đơn vị kiểm toán độc lập bên ngoài để tiến hành kiểm toán nội bộ các quy trình hoạt động của các đơn vị trong Công ty. Theo kế hoạch năm 2022, Công ty sẽ thực hiện kiểm toán và tái kiểm toán các hoạt động của bộ phận đơn vị sản xuất POY, Nhân sự, Tài chính-Kế toán. Đồng thời Công ty cũng thực hiện rà soát và yêu cầu cải tiến các phát hiện từ các bộ phận khác để làm bước đệm chuẩn bị cho việc kiểm toán của đơn vị mình trong thời gian tới.

Danh sách các chủ đề trọng yếu (GRI 102-15,30)

*(Tham khảo thêm **Báo cáo quản trị rủi to – BCTN 2022**)*

Bên cạnh danh sách các chủ đề rủi ro trọng yếu được đề cập trong báo cáo thường niên năm 2022, Sợi Thế Kỹ cũng tự thực hiện đánh giá rủi ro liên quan các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị (ESG) riêng biệt theo khung tiêu chuẩn được lập và công bố bởi tổ chức IFC.

ĐÁNH GIÁ RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI[1]		Khả năng xảy ra rủi ro (Likelihood)		
		Rất ít khi xảy ra=1	*Thỉnh thoảng xảy ra=2*	*Thường xuyên xảy ra=3*
Mức độ ảnh hưởng của rủi ro (Consequence)	*Thấp: 1*	1	2	3
	Trung bình: 2	2	4	6
	Cao: 3	3	6	9

Phân loại rủi ro theo mức độ nghiêm trọng của rủi ro	Risk < 6	6 ≤ Risk ≤ 9	Risk > 9
	Thấp	Trung bình	Cao

Chỉ số	Mức độ ảnh hưởng của rủi ro	Khả năng xảy ra rủi ro	Loại rủi ro	Cơ sở để đánh giá	Các biện pháp ứng phó
DỰA TRÊN TIÊU CHUẨN THỰC HIỆN 1: ĐÁNH GIÁ VÀ QUẢN LÝ RỦI RO VÀ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI					
1. Chuẩn bị cho tình huống khẩn cấp	2	1	2	Có một Kế hoạch hoặc Thủ tục Ứng phó Khẩn cấp.	Để ứng phó với các trường hợp bất khả kháng trong kinh doanh có thể xảy ra như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh... Công ty chủ động thực hiện các chương trình diễn tập nhằm nâng cao nhận thức và hướng dẫn CBCNV Công ty có thể phản ứng kịp thời khi có các sự cố xảy ra. Định kỳ Công ty thực hiện diễn tập hoạt động PCCC, Sơ cấp cứu, thoát hiểm cứu nạn 1 năm/lần tại hai nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng, nhằm nâng cáo nhận thức và huấn luyện toàn thể nhân viên hiểu biết các phương án phản ứng khi có sự cố xảy ra.
2. Năng lực E&S tương xứng với rủi ro ngành	3	1	3	Có lực lượng nội bộ / bên ngoài về E&S (đơn vị / bộ phận E&S, nhân viên E&S có trình độ nội bộ để xác định và giám sát rủi ro E&S liên quan đến việc phát triển và hoạt động mới, quy trình chính thức thuê ngoài để kiểm tra E&S từ các chuyên gia tư vấn bên ngoài có trình độ).	Công ty chính thức bổ nhiệm nhân sự chuyên trách lĩnh vực bảo vệ môi trường, an toàn, vệ sinh lao động tại Công ty. Nhân viên chuyên trách có nhiệm vụ theo dõi các hoạt động về an toàn, môi trường, sức khoẻ của Công ty hàng ngày. Định kỳ phối hợp với đơn vị đánh giá thực hiện báo cáo quan trắc môi trường và thực hiện đào tạo an toàn lao động cho toàn thể nhân viên Công ty.

1 *Phỏng theo các chỉ số hoạt động về môi trường và xã hội (E&S) của IFC dành cho doanh nghiệp trên thị trường*

Chỉ số	Mức độ ảnh hưởng của rủi ro	Khả năng xảy ra rủi ro	Loại rủi ro	Cơ sở để đánh giá	Các biện pháp ứng phó
3. Xác định rủi ro và tác động của E&S	3	1	3	Có các chính sách và quy trình để xác định rủi ro và tác động của E&S đối với hoạt động của Công ty.	Công ty có xây dựng hệ thống đánh giá và quản trị rủi ro trong kinh doanh bao gồm các rủi ro về môi trường và xã hội và được cập nhật hàng năm. *Xem **Phụ lục 3 – Mục Quản trị rủi ro – Báo cáo thường niên 2022**.*
4. Tuyên bố ý định liên quan đến E&S	2	1	2	Có một Chính sách Môi trường & Xã hội được phê duyệt bởi quản lý cấp cao.	Công ty chính thức ban hành bằng văn bản Cam kết về chính sách xã hội và bảo vệ môi trường theo Tiêu chuẩn GRS 4.0 từ năm 2019.
5.Thông tin đến các bên liên quan về tác động và cơ hội	3	1	3	Thông tin được công bố cho các bên liên quan.	Công ty niêm yết từ năm 2015 nên Công ty đã xây dựng một hệ thống CBTT một cách rộng rãi và minh bạch các thông tin của Công ty bao gồm cả báo cáo PTBV và BCTN. Cụ thể: › CBTT thông qua cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên. › CBTT thông qua việc đăng tải lên webiste Công ty, HOSE và UBCKNN. Ngoài ra, Công ty cũng xây dựng tab PTBV riêng biệt trên website Công ty để CBTT cho các vấn đề PTBV của Công ty bao gồm cả báo cáo PTBV (được lập riêng kể từ năm 2015 cho đến nay). Links: *1. http://theky.vn/cen/bao-cao-thuong-nien.* *2. http://theky.vn/cen/phat-trien-ben-vung/* *3. http://www.hsx.vn*
6. Phản hồi của các bên liên quan	3	1	3	Cơ chế phản hồi thông tin từ các bên liên quan	Công ty liên tục đa dạng hóa các kênh tiếp xúc và tương tác với các bên liên quan.Tiếp cận một cách sâu hơn các vấn đề trọng yếu. Sử dụng các kênh tiếp cận các bên liên quan khác nhau phụ thuộc vào tính chất đặc thù của mỗi nhóm đối tượng. STK cam kết việc ghi nhận các ý kiến đóng góp và mối quan tâm của các bên liên quan một cách đầy đủ. Công ty chủ động xem xét và đánh giá những phản hồi từ các bên liên quan, cập nhật vào các chính sách và hoạt động của Công ty một cách phù hợp. *Tham khảo **Phụ lục 5 - BCPTBV – Các kênh phản hồi thông tin của các bên liên quan**.*

Chỉ số	Mức độ ảnh hưởng của rủi ro	Khả năng xảy ra rủi ro	Loại rủi ro	Cơ sở để đánh giá	Các biện pháp ứng phó
DỰA TRÊN TIÊU CHUẨN THỰC HIỆN 1: ĐÁNH GIÁ VÀ QUẢN LÝ RỦI RO VÀ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI					
7. Bảo vệ lao động hợp đồng	3	1	3	Tuân thủ các quy định về giao kết, thực hiện và chấm dứt hợp đồng hợp pháp.	Tất cả các lao động làm việc ở STK đều có hợp đồng lao động. Tùy theo công việc và đối tượng lao động, Công ty sẽ xác định là hợp đồng thử việc với thời gian thử việc từ 6-60 ngày tùy theo vị trí công việc, hợp đồng đào tạo từ 30-60 ngày tùy theo từng vị trí và hợp đồng lao động có thời hạn (áp dụng cho CBCNV đã qua giai đoạn thử việc/ đào tạo), hợp đồng lao động vô thời hạn (áp dụng với những người đã làm trên 3 năm tại Công ty.
8. Sức khỏe và an toàn của người lao động	3	1	3	Ban hành quy định, quy trình đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động	Công ty ban hành và nghiêm túc thực hiện kế hoạch huấn luyện an toàn, vệ sinh, lao động hàng năm cho toàn bộ CBCNV Công ty theo nhóm huấn luyện ATVSLĐ đặc thù của nghị định 44/2016 – NĐ-CP.
9. Thương tích và tử vong	3	1	3	Không xảy ra về các trường hợp tử vong liên quan đến công việc của người lao động trực tiếp và / hoặc hợp đồng.	Định kỳ 6 tháng Công ty lập báo cáo công tác an toàn-vệ sinh lao động của doanh nghiệp có bao gồm thông tin về số vụ tai nạn lao động, tử vong, số người có bệnh nghề nghiệp và gửi Sở lao động-Thương binh và Xã hội TP,HCM và Tây Ninh *Tham khảo **Phụ lục 7 - Báo cáo AT VS LĐ 2022***
10. Bình đẳng giới	1	1	1	Cơ cấu lực lượng lao động theo giới tính.	Thông qua việc ban hành và thực hiện các chính sách bằng văn bản dành cho lao động nữ, công ty tuân thủ quy định đối với lao động nữ và đảm bảo bình đẳng giới trong Công ty.
11. Không phân biệt đối xử & cơ hội bình đẳng	2	1	2	Có chính sách không phân biệt đối xử về tuyển dụng, tiền lương, thăng chức.	Thông qua việc ban hành và thực hiện các chính sách bằng văn bản Chính sách không phân biệt đối xử, quấy rối và lạm dụng, Công ty cam kết đảm bảo không phân biệt đối xử, xâm hại tình dục trong công sở và lạm dụng.
12. Tuân thủ luật lao động	3	1	3	Không có các vụ kiện tụng liên quan đến điều kiện làm việc (hiệp hội, thỏa ước tập thể, luật lao động, phân biệt đối xử, thù lao bình đẳng, thiếu cơ hội bình đẳng, quấy rối).	Công ty không có vụ kiện tụng nào liên quan đến điều kiện làm việc (tổ chức hiệp hội, thỏa ước tập thể, luật lao động, phân biệt đối xử, thù lao bình đẳng, thiếu cơ hội bình đẳng, quấy rối).

Chỉ số	Mức độ ảnh hưởng của rủi ro	Khả năng xảy ra rủi ro	Loại rủi ro	Cơ sở để đánh giá	Các biện pháp ứng phó
13. Tổ chức của người lao động	2	1	2	Các hoạt động của Công ty không hạn chế hoặc cản trở quyền của người lao động tham gia các tổ chức và cơ chế của người lao động để bày tỏ sự bất bình của họ về điều kiện làm việc và các điều khoản tuyển dụng.	Công ty xây dựng và công khai quy chế dân chủ tại nơi làm việc và thực hiện tổ chức đối thoại tại nơi làm việc định kỳ.
14. Các điều khoản chính thức để tránh quấy rối tình dục tại nơi làm việc	2	1	2	Có những thỏa thuận chính thức để tránh quấy rối tình dục tại nơi làm việc, bao gồm chính sách quấy rối tình dục, ở mức tối thiểu, với cơ chế nộp đơn khiếu nại ẩn danh và bí mật và nhân viên nhân sự được đào tạo để xem xét các trường hợp quấy rối tình dục.	Công ty cam kết đảm bảo về Chính sách không phân biệt đối xử, xâm hại tình dục trong công sở và lạm dụng.
15. Khiếu nại của người lao động	2	1	2	Có cơ chế cho người lao động khiếu nại	Công ty xây dựng và áp dụng chính sách tiếp nhận và giải quyết các ý kiến khiếu nại của người lao động.
Rủi ro cụ thể của ngành: hoạt động hoặc chuỗi cung ứng ở các quốc gia hoặc lĩnh vực có nguy cơ lao động cưỡng bức hoặc lao động trẻ em (ví dụ: nông nghiệp, dệt may, xây dựng, kinh doanh nông nghiệp).					
16. Lao động cưỡng bức và lao động trẻ em trong Công ty	3	1	3	Có ban hành công khai, bao gồm các hành động pháp lý liên quan đến bảo vệ lao động cưỡng bức và lao động trẻ em trong hoạt động của Công ty.	Công ty ban hành chính sách không sử dụng lao động chưa thành niên và nghiêm túc thực hiện chính sách này.
17. Lao động cưỡng bức và lao động trẻ em trong chuỗi cung ứng chính	3	1	3	Có ban hành công khai, bao gồm các hành động pháp lý liên quan đến bảo vệ lao động cưỡng bức và lao động trẻ em trong chuỗi cung ứng chính của Công ty	Công ty hoạt động sản xuất sợi polyester filament, các nhà cung ứng chính của Công ty là các công ty cung cấp PET Chip, vốn đều đạt chứng nhận GRS- trong đó một trong các tiêu chí tiên quyết của chứng nhận là được chứng minh cam kết không sử dụng lao động trẻ em hoặc vị thành niên dưới 18 tuổi.
18. Chỗ ở công nhân đảm bảo an toàn, vệ sinh	2	1	2	Có ban hành chính sách liên quan đến chỗ ở của người lao động (trại, ký túc xá, v.v.) như sức khỏe và an toàn (ví dụ: hỏa hoạn, nước, vệ sinh, quá tải).	Công ty không xây dựng các khu ký túc xá cho người lao động, thay vào đó Công ty thuê các khu nhà trọ ở Củ Chi và Trảng Bàng. Các khu nhà này có các căn hộ khép kín (với đầy đủ bếp, toilet) và được đảm bảo an ninh. CBCNV không phải trả tiền thuê nhà và được hỗ trợ một phần tiền điện nước.

Chỉ số	Mức độ ảnh hưởng của rủi ro	Khả năng xảy ra rủi ro	Loại rủi ro	Cơ sở để đánh giá	Các biện pháp ứng phó
DỰA TRÊN TIÊU CHUẨN HIỆU SUẤT 3: HIỆU QUẢ TÀI NGUYÊN VÀ NGĂN NGỪA Ô NHIỄM					
19. Tác động đến nguồn nước	2	1	2	Có ban hành các chính sách, hành động bảo vệ nguồn nước	Công ty không sử dụng các nguồn nước ngầm hay xả thải trực tiếp ra nguồn nước tự nhiên. nguồn nước được sử dụng tại công ty được cung cấp và đảm bảo chất lượng bởi ban quản lý khu công nghiệp và đảm bảo chất lượng nước xả thải đầu ra trước khi được đấu nối lại vào hệ thống xử lý của KCN.
20. Ngăn ngừa ô nhiễm và rủi ro	2	1	2	Có chính sách và hành động bảo vệ liên quan đến rủi ro ô nhiễm trong quá khứ hoặc đang diễn ra (ví dụ: khí thải không khí hoặc nước, ô nhiễm đất hoặc nước ngầm, xử lý chất thải) từ Công ty / dự án.	Thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hàng quý và lập báo cáo bằng văn bản, theo đó các chỉ số về nước thải, khí thải, độ ồn, bụi, ánh sáng... đều đạt theo tiêu chuẩn quy định hiện hành.
21. Kiểm soát khí thải nhà kính (GHG)	3	1	3	Có thông tin về phát thải khí nhà kính: Phạm vi 1 và 2, Phạm vi 3 nếu có liên quan đến hoạt động kinh doanh, cường độ (khí nhà kính được giải phóng trong tiêu thụ năng lượng cho yếu tố sản xuất/bình thường hóa [thường là sản xuất hoặc bán hàng]).	Công ty chủ động thực hiện việc giám sát và tính toán lượng phát thải khí nhà kính CO_2 từ năm 2016 dựa trên tổng lượng điện năng tiêu thụ trong từng năm của Công ty (Scope 2). Từ đó đưa ra các sáng kiến giúp giảm lượng khí nhà kính phát thải thông qua việc áp dụng năng lượng tái tạo (Solar energy) và tăng tỷ lệ sợi thân thiện với môi trường trong cơ cấu sản phẩm kinh doanh. *Tham khảo **Phụ lục 5 - BCPTBV - Mục quản lý phát thải khí nhà kính- Carbon footprint**.*
22. Hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu	1	1	1	Có hệ thống quản lý năng lượng, các sáng kiến sản xuất sạch hơn, các chỉ số hiệu quả tài nguyên (tức là năng lượng, nước, các tài nguyên khác và đầu vào vật liệu).	Công ty thực hiện tái sử dụng ống giấy POY nhiều lần, hạn chế việc khai thác và bảo vệ rừng giúp chống sạt lỡ và xói mòn. Trong năm 2022, tỷ lệ tái sử dụng ống giấy POY đạt 3.15 lần. Ngoài ra, với nhà máy Trảng Bảng 5 đi vào hoạt động cùng với dây chuyền sản xuất 1,500 tấn hạt nhựa tái sinh/năm, góp phần gia tăng lợi nhuận và cải thiện đáng kể hiệu quả tiết kiệm trong sản xuất thông qua việc tái sinh sợi phế trong sản xuất thành nguyên vật liệu đầu vào, từ đó nâng cao lợi nhuận, giảm chi phí sản xuất của Công ty và giảm phát thải ra môi trường. Tỷ lệ tái chế lại phế phẩm chiếm hơn 90% tổng phế phẩm tạo ra. *Tham khảo **Phụ lục 5 - BCPTBV - Mục hiệu quả sử dụng vật liệu**.*

Chỉ số	Mức độ ảnh hưởng của rủi ro	Khả năng xảy ra rủi ro	Loại rủi ro	Cơ sở để đánh giá	Các biện pháp ứng phó
DỰA TRÊN TIÊU CHUẨN HIỆU SUẤT 3: HIỆU QUẢ TÀI NGUYÊN VÀ NGĂN NGỪA Ô NHIỄM					
23. An ninh cộng đồng	3	1	3	Ban hành và thực hiện các hành động đảm bảo an ninh cộng đồng, đảm bảo không có sự cố gây mất an ninh đến cộng đồng địa phương, đặc biệt là về những bạo lực trên cơ sở giới.	Công ty hoạt động với cam kết tuân thủ theo pháp luật hiện hành, phối hợp triệt để với ban quản lý khu vực để đảm bảo anh ninh và trật tự địa phương.
24. Đóng góp vào công tác bảo vệ sức khỏe đối cộng đồng	3	1	3	Có đóng góp vào các hành động bảo vệ sức khoẻ cộng đồng và giảm sự gia tăng bệnh tật (HIV / Aids, sốt rét, v.v.) cho cộng đồng.	Không áp dụng
25. Hỗ trợ nguồn lao động địa phương	2	1	2	Có hỗ trợ nguồn lao động địa phương	Thông qua các dự án mở rộng công suất, Công ty góp phần tạo thêm được nhiều công ăn việc làm, gia tăng thu nhập và sử dụng nhiều hơn các dịch vụ cung ứng của địa phương.
					*Tham khảo **Phụ lục 5 - BCPTBV mục đóng góp kinh tế cho cộng đồng địa phương**.*
Rủi ro cụ thể của ngành: các công ty / dự án xây dựng hoặc vận hành các tòa nhà và công trình được công chúng tiếp cận hoặc có thể đe dọa sự an toàn của cộng đồng (cầu, đập, v.v.).					
26. Sự cố cơ sở hạ tầng đã dẫn đến tổn hại cho cộng đồng	3	1	3	Công ty có xây dựng hoặc vận hành cơ sở hạ tầng (cầu, đập.....) gây thiệt hại cho cộng đồng.	Không áp dụng
27. Hỏa hoạn hoặc tai nạn xây dựng đã gây tổn hại cho cộng đồng	2	1	2	Công ty xây dựng hoặc vận hành các tòa nhà hoặc công trình được tiếp cận, công khai có ghi nhận hoả hạn và tai nạn xây dựng gây ảnh hưởng đến cộng đồng	Không áp dụng

Nội dung báo cáo Phát triển bền vững

TRÁCH NHIỆM PHÁT TRIỂN KINH TẾ 58

TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 64

PHÁT TRIỂN LAO ĐỘNG - XÃ HỘI 75

TRÁCH NHIỆM PHÁT TRIỂN KINH TẾ - GRI 200

> Với nỗ lực duy trì các đơn đặt hàng có giá trị gia tăng cao từ các khách hàng cao cấp nhờ uy tín xây dựng với khách hàng về bảo đảm chất lượng và thời gian cung ứng sản phẩm tốt đã giúp Century duy trì mục tiêu doanh thu và lợi nhuận bất chấp thị trường gặp nhiều khó khăn

Mục tiêu 2022

- Doanh thu: 2.605 tỷ đồng; Lợi nhuận sau thuế: 300,2 tỷ đồng;
- Đảm bảo mức lương khởi điểm cao hơn mức lương tối thiểu vùng;
- Tăng đóng góp cho xã hội và địa phương;
- Mở rộng công suất, phát triển thêm các sản phẩm có giá trị gia tăng cao;
- Cải thiện chế độ lương-phúc lợi cho người lao động;
- Thưởng cuối năm 1 tháng lương cho người lao động;
- Duy trì mức tăng lương bình quân tối thiểu 5%;
- Chi trả cổ tức tối thiểu 15%/mệnh giá;
- Phát hành tăng vốn để góp vốn vào công ty con Unitex

Kết quả 2022

- Hoàn thành 81% kế hoạch doanh thu, đạt 2.116,7 tỷ đồng;
- Hoàn thành 80% kế hoạch lợi nhuận, đạt 240,3tỷ đồng;
- Thưởng cuối năm hơn 1 tháng lương, tỷ lệ nhân viên tham gia BHXH đạt 100%;
- Mức lương thấp nhất tại STK cao hơn lương tối thiểu vùng từ 52%-56%;
- Chi trả cổ tức 15% bằng tiền mặt cho năm tài chính 2021 – 98,7 tỷ đồng;
- Hoàn thành nghĩa vụ thuế, nộp 152,6 tỷ đồng thuế vào ngân sách nhà nước;
- Triển khai thực hiện dự án mở rộng công suất Untiex giai đoạn 1 và Liên minh sợi-dệt-may.
- Phát hành cổ đông hiện hữu thành công, góp vốn 142,2 tỷ đồng vào công ty con Unitex;

1. Phương pháp quản trị (GRI 103-2)

Nhằm đảm bảo mục tiêu tăng trưởng kinh tế bền vững để góp phần duy trì cán cân và tạo điều kiện cho các hoạt động phát triển bền vững của Công ty được liên tục thực hiện dưới bối cảnh khó khăn của thị trường do ảnh hưởng của tình hình kinh tế thị trường suy giảm. Trong năm 2022, Công ty đã nổ lực duy trì chiến lược kinh doanh, áp dụng phương pháp tiếp cận khách hàng nhằm thỏa mãn nhu cầu của khách hàng, ổn định chất lượng hàng hoá và từng bước duy trì thị phần trong nước và xuất khẩu.

CHÍNH SÁCH	> Kế hoạch kinh doanh 2022, chính sách bán hàng, chính sách phục vụ khách hàng, chính sách marketing hàng năm; > Chính sách lương thưởng và cam kết của Công ty số CS-06 (01/03/2016); > Thông báo áp dụng thang lương bảng lương mới nhất số 282- 18/CV –TK; > Các dự án mở rộng sản xuất của Công ty (Unitex, Liên minh sợi-dệt-may); > Xây dựng ngân sách đào tạo đội ngũ bán hàng hàng năm;
CAM KẾT	> Cạnh tranh lành mạnh, mọi hoạt động kinh doanh và phát triển kinh tế đều tuân thủ theo pháp luật hiện hành; > Cam kết chính sách chi trả tiền lương, phúc lợi tuân thủ theo Nghị định 38/2022/NĐ-CP quy định về mức lương tối thiểu vùng; > Cam kết tạo thu nhập ổn định cho người lao động địa phương, tổ chức các khóa đào tạo hàng năm nhằm nâng cao trình độ người lao động địa phương;
MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU	> Tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận theo kế hoạch kinh doanh; > Mở rộng thị trường, nâng cao thị phần trong nước và thị trường xuất khẩu; > Chi trả đúng theo thang lương/bảng lương cho người lao động; > Tạo thu nhập, cải thiện mức sống và nâng cao trình độ cho cộng đồng địa phương;
TRÁCH NHIỆM	> Tổng Giám Đốc, Ban Điều Hành
NGUỒN LỰC	> Phòng kinh doanh/marketing, bộ phận tài chính... > Phòng phận nhân sự, bộ phận đào tạo;
CƠ CHẾ TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI	> Quy trình giải quyết khiếu nại khách hàng QA-QT-01; > Khảo sát và thăm khách hàng định kỳ; > Quy trình khiếu nại/khiếu kiện của người lao động;

2. Đánh giá về phương pháp quản trị (GRI 103-3)

- Năm 2022, STK đã đạt được kết quả doanh thu và lợi nhuận tích cực được HĐQT và Ban Điều Hành đánh giá cao trong bối cảnh toàn thị trường gặp nhiều khó khăn do tình hình lạm phát và suy thoái kinh tế.
- Công ty vẫn duy trì chế độ lương, thưởng, phúc lợi được chi trả đúng hạn và đúng theo cam kết với người lao động. Bất chấp việc Công ty phải tạm thời thu hẹp sản xuất nhà máy Củ Chi, ngưng hoạt động trong giai đoạn Q3&4-2022 do nhu cầu thị trường suy giảm, Công ty vẫn cố gắng giữ người lao động bằng việc tổ chức các lớp đào tạo đa tay nghề, duy trì thu nhập cho người lao động và duy trì mức thưởng tết Nguyên Đán 2022 dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty trong dịp cuối năm.
- Duy trì và đẩy mạnh các hoạt động phát triển cộng đồng địa phương trực tiếp và gián tiếp.

Trách nhiệm nâng cao hiệu quả kinh tế (GRI 201)

Giá trị kinh tế trực tiếp tạo ra và phân phối (GRI 201-1)

Mặc dù chịu tác động của lạm phát cao và suy thoái kinh tế tại Mỹ và EU (thị trường xuất khẩu may mặc chính của Việt Nam) khiến cho sức mua của người tiêu dùng giảm mạnh, các thương hiệu đều ghi nhận lượng tồn kho hàng may mặc khá lớn dẫn đến việc hoãn lại/trễ xuống đơn hàng mới nên đơn hàng sợi trong Q4.2022 cũng bị ảnh hưởng. Bất chấp điều kiện không thuận lợi của thị trường, STK vẫn có thể giữ những đơn hàng giá trị gia tăng cao của những khách hàng cao cấp nhờ vào sự tin tưởng lâu dài của khách hàng vào kỹ thuật của công ty trong việc sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao và dịch vụ khách hàng xuất sắc (thời gian giao hàng ngắn, dịch vụ trước và sau khi mua hàng). Mặc dù quy mô khối lượng của những đơn đặt hàng đó nhỏ nhưng khả năng sinh lời cao, giúp công ty duy trì price gap ổn định. Công ty đã nổ lực đạt được 2.114,7 tỷ đồng doanh thu thuần, hoàn thành 81% mục tiêu doanh thu kế hoạch 2022, và 80% mục tiêu lợi nhuận năm 2022, đạt 240,3 tỷ đồng.

STK thành công phát triển thêm các loại sợi thân thiện với môi trường có giá trị gia tăng cao như sợi Recycle, Dope dye, Recycle Plus, từng bước mở rộng mạng lưới khách hàng trong nước và quốc tế, đặc biệt là thị thường Mỹ.

Doanh thu thuần

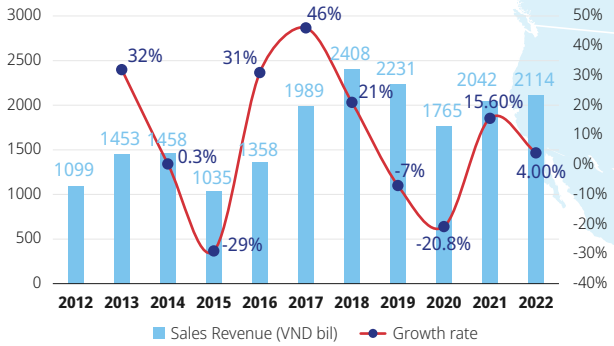

Lợi nhuận sau thuế, biên lợi nhuận ròng

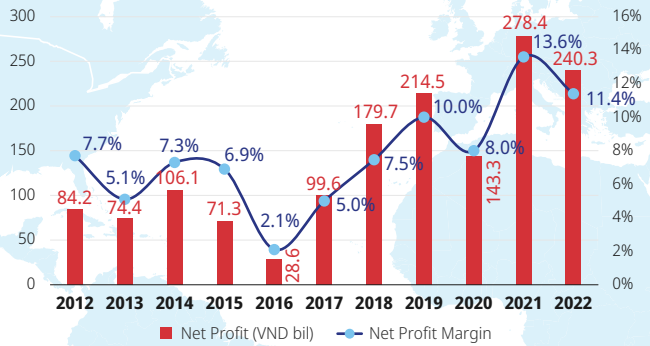

Chế độ lương và phúc lợi gắn kết người lao động (GRI 201-1)

Sự tăng trưởng về kinh tế cũng giúp STK gia tăng các đóng góp cho xã hội và cộng đồng thông qua các đóng góp:

- Đảm bảo chế độ phúc lợi với tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội là 100%;
- Chi trả cổ tức: 15% cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông Công ty cho năm tài chính 2021 hơn 98,7 tỷ đồng;
- Duy trì hoạt động sản xuất trong giai đoạn khó khăn của thị trường, góp phần tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương, cải thiện chính sách tuyển dụng và đãi ngộ tốt cho người lao động;
- Chi trả lương-thưởng cho người lao động năm 2022 ước tính 120,1 tỷ đồng;
- Thưởng với hơn 1 tháng lương vào dịpTết Nguyên Đán 2022;
- Chính sách bảo hiểm 24h cho toàn thể CBCNV với tỷ lệ tham gia là 100%;
- Chính sách bồi dưỡng độc hại tại chỗ hàng tháng cho CBCNV bằng hiện vật, chế độ đưa đón CBCNV miễn phí, hỗ trợ miễn phí nhà trọ, phụ cấp điện thoại, tặng quà lễ, tết cho CBCNV;

Sự hiện diện trên thị trường (GRI 202)

Mức lương khởi điểm so với mức lương tối thiểu của vùng và tỷ lệ theo giới tính (GRI 202-1)

Công ty xem xét tỷ lệ của mức lương khởi điểm so với mức lương tối thiểu vùng dựa trên địa bàn hoạt động của Công ty tại nhà máy Củ Chi (TP.HCM) và Trảng Bàng (Tây Ninh).

	Khu vực TP.HCM (VND)	Khu vực Tây Ninh (VND)
Lương tối thiểu vùng	4.680.000 đồng/tháng	4.160.000 đồng/tháng
Mức lương thấp nhất tại STK	7.100.000 đồng/tháng	6.500.000 đồng/tháng

Tên địa điểm	Tỷ lệ theo nam giới (%)	Tỷ lệ theo nữ giới (%)
TP.HCM	71%	29%
Tây Ninh	85%	15%

Tác động kinh tế gián tiếp (GRI 203)

Những đóng góp gián tiếp của STK cho nền kinh tế địa phương và xã hội trong năm 2022

Số tiền chi trả cổ tức năm cho cổ đông (tỷ VND)

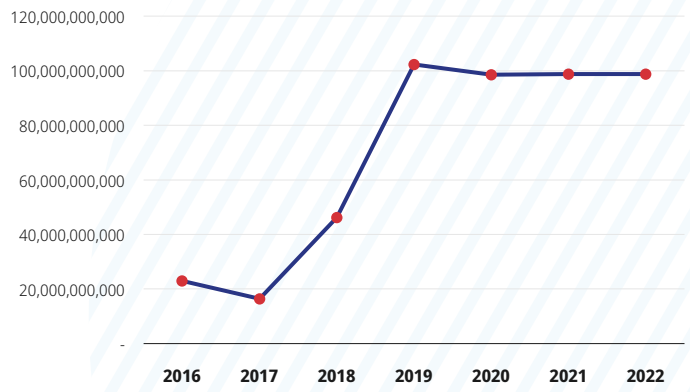

Số tiền chi trả cổ tức năm cho cổ đông (tỷ VND)

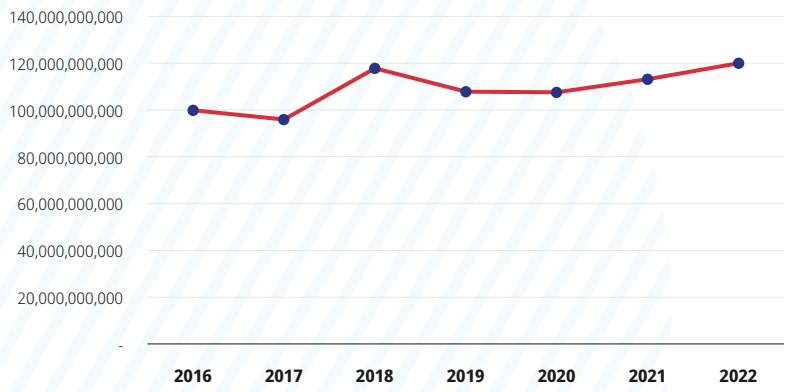

Giá trị giao dịch với nhà cung cấp nội địa (VND)

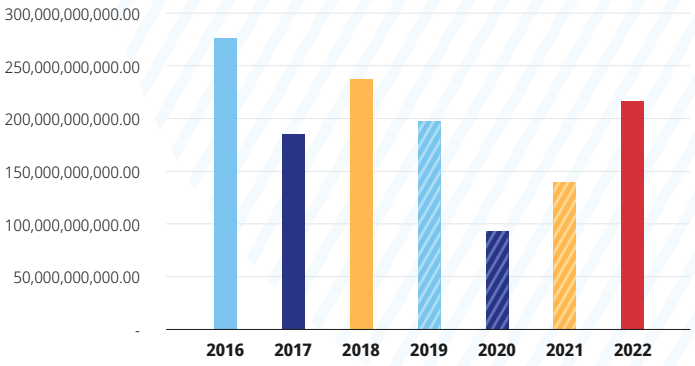

Tổng tiền thuế đã đóng trong năm 2022 (tỷ VND)

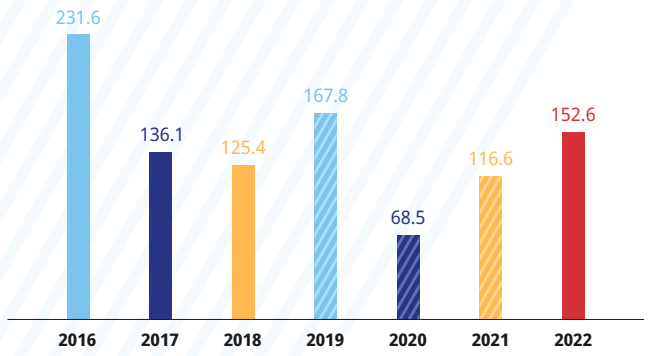

Mặc dù ảnh hưởng của lạm phát cao và suy thoái kinh tế, Công ty vẫn duy trì mức đóng góp cho nền kinh tế địa phương và xã hội. Trong năm 2022, Công ty đã nâng cao mức chi lương thưởng cho người lao động địa phương tăng 6% so với 2021, góp phần nâng cao mức sống của người dân địa phương. Ngoài ra, những đóng góp gián tiếp của STK cho nền kinh tế địa phương và xã hội còn thể hiện qua ngân sách nộp thuế và giá trị giao dịch với nhà cung ứng nội địa, lần lượt tăng 55% và 31% so với năm 2021.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ NĂM 2023

- Tăng trưởng doanh thu: 2.149 tỷ đồng, tăng 2% so với thực hiện 2022;
- Tăng trưởng lợi nhuận: 253,1 tỷ đồng, tăng 5% so với thực hiện 2022;
- Tăng tỷ lệ sợi có giá trị gia tăng (sợi tái chế): 64% trên tổng doanh thu;
- Đảm bảo duy trì thưởng cho người lao động theo kết quả kinh doanh cuối năm;
- Chi trả cổ tức cho cổ đông Công ty 15%/mệnh giá

TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG – GRI 300

> Nhờ việc kiên định thực hiện các biện pháp tiết giảm tiêu hao năng lượng, nước và hạn chế tỷ lệ phát thải, phế phẩm đã giúp Công ty vẫn duy trì được hoạt động sản xuất nên khi doanh thu Công ty giảm trong quý 4-2022, công ty vẫn có lãi

7 AFFORDABLE AND CLEAN ENERGY

6 CLEAN WATER AND SANITATION

13 CLIMATE ACTION

Mục tiêu 2022

- Tiêu hao nguyên vật liệu hợp lý;
- Nâng tỷ trọng vật liệu tái chế được sử dụng;
- Nâng cao tỷ trọng tái sử dụng vật liệu đóng gói;
- Sử dụng nguồn nước hợp lý và tiết kiệm;
- Tái sử dụng nước trong sản xuất;
- Sử dụng nguồn năng lượng hợp lý và tiết kiệm;
- Tiết giảm chi phí điện;
- Giảm thiểu phát thải;
- Giảm phát thải khí nhà kính;
- Không vi phạm luật môi trường về rác thải và nước thải;
- Không vi phạm các sự cố an toàn-vệ sinh-môi trường, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường;
- Sử dụng nguồn năng lượng tái tạo;
- Tuân thủ theo quy định và pháp luật hiện hành về môi trường;
- Mục tiêu nước sử dụng m^3/kg sợi: 0,0023;
- Mục tiêu điện tiêu thụ Kw/kg sợi: POY: 1,1 kw/kg sợi; DTY:1,8 kw/kg sợi; FDY: 1,5 kw/kg sợi;
- Tỷ trọng sợi recycle trên tổng doanh thu là 54%;
- Tỷ lệ tái sử dụng ống giấy POY bình quân 3,6 lần;
- Tỷ lệ sử dụng nước tuần hoàn đạt 2,3% trên tổng lượng nước sử dụng;
- Tỷ lệ năng lược tái tạo chiếm 10% trên tổng nhu cầu năng lượng;

Kết quả 2022

- Tỷ lệ tái sử dụng ống giấy POY đạt 3,15%;
- Tỷ lệ nước được tuần hoàn và tái sử dụng: 2,7%;
- **Nước sử dụng m^3/kg sợi: 0,0031**
- Lượng điện năng tiêu thụ giảm 2,1 %, **điện tiêu thụ Kw/kg sợi: POY:1,36kwh/kg sợi; DTY:2,17kwh/kg sợi; FDY: 1,63 kwh/kg sợi ;**
- Áp dụng các giải pháp tiết kiệm điện 2022 giúp giảm 289.440 Kwh/năm;
- Hệ số phát thải carbon footprint của điện năng giảm 2,1%;
- Tổng lượng điện sử dụng từ dự án năng lượng mặt trời 6.429 Mwh, chiếm hơn 5% trên tổng năng lượng tiêu thụ;
- Hế số phát thải carbon foorprint của dầu DO cho xe nâng giảm 100%;
- Tỷ lệ sợi recycle chiểm 52% trên tổng doanh thu;
- Không ghi nhận trường hợp nào vi phạm quy định về rác thải và xử lý nước thải, **an toàn-vệ sinh-môi trường, phòng cháy chữa cháy;**
- Kết quả chỉ số của báo cáo quan trắc môi trường và báo cáo đo đạt môi trường lao động đều nằm trong khung tuân thủ theo quy định và luật môi trường;

1. Phương pháp quản trị (GRI 103-2)

Nhằm đóng góp vào mục tiêu phát triển bền vững ngành dệt may Việt Nam, Công ty luôn không ngừng nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm, giảm tác động tiêu cực tới môi trường. Do vậy, Công ty ưu tiên nâng cao tỷ lệ sử dụng nguyên vật liệu tái chế, đầu tư máy móc, thiết bị tự động, cải tiến công nghệ sản xuất theo hướng xanh, sạch, giảm sử dụng năng lượng hóa thạch, được xem là giải pháp cần thiết để doanh nghiệp tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường nội địa và xuất khẩu.

CHÍNH SÁCH	> Chính sách đánh giá và lựa chọn nhà cung ứng nguyên vật liệu tại Công ty theo MM- QT- 02; > Quy trình đánh giá và kiểm soát nhà cung ứng; > Quy định đảm bảo chất lượng nước đầu vào từ khu công nghiệp QCVN -02- 2009/BYT; > Báo cáo quan trắc chất lượng nước định kỳ và báo cáo đánh giá tác động môi trường; > Chính sách tiết kiệm năng lượng; > Quy định tắt các thiết bị điện khi không sử dụng; > Kế hoạch thực hiện tiết kiệm năng lượng 5 năm; > Chính sách quản lý và xử lý rác thải tại Công ty, quy định tiêu chuẩn chất lượng nước giá trị C, Cột B - QCVN 40:2011/BTNMT; > Chính sách môi trường theo tiêu chuẩn GRS 4.0, luật bảo vệ môi trường số: 72/2020/QH14;
CAM KẾT	> Ưu tiên nhập nguồn nguyên liệu, linh phụ kiện từ nhà cung ứng uy tín chất lượng; > Đảm bảo nguồn nước sạch cho hoạt động sản xuất và sinh hoạt; > Tiết giảm tiêu hao nguồn tài nguyên nước thông qua các biện pháp và sáng kiến tiết kiệm nước; > Sử dụng nguồn năng lượng một cách hiệu quả và tiết kiệm; Thực hiện các biện pháp tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường; > Tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, góp phần giảm phát thải khí nhà kính CO_2; > Quản lý nguồn nước thải và rác thải chặt chẽ, không gây tác động tới môi trường;
MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU	> Duy trì sản phẩm một cách ổn định và luôn đạt chất lượng cao, cạnh tranh; > Cung cấp nguồn nước đạt chất lượng phục vụ sản xuất sản phẩm và đảm bảo sức cho khỏe người lao động; > Giảm phát thải khí nhà kính, hạn chế việc làm trái đất nóng lên, bảo vệ môi trường và tối ưu hóa chi phí;
TRÁCH NHIỆM	> Tổng Giám Đốc, Ban Điều Hành
NGUỒN LỰC	> Ban Điều Hành, phòng thu mua, bộ phận Tổng Vụ, bộ phận Utility, bộ phận ISO, bộ phận sản xuất, bộ phận tài chính và toàn thể CBCNV Công ty.
CƠ CHẾ TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI	> Phòng thu mua, Bộ phận Utility, bộ phận Tổng Vụ, Bộ phận sản xuất, Ban an toàn - vệ sinh - lao động.

2. Đánh giá về phương pháp quản trị (GRI 103-3)

> Trong năm 2022, khối lượng nguyên vật liệu tái chế được sử dụng (PET chip recycle) chiếm hơn 37% trong tổng lượng PET chip sử dụng của Công ty, chủ yếu Công ty tập trung phát triển và đẩy mạnh việc kinh doanh sợi tái chế theo nhu cầu của thị trường đối với sản phẩm dệt may thân thiện với môi trường.

> Lượng nước sử dụng tại công ty tăng 14% so với năm 2021, chủ yếu do Công ty chưa đạt được hiệu quả sản xuất theo KPIs chất lượng POY đặt ra, dẫn đến lượng nước tiêu hao sản xuất trong năm nhiều hơn.

> Lượng điện năng tiêu thụ trên 1kg sợi của DTY, FDY và POY lần lượt có tăng 1,4%, 1,9% và 13.3% so với cùng kỳ chủ yếu do Công ty chưa đạt được hiệu quả sản xuất theo KPIs chất lượng đặt ra cùng với việc sản xuất các loại sợi có quy cách đặc biệt, dẫn đến lượng điện tiêu hao sản xuất nhiều hơn .

> Nguồn năng lượng mặt trời dần tăng công suất và đóng góp tích cực vào tổng năng lượng sử dụng, hướng tới 100% công suất trong năm 2023.

> Hệ số Cacbon footprint theo điện năng tiêu thụ có giảm 2,1% so với năm 2021.

> Không có ghi nhận bất kỳ sự cố tràn đổ hoặc rò rỉ nước thải và rác thải.

> Các kết quả chỉ số đánh giá quan trắc và tác động tới môi trường của Công ty cũng ghi nhận sự tuân thủ và nằm trong giới hạn cho phép theo quy định hiện hành của cơ quan nhà nước về môi trường.

Vật liệu (GRI 301)

Vật liệu được sử dụng trong hoạt động sản xuất (GRI 301-1)

- Công ty sử dụng nguồn nguyên, vật liệu đầu vào được nhập khẩu từ các nước Hàn Quốc, Nhật, Đài Loan, Đức, Thụy Sỹ với quy trình sản xuất tiên tiến, công nghệ hiện đại và thân thiện với môi trường, góp phần giảm lượng phát thải nhà kính ra môi trường.
- Khuyến khích các nhà cung ứng bảo vệ môi trường thông qua việc thực hiện cam kết bằng văn bản việc tuân thủ bảo vệ môi trường, áp dụng các biện pháp sáng tạo trong hoạt động kinh doanh để giảm phát thải khí nhà kính, chống biến đổi khí hậu

Phân loại vật liệu	STT	Chủng loại nguyên vật liệu	Nguồn gốc vật liệu
VẬT LIỆU KHÔNG THỂ TÁI TẠO	1	Polyester Chip	Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật
	2	Dầu	Đài Loan, Nhật, Đức
VẬT LIỆU CÓ THỂ TÁI TẠO	3	Ống giấy	Việt Nam, Đài Loan
	4	Thùng Carton	Việt Nam

Vật liệu tái chế được sử dụng trong Công ty (GRI 301-2)

- Để sản xuất sợi recycle thân thiện với môi trường thì Công ty sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào là recycle PET chip, tỷ lệ sợi recycle trong tổng doanh thu năm 2022 chiếm khoảng hơn 52%.
- Dây chuyền tái chế sợi phế trong sản xuất thành hạt nhựa tái sinh phục vụ nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty có công suất 1.500 tấn/năm giúp giảm thiểu mạnh mẽ tác động đến môi trường, đồng thời giúp Công ty giảm chi phí sản xuất, tạo ra sản phẩm chất lượng cao, thân thiện với môi trường và giá cả hợp lý.

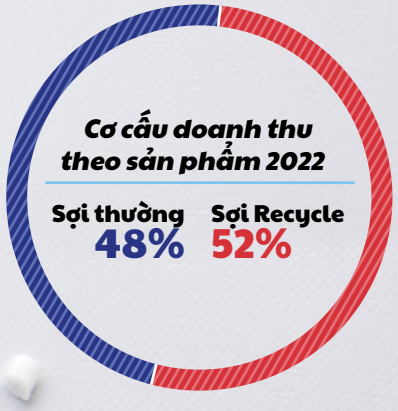

Sản phẩm được tái sử dụng và vật liệu đóng gói sản phẩm (GRI 301-2)

- Ngoài hiệu quả sử dụng nguồn nguyên vật liệu chính, Công ty đã ký kết với các đối tác uy tín, chất lượng để cung cấp ống giấy. Với chất lượng ống giấy tốt thì bình quân hiện nay ống giấy POY sau khi sử dụng có thể tái sử dụng lại 3,15 lần, góp phần giảm thiểu sự tác động tới môi trường thông qua việc giảm số lượng ống giấy sử dụng trong sản xuất. Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện tái sử dụng lại pallets gỗ trong hoạt động giao nhận hàng, các vật dụng và linh kiện sản xuất như đầu lọc trong quy trình sản xuất sợi POY, nhằm giúp gián tiếp giảm việc tiêu hao và sử dụng tài nguyên thiên nhiên.
- Trong năm 2022, số lượng ống giấy POY sử dụng là 796.180 ống và trung bình 1 ống giấy POY có thể tái sử dụng lại 3,15 lần; do đó tỷ lệ tái sử dụng nguyên vật liệu (ống giấy) năm 2022 là:

$$\textit{Tỷ lệ tái sử dụng} = \frac{\textit{Số lượng vật liệu tái sử dụng}}{\textit{Tổng số lượng vật liệu được sử dụng trong năm}}$$

$$= \frac{\textit{Số lượng ống giấy POY} \times \textit{số lần tái sử dụng}}{\textit{Số lượng ống giấy POY} \times (\textit{số lần tái sử dụng}) + \textit{số ống giấy DTY} + \textit{số ống giấy FDY}}$$

$$= \frac{796.180 \times 3,15}{796.180 \times 3,15 + 9.969.775} = \mathbf{20\%}$$

Tỷ lệ sản phẩm thu hồi để tái chế hoặc nguyên vật liệu thu hồi tái chế năm 2022 là 20%

Nước (GRI 303)

Lượng nước đầu vào theo nguồn (GRI 303-1)

NƯỚC BỀ MẶT BAO GỒM NƯỚC TỪ CÁC VÙNG ĐẦM LẦY, SÔNG, HỒ, VÀ ĐẠI DƯƠNG:

0 M³
(KHÔNG ÁP DỤNG)

NƯỚC NGẦM:

0 M³
(KHÔNG ÁP DỤNG)

NƯỚC MƯA DO TỔ CHỨC THU THẬP VÀ ÁP DỤNG:

0 M³
(KHÔNG ÁP DỤNG)

NƯỚC THẢI TỪ TỔ CHỨC KHÁC:

0 M³
(KHÔNG ÁP DỤNG)

CÁC NGUỒN CẤP NƯỚC ĐÔ THỊ HOẶC CƠ SỞ CẤP NƯỚC CÔNG CỘNG HOẶC TƯ NHÂN KHÁC: NGUỒN NƯỚC ĐƯỢC SỬ DỤNG TẠI CÔNG TY ĐƯỢC CUNG CẤP VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG BỞI BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHIỆP (KCN).

Lượng nước đầu vào theo nguồn (GRI 303-1)

Lượng nước sử dụng (nghìn m³)

Mức tiêu hao nước (m³/kg sợi)

- Trong năm 2022, mức tiêu hao nước sử dụng tăng 14% so với năm 2021, chủ yếu do Công ty chưa đạt được hiệu quả sản xuất theo KPIs chất lượng POY đặt ra, dẫn đến lượng nước tiêu hao sản xuất trong năm nhiều hơn, theo đó với sản lượng sản xuất năm 2022 thấp hơn 2021 nên mức tiêu hao nước trên 1 kg sợi của năm 2022 cao hơn 24% so với năm 2021 (0,0025 m³/kg sợi -2021 và 0,0031 m³/kg -2022). Bên cạnh đó, Công ty cũng nỗ lực liên tục thực hiện và cải tiến các kế hoạch tiết kiệm nước sử dụng trong hoạt động sản xuất như duy trì tái sử dụng nước ngưng tụ tại các tháp giải nhiệt AC của nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng, giúp Công ty tiết kiệm chi phí hơn 52,2 triệu đồng/năm.

Tuần hoàn và tái sử dụng nước (GRI 303-3)

Tại STK, Công ty có hệ thống điều không khép kín, nước cấp sau khi đi qua Chiller để đến phòng AC sẽ được hồi về hồ chứa nước lạnh để tái sử dụng. Nhờ hệ thống này, mỗi năm STK tiết kiệm được 2.815 m³ nước.

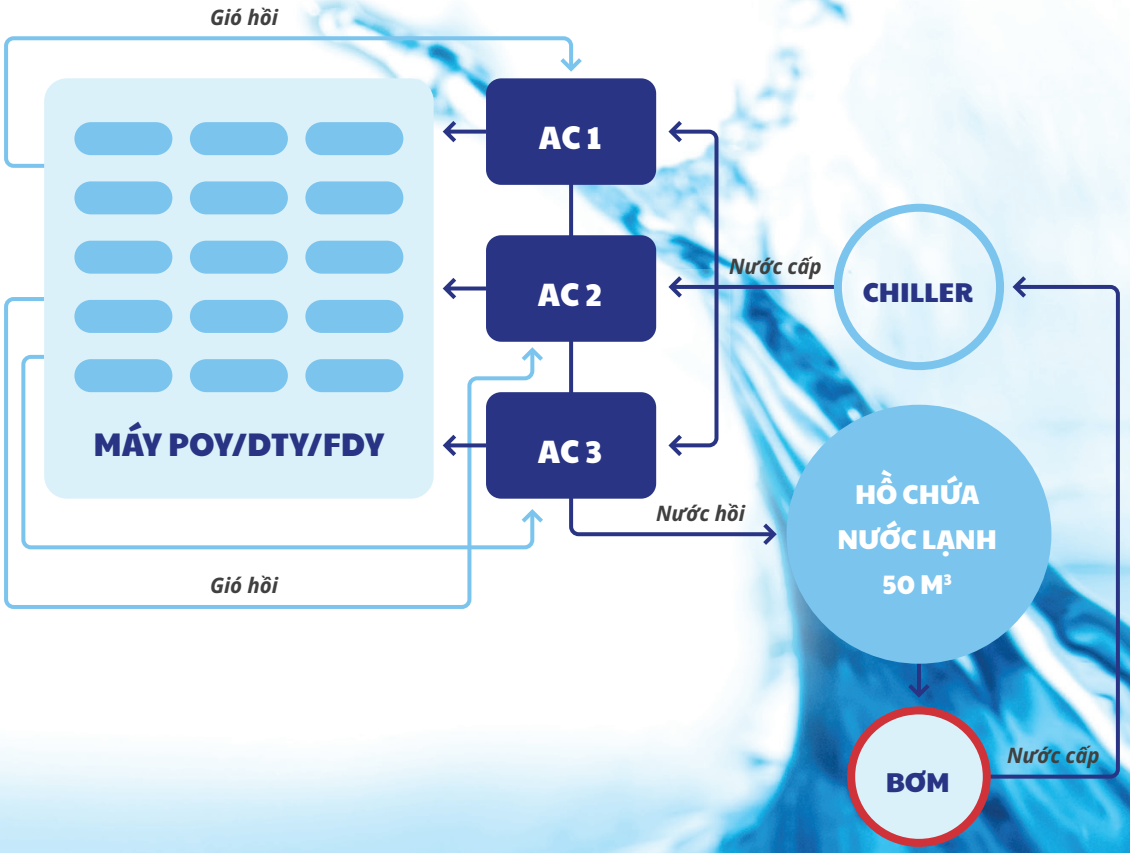

TỶ LỆ PHẦN TRĂM CỦA NƯỚC TUẦN HOÀN VÀ TÁI SỬ DỤNG 2022

$$= \frac{\text{Khối lượng nước tuần hoàn và tái sử dụng}}{\text{Tổng khối lượng nước đầu vào}} \times 100 = \frac{6.571}{245.840} \times 100 = \mathbf{2,7\%}$$

CÁC BIỆN PHÁP TÁI SỬ DỤNG VÀ TIẾT KIỆM NƯỚC NĂM 2022

Giải pháp	Hiệu quả
Thu hồi và sử dụng nước siêu tinh khiết từ nhà máy TB2 và TB3.	Thực hiện tiết kiệm tiết kiệm được 2.190 m³ nước tương đương ~15.120.000 VND/năm.
Thu hồi và sử sụng nước từ máy nén khí của nhà máy TB2.	Thực hiện tiết kiệm tiết kiệm được 730 m³ nước tương đương ~5.040.000 VND/năm.
Sử dụng nước ngưng tụ AC 45 nhà máy TB2 và TB3.	Thực hiện tiết kiệm tiết kiệm được 1.861 m³ nước tương đương ~12.856.000 VND/năm.

Năng lượng (GRI 302)

Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức (GRI 302-1)

Công ty chỉ sử dụng nguồn nhiên liệu điện năng và dầu DO trong các hoạt động sản xuất của mình. Trong đó:

- Nguồn nhiên liệu không tái tạo: **dầu DO**. Khối lượng dầu do sử dụng trong năm: **2,2 tấn**.
- Nguồn nhiên liệu tái tạo: **điện**;

KHỐI LƯỢNG ĐIỆN TIÊU THỤ TRONG NĂM 2022

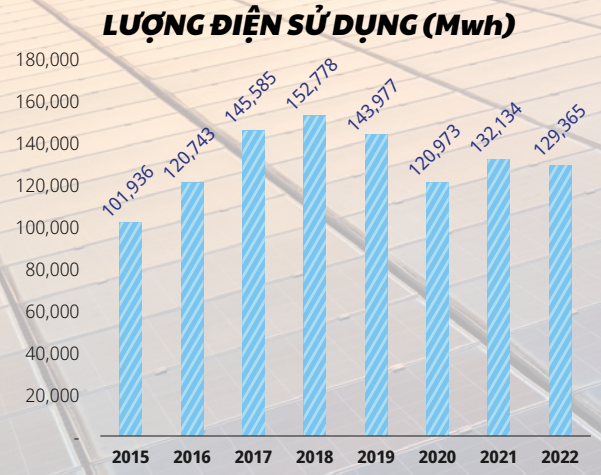

TỔNG LƯỢNG NĂNG LƯỢNG TÊU THỤ TRONG TỔ CHỨC

Tổng lượng năng lượng tiêu thụ trong tổ chức

=

nhiên liệu không tái tạo đã tiêu thụ

+

nhiên liệu tái tạo đã tiêu thụ

=

465,8 tỷ KJun

Chú thích:

- *https://bachhopsc.com.vn/dac-tinh-co-ban-cua-gas/ (quy đổi 1 kg dầu DO về 1 kcal);*
- *https://www.convertworld.com/vi/nang-luong/j.html (quy đổi 1 kcal về 1 kJ);*
- *http://www.saigonpetro.com.vn/linh-vuc-hoat-dong/95/diezen-do.html (khối lượng riêng của dầu DO = 820-860 kg/m³ - QCVN 01:2015/BKHCN.*

Cường độ sử dụng năng lượng (GRI 302-3)

- Công ty có 3 loại sợi sản phẩm chính: sợi POY, sợi DTY và sợi FDY.
- Công ty xây dựng hệ thống giám sát và đo đạt mức tiêu thụ năng lượng (kwh) trên từng đơn vị sản phẩm (kg).

Trong đó, điện tiêu hao cho từng đơn vị sản phẩm:

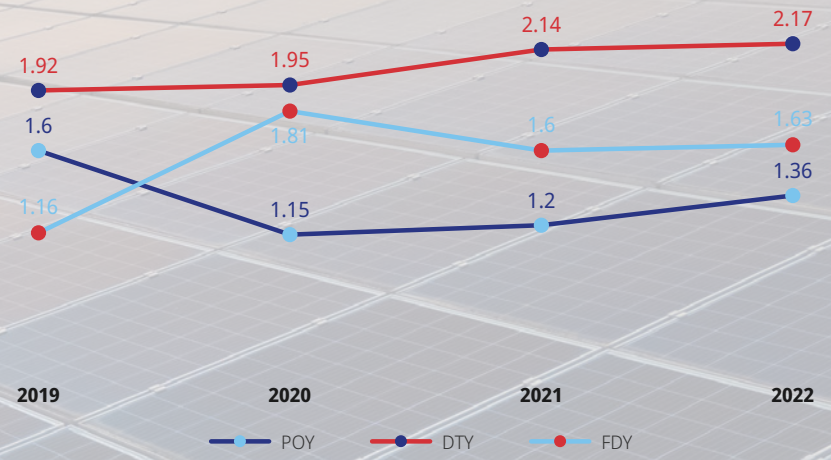

- Tổng lượng điện năng tiêu thụ năm 2022 giảm 2,1% so với 2021, chủ yếu do Công ty thu hẹp hoạt động sản xuất nhà máy Củ Chi từ Q3.2022 nên tổng lượng điện năng sử dụng 2022 thấp hơn 2021. Tuy nhiên, lượng điện năng tiêu thụ trên 1kg sợi của DTY, FDY và POY lần lượt có tăng 1,4%, 1,9% và 13.3% so với cùng kỳ chủ yếu do Công ty chưa đạt được hiệu quả sản xuất theo KPIs chất lượng đặt ra cùng với việc sản xuất các loại sợi có quy cách đặc biệt, dẫn đến lượng điện tiêu hao sản xuất nhiều hơn.

GIẢI PHÁP TIẾT KIỆM ĐIỆN NĂM 2023

Trong năm 2023, Công ty dự kiến sẽ thực hiện các biện pháp sau để tiết kiệm chi phí điện:

Giải pháp	Hiệu quả
Tại nhà máy Củ Chi: Thực hiện gắn Inverter cho bơm giải nhiệt máy lạnh 1.	Thực hiện tiết kiệm được 83.311.200 VND/năm.
Tại nhà máy Trảng Bàng: Gắn inverter cho thiết bị dầu thải máy DTY TB2.	Thực hiện tiết kiệm được 116.016.000 VND/tháng

Phát thải (GRI 305)

Phát thải khí nhà kính gián tiếp từ năng lượng (GRI 305-2)

Trên thực tế, Công ty không có phát sinh khí thải do không sử dụng lò hơi hay than đá trong hoạt động sản xuất.

- Định kỳ 3 tháng/lần, Công ty thực hiện đo kiểm khí thải tại khu vực ngoài trời và các khu vực sản xuất để có biện pháp khắc phục ngay khi có ô nhiễm về khí thải.
- Ngoài ra, còn thực hiện báo cáo giám sát môi trường cho cơ quan chức năng về khí thải 6 tháng/lần theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Một số biện pháp Công ty đã và đang tiếp tục thực hiện để giảm thiểu ô nhiễm về khí thải:
  - Kiểm soát các loại xe hoạt động trong Công ty như xe container, xe tải, xe nâng, xe con của Công ty trong việc phát thải khói bụi. Có biện pháp cho ngưng hoạt động các loại xe trên nếu gây ra phát thải nhiều.
  - Tiết giảm sử dụng xăng, dầu DO bằng cách sử dụng các loại xe điện.
  - Bảo trì thường xuyên đối với những xe cộ, máy móc, thiệt bị sử dụng xăng, dầu DO để giảm thiểu ô nhiễm về khí thải

GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH TRONG TOÀN BỘ CHUỖI GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY

SCOPE 1
Trực tiếp
Khí thải nhà kính từ các nguồn được sở hữu hoặc được kiểm soát bởi công ty

Công ty không sở hữu lò hơi, hoặc sử dụng các vật liệu than đá, dầu mỏ, chế phẩm dầu mỏ để tạo hơi và sản sinh ra khí nhà kính.

SCOPE 2
Gián tiếp
Khí thải nhà kính phát sinh từ điện do công ty mua

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sợi Ployester Filament từ hạt nhựa PET, nhà máy của Công ty chỉ sử dụng năng lượng điện là nguồn năng lượng chính để vận hành máy sản xuất.

SCOPE 3
Gián tiếp
Phát thải khí nhà kính từ các nguồn không do công ty sở hữu hoặc kiểm soát trực tiếp nhưng có liên quan đến hoạt động của công ty

Chưa thể tính được chính xác do thiếu thông tin

CÁCH THỨC THỰC HIỆN HƯỚNG TỚI MỤC TIÊU GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

SỐ LIỆU CACBON FOOTPRINT CỦA STK TRONG NĂM 2022 NHƯ SAU

	Lượng tiêu thụ 2022	Hệ số phát thải CO_2 (Schneider Electric)	Phát thải 2019	Phát thải 2020	Phát thải 2021	Phát thải 2022	Tăng/giảm % 2022/2021
Điện năng	129.365 MWh/năm	0,000432[1] (tCO_2e/MWh)	62,198 (tCO_2e/năm)	52,260 (tCO_2e/năm)	57,081 (tCO_2e/năm)	55,885 (tCO_2e/năm)	2,1%
Trong đó, phát thải cacbon trên 1kg sợi							
POY	1,36 kwh/kg	0,000432 (tCO_2e/MWh)	0,70 ($kgCO_2e$/kg)	0,50 ($kgCO_2e$/kg)	0,52 ($kgCO_2e$/kg)	0,58 ($kgCO_2e$/kg)	+12%
DTY	2,17 kwh/kg	0,000432 (tCO_2e/MWh)	0,8 ($kgCO_2e$/kg)	0,84 ($kgCO_2e$/kg)	0,92 ($kgCO_2e$/kg)	0,93 ($kgCO_2e$/kg)	+1,1%
FDY	1,63 kwh/kg	0,000432 (tCO_2e/MWh)	0,5 ($kgCO_2e$/kg)	0,78 ($kgCO_2e$/kg)	0,69 ($kgCO_2e$/kg)	0,70 ($kgCO_2e$/kg)	+1,4%

Hệ số carbon footprint về điện năng trên từng kg sợi DTY,FDY và POY có tăng so với năm 2021 (DTY tăng 1,1%, FDY tăng 1,4%; POY tăng 12%), chủ yếu do Công ty chưa đạt được hiệu quả sản xuất theo KPIs chất lượng đặt ra cùng với việc sản xuất các loại sợi có quy cách đặc biệt trong năm, dẫn đến lượng điện tiêu hao sản xuất nhiều hơn trên một đơn vị sợi.

1 Hệ số phát thải tính theo trung tâm dữ liệu về Carbon Foorprint của Schneider Electric. (https://www.se.com/ww/en/work/solutions/system/s1/data-center-and-network-systems/trade-off-tools/data-center-carbon-footprint-comparison-calculator/)

MỤC TIÊU GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH CARBON FOOTPRINT:

1. Thông qua sử dụng nguồn năng lượng tái tạo - năng lượng mặt trời:

Dự án năng lượng mặt trời áp mái tại nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng với công suất 10,5 Mwp. Công ty đã hợp tác với một đối tác để triển khai lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái cho cả 2 nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng từ năm 2020. Sau khi hoàn thành việc lắp đặt, hệ thống điện mặt trời áp mái sẽ đáp ứng khoảng 10% nhu cầu điện của Công ty và góp phần tiết kiệm chi phí điện khoảng 10%, giảm carbon footprint khoảng 10,7% hàng năm và 530 ngàn tấn CO_2 trong suốt vòng đời dự án.

	2021	2022
Tích lũy từ khi dự án vận hành tới cuối năm		
Lượng CO_2 (tấn) giảm được-Indefol system	4.489	13.475
Điện năng sản sinh ra từ hệ thống Solar (Mwh)	3.400	10.100
Từ năm vận hành đến hết vòng đời dự án		
Lượng CO_2 (tấn) giảm được-Indefol system	529.978	1.293.500
Điện năng sản sinh ra từ hệ thống Solar (Mwh)	401.497	975.468

2. Thông qua mục tiêu nâng tỷ trọng Sợi tái chế trong tổng doanh thu đến 2025:

Công ty đã nâng tỷ lệ sử dụng và tiêu thụ sản phẩm thân thiện với môi trường từ 52% vào năm 2022.

	2022	2025
Tỷ lệ sợi Recycle trong tổng doanh thu	52%	67%
Lượng CO_2 (tấn) giảm được do sử dụng vật liệu tái chế - PET chip Recycle từ chai nhựa.	18.374	47.712

3. Tham gia vào các nền tảng sáng kiến đánh giá và báo cáo dữ liệu carbon

Trong năm 2022, nhằm cải thiện và giám sát các hoạt động có liên quan đến việc tác động môi trường, Công ty đã tham gia vào chương trình theo dõi và công bố Carbon tại doanh nghiệp (Carbon Disclose Project-CDP). Công ty thực hiện cung cấp thông tin và số liệu liên quan thông qua bảng câu hỏi chi tiết về các chủ đề biến đổi khí hậu (dữ liệu phát thải scope 1,2,3), công bố về phương pháp quản trị hệ thống nhận diện rủi ro và cơ hội của doanh nghiệp, cơ chế quản trị doanh nghiệp, các vấn đề về sử dụng năng lượng và chiến lược phát triển của Công ty. Công ty đã được chấm điểm B- (Management) đây là năm đầu tiên Công ty tham gia công bố thông tin về Carbon trên hệ thống CDP. (báo cáo kết quả CDP chi tiết vui lòng xem phụ lục đính kèm

Với kết quả trên, Công ty nhận diện được các lĩnh vực mình cần cải thiện trong thời gian tới: tăng tính tin cậy của số liệu phát thải carbon footprint scope 1 và 3 thông qua việc đánh giá và xác nhận của các tổ chức uy tín, tăng cường triển khai lập kế hoạch sử dụng năng lượng và các sáng kiến tiết kiệm năng lượng tại tổ chức, tăng cường huy động sự tham gia của chuỗi cung ứng trong cam kết giảm phát thải carbon và chiến lược chống biến đổi khí hậu.

Các thông số và kết quả quan trắc khí thải trong năm 2022:

*(Xem thêm **Kết quả quan trắc chất lượng không khí** tại **Phụ Lục 1**)*

Nước thải và chất thải (GRI 306)

Tổng lượng nước thải theo chất lượng và địa điểm (GRI 306-1)

BẢNG THỐNG KÊ LƯỢNG NƯỚC THẢI

		Đvt	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Lượng nước thải	Củ Chi	m^3	11.482	6.137	6.188	6.173	8.304	5.843	8.607	5.541
	Trảng Bàng 1,2	m^3	14.581	9.462	12.988	11.222	9.496	14.907	11.802	13.744
	Trảng Bàng 3	m^3	4.431	17.724	12.786	9.537	8.817	13.520	8.224	13.807
	Tổng cộng	m^3	30.494	33.323	31.961	26.932	26.617	34.269	28.633	33.092

Các thông số và kết quả quan trắc nước thải trong năm 2022:
*(Xem thêm **Kết quả quan trắc chất lượng nước thải** tại **Phụ Lục 2**)*

Tổng lượng chất thải theo loại và phương pháp xử lý (GRI 306-2)

Tên chất thải	Số lượng (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
TRẢNG BÀNG:		
Dầu nhiên liệu	30.730	Cty CP Môi Trường Tân Thiên Nhiên
Bao bì cứng thải bằng nhựa	9.720	
Màng khò	11.499	Cty CP Môi Trường Thái Tuấn
Bụi phế	1.251	
Bóng đèn thải	184	Cty TNHH Sản xuất Cơ khí và Dịch vụ Đại Phúc
Bao tay, giẻ lau dính TPNH	1.388	
Hộp mực in thải	120	
Tổng số lượng	54.892	
CỦ CHI:		
Bao bì cứng thải bằng nhựa	5.717	Cty TNHH Sản xuất Cơ khí và Dịch vụ Đại Phúc
Bóng đèn thải	20	
Bao tay, giẻ lau dính TPNH	260	Cty CP Môi Trường Tân Thiên Nhiên
Hộp mực in thải	18	
Tổng số lượng	6.015	

- Tại Công ty, các loại rác thải từ các hoạt động sản xuất và sinh hoạt của Công ty đều được phân loại và giám sát một cách chặt chẽ theo quy trình phân loại thác thải ban hành của tiêu chuẩn GRS 4.0 – waste management.
- Công ty ký kết hợp đồng với các đơn vị xử lý chất thải, trong đó:
  - *Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại - đơn vị đảm trách: **Cty CP Môi Trường Tân Thiên Nhiên**.*
  - *Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt, rắn công nghiệp – đơn vị đảm trách: **Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Công Ích Huyện Củ Chi và Công ty TNHH MTV Thu Gom Rác Hiền Lương**.*
- Công ty định kỳ lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại đến Sở Tài Nguyên Môi Trường TP, HCM và Tây Ninh.
- Công ty đăng ký sổ chủ nguồn chất thải nguy hại với mã số - QLCTNH79,002938, T (cấp lần 3).

Sự cố tràn đáng kể (GRI 306-3)

- Công ty không ghi nhận bất kỳ sự cố tràn đổ hóa chất hoặc rò rỉ nước thải trong năm 2022.
- Công ty tuân thủ việc lưu trữ, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải đúng theo quy định của tiêu chuẩn GRS và luật môi trường hiện hành.

Vận chuyển chất thải nguy hại (GRI 306-4)

- Công ty trang bị nhà rác nguy hại riêng với biển báo, ký hiệu nguy hại theo quy định.
- Công ty dán mã chất thải nguy hại và quản lý nghiêm ngặt cho từng loại chất thải.
- Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng (Cty CP Môi Trường Tân Thiên Nhiên) thu gom, vận chuyển, xử lý các chất thải này – Xem thêm mục Tổng lượng chất thải theo loại và phương pháp xử lý (GRI 306-2).

Tuân thủ về môi trường (GRI 306)

Không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường (GRI 306-1)

- Tham chiếu kết quả trong các báo cáo quan trắc môi trường định kỳ hàng quý (4 lần/ năm) và báo cáo đo kiểm môi trường định kỳ, các chỉ số về môi trường vẫn nằm trong giới hạn quy định.
- Ban QLKCN và cảnh sát môi trường địa phương không ghi nhận trường hợp vi phạm quy định về môi trường.
- Trường hợp vi phạm pháp luật và các quy định về môi trường: có **0** trường hợp.

MỤC TIÊU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2023

- Tỷ lệ tái sử dụng ống giấy POY đạt **3,15 lần**;
- Tỷ lệ sử dụng nước tuần hoàn chiếm **2%** trên tổng lượng nước sử dụng;
- Mục tiêu nước sử dụng m^3/kg sợi: **0,0023**;
- Tỷ lệ năng lượng tái tạo trên tổng năng lượng sử dụng chiếm **10%**;
- Tỷ lệ sợi recycle đóng góp trên tổng doanh thu chiếm **64%**;
- Mục tiêu điện tiêu thụ Kw/kg sợi:
  POY: **1.26kw**/kg sợi; DTY:**1.86 kw**/kg sợi; FDY: **1,41 kw**/kg sợi.
- Xảy ra vi phạm về ATVSLĐ, PCCC và Môi trường khi đoàn kiểm tra của Cơ quan nhà nước đến kiểm tra công ty: **0 lần**;
- Công ty sẽ phối hợp với đơn vị Control Union để tiến hành đánh giá chứng nhận GRS cho quy trình tái chế sợi phế thành hạt rPET chip, nhằm đảm bảo tất cả các hoạt động tái chế tại Công ty đều đạt tiêu tuẩn quốc tế hiện hành.

PHÁT TRIỂN LAO ĐỘNG - XÃ HỘI - GRI 400

> Liên tục cải thiện các chính sách lao động, nâng cao kỹ năng làm việc và phát triển nghề nghiệp cho người lao động, Công ty tập trung thu hút và duy trì lượng lao động ổn định cho các hoạt động sản xuất

Mục tiêu 2022

- Đảm bảo chính sách phúc lợi cho người lao động; giảm tỷ lệ biến động nhân sự;
- Tăng số giờ đào tạo trung bình; xây dựng nhiều chương trình đào tạo nâng cao cho người lao động;
- Tạo cơ hội thăng tiến cho người lao động; giảm số vụ tại nan lao động và bệnh nghề nghiệp;
- Đảm bảo tất cả người lao động được trang bị kiến thức an toàn-vệ sinh-lao động và đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho người lao động;
- Cung cấp sản phẩm chất lượng và an toàn sức khỏe cho khách hàng;
- Phát triển cộng đồng địa phương; đảm bảo chống tham nhũng;
- Tỷ lệ biến động Nhân sự 25%;
- Tỷ lệ tuyển dụng bất thành 20%;
- Đáp ứng nhu cầu nhân sự 95%;
- Quản lý Ngân sách lương 97%;

Kết quả 2022

- Tăng lương bình quân hơn 5% cho người lao động; thưởng Tết Nguyên Đán hơn 1 tháng lương cho người lao động;
- Tỷ lệ biến động nhân sự tăng 24% (2021: 34,19%; năm 2022: 42,52%) so với năm trước; số giờ đào tạo trung bình tăng 29% so với năm trước;
- Tổ chức hơn 48 khóa đào tạo nâng cao tay nghề; tỷ lệ người lao động được đánh giá để phát triển nghề nghiệp 100%;
- Số vụ tại nạn và bệnh nghề nghiệp: 0 vụ; tỷ lệ người lao động được huấn luyện AT-VS-LĐ: 100%;
- Kết quả báo cáo đo đạt môi trường lao động đạt tiêu chuẩn theo quy định của nhà nước;
- Không có vụ việc không tuân thủ liên quan đến tác động sức khỏe và an toàn của các sản phẩm và dịch vụ;
- Số vụ tham nhũng: 0 vụ;
- Tỷ lệ biến động Nhân sự **42,52%**;
- Tỷ lệ tuyển dụng bất thành **29,69%**;
- Đáp ứng nhu cầu nhân sự **80,05%**;
- Quản lý Ngân sách lương **91,21%**;

1. Phương pháp quản trị (GRI 103-2)

Nhằm duy trì và phát triển các tiêu chí của chính sách tuyển dụng lao động, đảm bảo đáp ứng đủ nguồn nhân lực cho các hoạt động sản xuất của Công ty. Sợi Thế Kỷ luôn cam kết minh bạch trong quá trình tuyển dụng và đảm bảo môi trường làm việc công bằng, minh bạch với người ứng tuyển, tạo điều kiện cho người lao động phát triển bản thân và nghề nghiệp; tuân thủ và đáp ứng các yêu cầu pháp luật Nhà nước liên quan sức khỏe, an toàn lao động cho toàn thể người lao động, các nhà cung ứng và các bên liên quan.

Ngoài ra, Công ty cũng luôn cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế bền vững và các hoạt động đóng góp cho lợi ích của cộng đồng địa phương và xã hội nơi nhà máy hoạt động.

CHÍNH SÁCH	> Chính sách và quy trình tuyển dụng tại Công ty; > Quy chế khen thưởng năm 2022; > Kế hoạch đào tạo năm 2022; > Chính sách an toàn – vệ sinh – lao động theo tiêu chuẩn GRS 4.0; > Quy định về an toàn lao động theo nghị định 44/2016/NĐ-CP; > Quy trình và chính sách của hệ thống ISO 9001-2015, GRS v4.0, 5s, Reach 168, OEKO – TEX 100; > Chính sách phát triển cộng đồng địa phương theo tiêu chuẩn trách nhiệm xã hội của GRS v4.0;
CAM KẾT	> Công ty cam kết minh bạch trong quá trình tuyển dụng và đảm bảo môi trường làm việc công bằng, minh bạch với người ứng tuyển; > Cam kết xây dựng môi trường làm việc an toàn và thoải mái nhất đối với người lao động; > Cam kết cung cấp sản phẩm chất lượng và an toàn tuyệt đối đến khách hàng; > Cam kết thực hiện trách nhiệm đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng địa phương;
MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU	> Duy trì nguồn nhân lực ổn định cho toàn Công ty; > Phát triển nguồn nhân lực ổn định có tay nghề cao; > Giảm thiểu rủi ro về an toàn lao động cho người lao động; > Thỏa mãn nhu cầu khách hàng và nâng cao uy tín trên thị trường; > Nâng cao mức thu nhập, trình độ dân trí và điều kiện sống của người lao động địa phương;
TRÁCH NHIỆM	> Tổng Giám Đốc, Ban Điều Hành
NGUỒN LỰC	> Ban Điều Hành, phòng nhân sự, bộ phận tuyển dụng, bộ phận đào tạo, cán bộ chuyên trách an toàn- vệ sinh- lao động, mạng lưới vệ sinh viên, công đoàn.
CƠ CHẾ TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI	> Phòng nhân sự, Phòng Tổng Quản Lý;

2. Đánh giá về phương pháp quản trị (GRI 103-3)

- Chính sách về lương thưởng, phúc lợi được cải thiện so với năm trước tăng lương bình quân 5% cho người lao động, góp phần khích lệ, nâng cao đời sống của người lao động, tạo cơ hội cho người lao động làm việc cũng như gắn kết được lợi ích của doanh nghiệp với người lao động.
- Tỷ lệ biến động nhân sự năm 2022: 42,52% tăng 24% so với 2021 (39,14%), chủ yếu do ảnh hưởng từ tình hình thu hẹp quy mô sản xuất do ảnh hưởng suy thoái của thị trường.
- Các chương trình/khóa đào tạo mà Công ty đã tổ chức góp phần gia tăng hiệu suất làm việc của người lao động thông qua hoàn thành mục tiêu KPIs chung của Công ty theo kế hoạch đặt ra.
- Số vụ tại nan lao động ghi nhận qua các năm và số giờ làm thêm bình quân của người lao động đều có giảm đáng kể;
- Các hoạt động đóng góp cho cộng đồng và địa phương còn được đẩy mạnh hơn thông qua hoạt động tài trợ cho các quỹ học bổng tại các trường học địa phương và tạo ra nhiều công ăn việc làm hơn cho người lao động địa phương từ các dự án mới của Công ty.

Việc làm (GRI 401)

Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc (GRI 401-1)

Tổng số lượng nhân viên thuê mới trong kỳ báo cáo

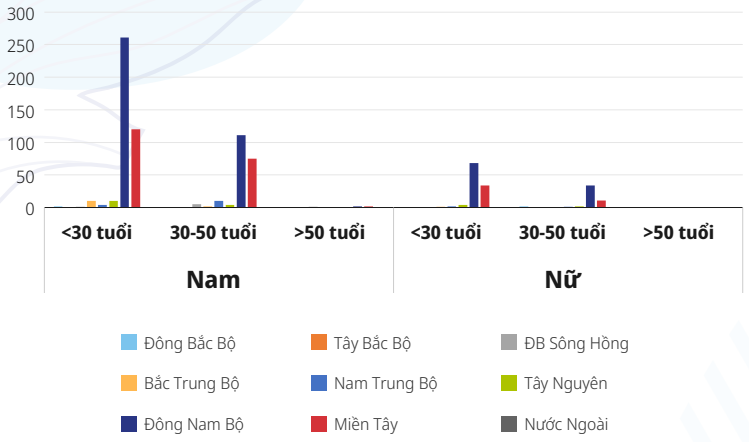

Tổng số lượng nhân viên nghỉ việc trong kỳ báo cáo

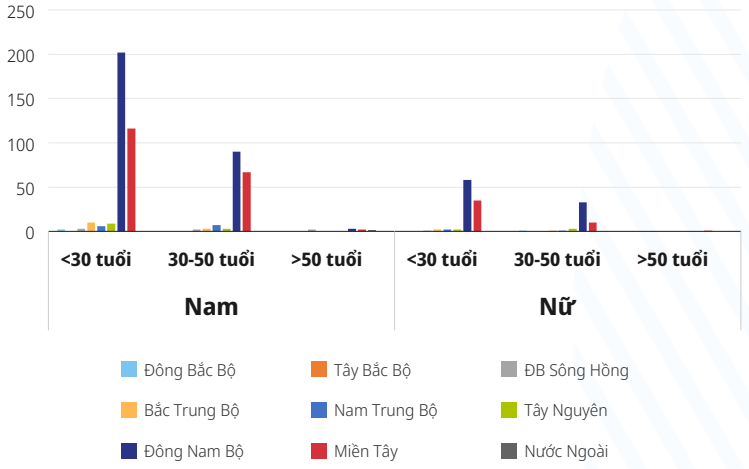

Thông tin tổng quan về lao động chính thức đến hết 31/12/2022 **882** nhân viên

CƠ CẤU NHÂN SỰ

Trình độ

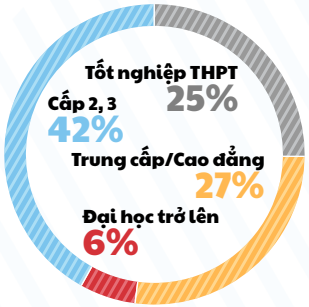

Giới tính

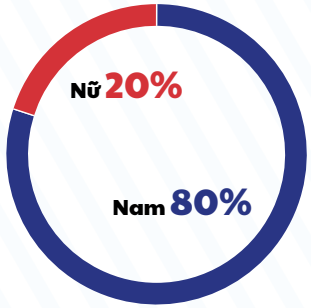

Theo độ tuổi

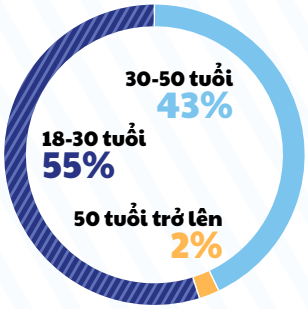

Theo khối chức năng

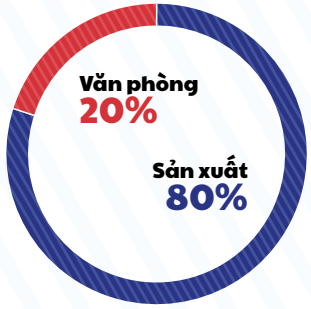

Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian (GRI 401-2)

CHÍNH SÁCH VỀ THỜI GIAN LÀM VIỆC

- Công ty không sử dụng lao động bán thời gian và lao động tạm thời.
- Công ty cam kết tất cả lao động làm việc ở Công ty đều được hưởng chính sách phúc lợi theo đúng quy định của Công ty.
- Giờ làm việc tại Công ty được đảm bảo là 08 giờ/ ngày, 06 ngày/ tuần, khối văn phòng làm việc từ 08:00 đến 17:00 từ thứ 2 đến thứ 7.
- Do tính chất công việc, máy hoạt động 24/24 nên khối sản xuất sẽ làm việc cả ngày Chủ nhật, Lễ, Tết và thời gian làm việc được chia theo 3 ca
- Trong một số thời điểm, do yêu cầu đẩy nhanh tiến độ sản xuất, thực hiện đơn hàng theo hợp đồng hoặc những yêu cầu phát sinh đột xuất khác thì việc làm thêm được thực hiện và đảm bảo theo các nguyên tắc sau: (1) trên cơ sở tự nguyện của người lao động; (2) không thường xuyên và không vượt quá 12 giờ/tuần; (3) Tổng thời gian không vượt quá 200 giờ/năm; (4) Tiền lương trong thời gian làm thêm sẽ được trả cao hơn so với thời gian làm chính thức và đảm bảo theo đúng luật định.

CHÍNH SÁCH LƯƠNG CƠ BẢN

- Công ty cam kết luôn căn cứ theo mức lương tối thiểu vùng theo từng năm để xây dựng, điều chỉnh hệ thống thang lương bảng lương phù hợp theo quy định của Nhà nước.
- Mức lương làm cơ sở tham gia bảo hiểm cho người lao động được căn cứ theo thang bảng lương của Công ty.
- Người lao động hàng năm luôn được thay đổi lương cơ bản kịp thời theo quy định của nhà nước.
- Cam kết không áp dụng hình thức trừ lương nhân viên đối với các biện pháp kỷ luật lao động, ngoại trừ biện pháp chế tài bồi thường vật chất do gây ra thiệt hại theo phán quyết của Hội đồng kỷ luật công ty có sự tham gia của Ban chấp hành Công Đoàn cơ sở.

CHÍNH SÁCH VỀ THƯỞNG

Theo quy chế thưởng, Công ty có các loại tiền thưởng như sau:

- *Thưởng tác nghiệp viên;*
- *Thưởng chấp hành nội quy;*
- *Thưởng hoàn thành nhiệm vụ;*
- *Thưởng bậc tay nghề;*
- *Thưởng theo doanh số bán hàng;*
- *Thưởng hiệu quả mua hàng;*
- *Thưởng cho vị trí bốc xếp/ phụ kho/ xe nâng;*
- *Thưởng các ngày Lễ;*

Ngoài tiền thưởng hàng tháng như trên, cuối năm Công ty sẽ trích thưởng cho CB-CNV:

- *Thưởng Tết;*
- *Thưởng đột xuất theo hiệu quả hoạt động và kết quả doanh thu của Công ty trong năm;*

CHÍNH SÁCH BẢO HIỂM

- Việc trích nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp thực hiện theo quy định của Nhà nước, tỷ lệ tham gia bảo hiểm của CBCNV Công ty là 100%.
- Công ty thực hiện mua Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho tất cả CB-CNV.

CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI

- Hỗ trợ nhà trọ miễn phí cho CB-CNV, ưu tiên cho những trường hợp ở cách xa Công ty từ 30 km trở lên.
- Đài thọ bữa ăn giữa ca; bồi dưỡng bằng hiện vật đối với các vị trí công việc có điều kiện làm việc nặng nhọc, độc hại; phép năm; khám sức khỏe định kỳ...và các loại phụ cấp: làm đêm, điện thoại, xăng...
- Thỏa ước lao động tập thể đã được Công ty xây dựng và đăng ký với cơ quan quản lý lao động theo đúng quy định của Pháp luật là cầu nối hữu hiệu giữa người lao động và doanh nghiệp.
- Tại STK, tất cả chính sách lương, thưởng và phúc lợi đều được ban hành chi tiết, rõ ràng thành quy chế, thể hiện đầy đủ trong thỏa ước lao động tập thể, phù hợp với quy định hiện hành và được phổ biến công khai trong toàn công ty.
- Du lịch và nghỉ mát định kỳ cho tất cả CBCNV.

LƯƠNG THỰC LÃNH

- **Khối văn phòng:** Tùy thuộc vào tính chất của từng vị trí công việc, Công ty sẽ xây dựng mức lương theo từng bậc tương ứng từng vị trí công việc.
- **Khối sản xuất:** Hưởng lương theo sản phẩm và theo hiệu suất làm việc. Đơn giá lương sản phẩm sẽ được điều chỉnh tùy thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại từng thời điểm.

Đánh giá sự thay đổi tình hình mức thu nhập bình quân của khối sản xuất tại doanh nghiệp trong 2022 có sự thay đổi giảm 10% so với 2021, chủ yếu do Công ty thu hẹp hoạt động sản xuất nhà máy Củ Chi từ Q3.2022 nên tổng sản lượng và hiệu quả sản xuất 2022 thấp hơn 2021, dẫn đến thu nhập của khối sản xuất trực tiếp bị thấp hơn.

Mặc dù năm 2022 là một năm có nhiều yếu tố vĩ mô không thuận lợi, Công ty vẫn nỗ lực duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh và chi trả lương thưởng đúng hạn cho người lao động, nhằm giúp người lao động yên tâm làm việc và ổn định cuộc sống.

Thu nhập người lao động qua từng năm (triệu đồng)

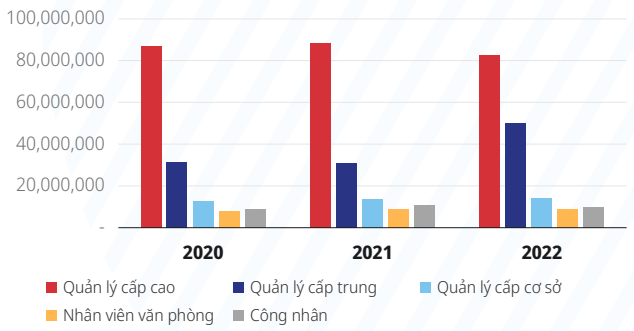

Nghỉ thai sản (GRI 401-3)

Tổng số nhân viên được hưởng nghỉ thai sản	Nam	
	Nữ	13
Tổng số nhân viên đã nghỉ thai sản	Nam	
	Nữ	13
Tổng số nhân viên quay lại làm việc trong kỳ báo cáo sau khi kết thúc nghỉ thai sản	Nam	
	Nữ	7
Tổng số nhân viên quay lại làm việc trong kỳ báo cáo sau khi kết thúc nghỉ thai sản mà vẫn được tuyển dụng 12 tháng	Nam	
	Nữ	7
Tỷ lệ quay lại làm việc	Nam	
	Nữ	54%
Tỷ lệ giữ chân nhân viên	Nam	
	Nữ	54%

Giáo dục và đào tạo (GRI 404)

Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên (GRI 404-1)

Công ty tổ chức các khóa đào tạo cho toàn thể CBCNV trong năm. Vì vậy, số giờ đào tạo trung bình theo cấp bậc nhân viên và giới tính đều bằng nhau:

Số lượng khóa đào tạo

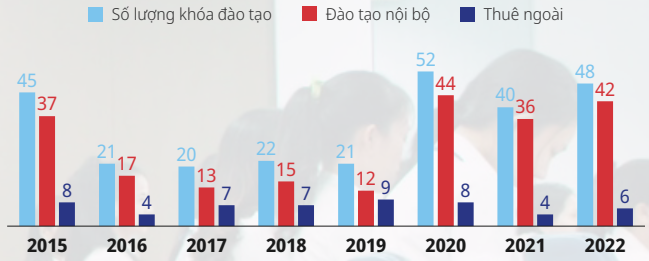

Số giờ đào tạo trung bình (giờ/người/năm)

Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp (GRI 404-2)

Công ty tổ chức các chương trình đào tạo với khung nội dung liên quan đến kiến thức cơ bản về Công ty, văn hóa Công ty, sản phẩm của Công ty, ISO/5S/KAIZEN/ LEAN/SAP/ POC, an toàn lao động phòng chống bệnh nghề nghiệp, ý thức nghề nghiệp, đào tạo nâng cao tay nghề, đào tạo trưởng ca.

Hình thức đào tạo: đào tạo nội bộ và thuê ngoài

Ngoài các nội dung cơ bản được huấn luyện hàng năm, trong năm 2022 Công ty đã đưa vào những chương trình đào tạo đặc biệt như sau:

Tên khóa đào tạo	Đơn vị được đào tạo	Thời gian đào tạo (giờ/ người)	Số lượng tham gia (người)						Loại	
			Quản lý		Nhân viên VP		Công nhân			
			SL	TG	SL	TG	SL	TG	NB	TN
Đào tạo tay nghề người mới khối sản xuất	SX POY	332,8					1003	333798,4	1	
Đào tạo NQCT cho người mới	CB - CNV	0,5	15	7,5	77	38,5	1003	501,5	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn ATLĐ theo SOP - SX POY	SX POY	0,33					155	51,7	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn ATHC theo SOP - SX POY		0,33					155	51,7	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn AT PC cháy nô theo SOP - SX POY		0,33					155	51,7	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn về 5S SX POY		0,25					155	38,8	1	
Đào tạo các Quy định về TTSP SX POY		0,25					155	38,8	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn ATLĐ theo SOP - SX DTY	SX DTY	0,33					629	209,7	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn ATHC theo SOP - SX DTY		0,33					629	209,7	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn AT PC cháy nô theo SOP - SX DTY		0,33					629	209,7	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn về 5S SX DTY		0,25					629	157,3	1	
Đào tạo các Quy định về TTSP SX DTY		0,25					629	157,3	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn ATLĐ theo SOP - QLCL	QLCL	0,33					139	46,3	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn ATHC theo SOP - QLCL		0,33					139	46,3	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn AT PC cháy nô theo SOP - QLCL		0,33					139	46,3	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn về 5S QLCL		0,25					139	34,8	1	
Đào tạo các Quy định về TTSP QLCL		0,25					139	34,8	1	

Tên khóa đào tạo	Đơn vị được đào tạo	Thời gian đào tạo (giờ/ người)	Số lượng tham gia (người)						Loại	
			Quản lý		Nhân viên VP		Công nhân			
			SL	TG	SL	TG	SL	TG	NB	TN
Đào tạo các tiêu chuẩn ATLĐ theo SOP - Điện	Điện	0,33					25	8,3	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn ATHC theo SOP - Điện		0,33					25	8,3	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn AT PC cháy nô theo SOP - Điện		0,33					25	8,3	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn về 5S - Điện		0,25					25	6,3	1	
Đào tạo các Quy định về TTSP - Điện		0,25					25	6,3	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn ATLĐ theo SOP - VP	NVVP và QL	0,33	15	5,0	77	25,7			1	
Đào tạo các tiêu chuẩn ATHC theo SOP - VP		0,33	15	5,0	77	25,7			1	
Đào tạo các tiêu chuẩn AT PC cháy nô theo SOP - VP		0,33	15	5,0	77	25,7			1	
Đào tạo các tiêu chuẩn về 5S VP		0,25	15	3,75	77	19,25			1	
Đào tạo các Quy định về TTSP VP		0,25	15	3,75	77	19,25			1	
Chính sách xã hội	CB - CNV	0,25			184	71	844	211	1	
Huấn luyện PCCC	CB - CNV	8					60	480		1
Huấn luyện Sơ cấp cưu	CB - CNV	8					60	480		1
Huấn luyện ATLĐ các nhóm 1 - 4	CB - CNV	8					660	5280		1
Đào tạo về An toàn hóa chất	CB - CNV	16					30	480	1	
Đào tạo nâng cao, đào tạo chéo tay nghề nhom ĐM DTY máy 54,17,32	CB - CNV	42					23	966	1	
Đào tạo nâng cao, đào tạo chéo tay nghề nhom KT DTY QT	CB - CNV	16					26	416	1	
Đào tạo nâng cao, đào tạo chéo tay nghề nhom KT DTY LAB	CB - CNV	36					6	216	1	
Đào tạo nâng cao, đào tạo chéo tay nghề nhom KT DTY DOI Ma	CB - CNV	36					5	180	1	
Đào tạo nâng cao POY CẤP LIỆU	CB - CNV	8					21	168	1	
Đào tạo nâng cao, đa tay nghề nhóm POY CẤP LIỆU	CB - CNV	332,8					10	3328	1	
Đào tạo nâng cao, đa tay nghề nhóm POY WINDER	CB - CNV	332,8					28	9318,4	1	
Đào tạo sự khác biệt CC và TB	CB - CNV	64					9	576	1	

Tên khóa đào tạo	Đơn vị được đào tạo	Thời gian đào tạo (giờ/ người)	Số lượng tham gia (người)						Loại	
			Quản lý		Nhân viên VP		Công nhân			
			SL	TG	SL	TG	SL	TG	NB	TN
Đào tạo nâng cao, đa tay nghề nhóm QC POY	CB - CNV	332,8					9	2995,2	1	
Đào tạo nâng cao, đa tay nghề nhóm Cơ POY	CB - CNV	56					23	1288	1	
Đào tạo nâng cao, đa tay nghề nhóm QLCL	CB - CNV	332,8					12	3993,6	1	
Đào tạo quy trình sản xuất POY	Kinh doanh	1,5			20	30			1	
Đào tạo quy trình sản xuất DTY	Kinh doanh	1,5			20	30			1	
"INCOTERMS 2020 – TÀI TRỢ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ"	Kinh doanh	1			2	2				1
Khóa đào tạo xe nâng	Đóng gói	8			10	80				1
Kỹ năng PV tuyển dụng	NVTD	8			2	16				1

Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp (GRI 404-3)

Về chính sách đề bạt:

- Công ty chú trọng khuyến khích và duy trì một chính sách đề bạt, bộ nhiệm CBCNV của Công ty một cách minh bạch và nghiêm túc.
- Nhân viên có đủ năng lực và có thể ứng tuyển vào vị trí cao hơn thì phòng nhân sự sẽ kết hợp cùng cấp chủ quản trong việc theo dõi, định hướng và đánh giá năng lực của nhân viên, nếu kỹ năng của nhân viên đạt trên 70% tiêu chuẩn thì nhân viên đó sẽ được trải qua quá trình đào tạo, thử thách trong 2-3 tháng trước khi chính thức được bổ nhiệm vào vị trí cao hơn.
- Trong năm 2022 số lượng nhân viên được đề bạt lên các vị trí cao hơn là 29 người với 24 nam và 5 nữ.

Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp: 100% (nam: 100%, nữ: 100%)

Số lượng nhân viên được đề bạt qua các năm

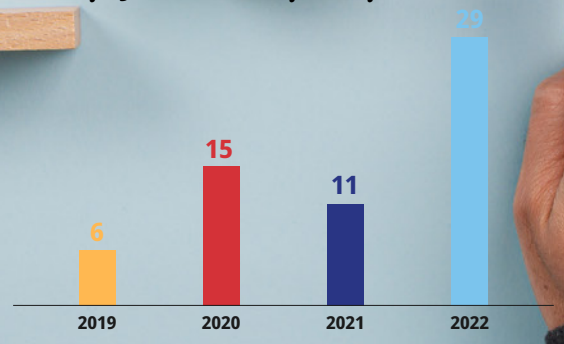

An toàn và sức khỏe nghề nghiệp (GRI 403)

Đại diện của người lao động trong các liên ủy ban an toàn và sức khỏe nghề nghiệp chính thức giữa ban lãnh đạo và người lao động (GRI 403-1)

- Ban an toàn - vệ sinh - lao động của Công ty bao gồm cán bộ chuyên trách an toàn - vệ sinh - lao động và mạng lưới vệ sinh viên.
- Ban an toàn - vệ sinh - lao động có nhiệm vụ đảm bảo các công tác an toàn - vệ sinh - lao động tại Công ty tuân thủ theo các quy định và chính sách an toàn lao động.
- Định kỳ ban an toàn - vệ sinh – lao động sẽ tổ chức các khóa tập huấn và tuyên truyền về an toàn tại nơi làm việc, diễn tập phòng cháy chữa cháy, sơ cấp cứu, khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, lập báo cáo công tác an toàn – lao động tại Công ty và gửi về Sở Lao Động Thương Binh Xã Hội TPHCM và Tây Ninh, nhằm báo cáo các hoạt động an toàn lao động và số trường hợp bị tại nạn lao động tại Công ty.
- **Mạng lưới an toàn vệ sinh viên:** 37 người (nam: 34 người, nữ: 3 người)
- Tỷ lệ phần trăm người lao động mà công việc hoặc nơi làm việc của họ do tổ chức kiểm soát, được đại diện trong các liên ủy ban an toàn và sức khỏe nghề nghiệp chính thức giữa ban lãnh đạo và người lao động: 100%.

Loại thương tích và tỷ lệ thương tích, bệnh nghề nghiệp, ngày công bị mất, tình trạng vắng mặt và số vụ tử vong liên quan đến công việc (GRI 403-2)

Tổng số CB-CNV được huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động

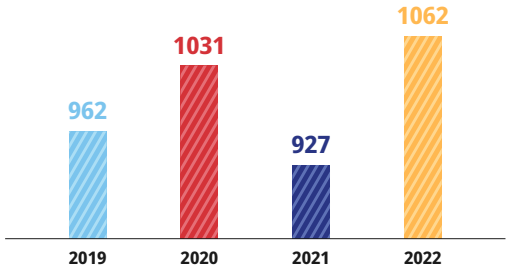

Tổng số CB-CNV được huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động

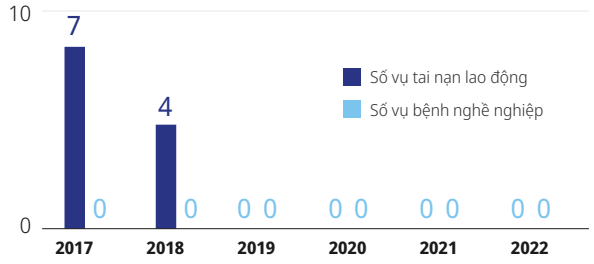

Thời gian làm việc trung bình

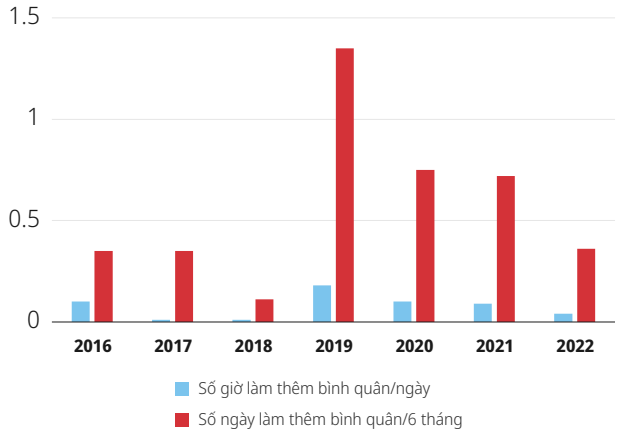

Máy móc thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về AT-VSLĐ

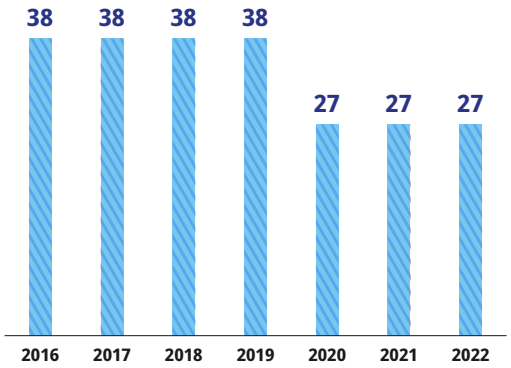

Số lượng máy móc thiết bị có yêu cầu nghiêm ngắt về AT-VSLĐ năm 2022 không thay đổi so với 2021. Công ty không bổ sung mới các máy móc thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về quản lý ATVSLĐ trong năm 2022, Trong đó:

Số vụ tại nạn lao động 2022		Loại thương tích, tỷ lệ thương tích	Tỷ lệ bệnh nghề nghiệp	Tỷ lệ ngày công bị mất	Tỷ lệ vắng mặt	Tử vong liên quan đến công việc
0 vụ	Nam	Không có	0%	0%	0%	0
	Nữ	Không có	0%	0%	0%	0

(Dựa theo báo cáo công tác an toàn-vệ sinh lao động của doanh nghiệp năm 2022 gửi Sở lao động-Thương binh và Xã hội TP,HCM và Tây Ninh-ngày 31-12-2022).

Đo kiểm tra môi trường lao động

- STK chủ động thực hiện các biện pháp đo kiểm để phòng tránh bệnh nghề nghiệp, đảm bảo sức khỏe cho người lao động.
- Năm 2022, Công ty phối hợp với Công ty cổ phần sức khỏe môi trường miền nam thực hiện đo kiểm môi trường lao động nhằm kiểm tra và xác định các yếu tố môi trường có thể tác động đến sức khỏe của người lao động cũng như đề xuất các biện pháp làm giảm tác động của các nguy cơ đó đến môi trường làm việc của người lao động.

Phương pháp đo kiểm môi trường: Thực hiện đo đạt các chỉ số vi khí hậu, ánh sáng, tiếng ồn, nồng độ bụi, hơi khí độc tại các vị trí kỹ thuật theo thường quy kỹ thuật của Viện Y học Lao Động và Vệ sinh môi trường – nhà xuất bản Y học năm 2002.

Tiêu chuẩn áp dụng:

- Tiêu chuẩn vệ sinh lao động Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5508:2009- vi khí hậu nơi làm việc
- Tiêu chuẩn QCVN 24:2016/BYT

Kết quả đo kiểm môi trường lao động Công ty 2022 ghi nhận:

*(Xem thêm **Kết quả đo kiểm môi trường lao động – nồng độ bụi - vi khí hậu - ánh sáng - tiếng ồn - hơi khí độc bụi** tại **Phụ lục 3**)*

Các chủ đề về sức khỏe và an toàn được đề cập trong thỏa thuận chính thức với công đoàn (GRI 403-4)

Trong thỏa ước lao động tập thể, Công ty có 11% các đề mục đề cập đến sức khỏe và an toàn lao động trên tổng số các đề mục được đề cập trong thỏa ước lao động tập thể.

An toàn và sức khỏe khách hàng (GRI 416)

Đánh giá tác động về sức khỏe và an toàn của các loại sản phẩm và dịch vụ (GRI 416-1)

STK cam kết mang lại những sản phẩm chất lượng cao được thể hiện qua quy trình hoạt động chặt chẽ từ khâu kiểm soát chất lượng nguyên vật liệu đầu vào, quản lý quá trình sản xuất, cho đến quá trình tái kiểm tra sản phẩm để đánh giá chất lượng sản phẩm nhằm đảm bảo đúng theo yêu cầu đơn đặt hàng.

CÔNG VIỆC KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM ĐƯỢC THỰC HIỆN Ở CÁC BỘ PHẬN SAU

Bộ phận thu mua

loại trừ các NVL dị thường trước khi sản xuất, đánh giá chất lượng NVL trong quá trình sản xuất để kiến nghị nhà cung cấp xử lý các khuyết điểm nhỏ nhằm mang lại sự ổn định cho NVL cũng như là chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó, bộ phận thu mua còn phải đảm bảo NVL được mua phải tuân thủ theo bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất (MSDS).

Đối với nhà máy, cơ điện, bảo trì

thực hiện kiểm soát chất lượng công việc và sản phẩm trong quá trình sản xuất để nhận dạng lỗi nhằm loại bỏ các sản phẩm không đạt chất lượng.

Bộ phận kiểm soát chất lượng

(QC- Quality Control) gồm hơn 200 nhân viên thực hiện kiểm tra chất lượng 100% cho bán thành phẩm POY và các sản phẩm cuối cùng như DTY và FDY. Ngoài ra bộ phận này còn chịu trách nhiệm kiểm soát các thông số kỹ thuật của máy móc.

THÔNG QUA VIỆC ĐẦU TƯ MÁY MÓC HIỆN ĐẠI VÀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ SẢN XUẤT (POC)

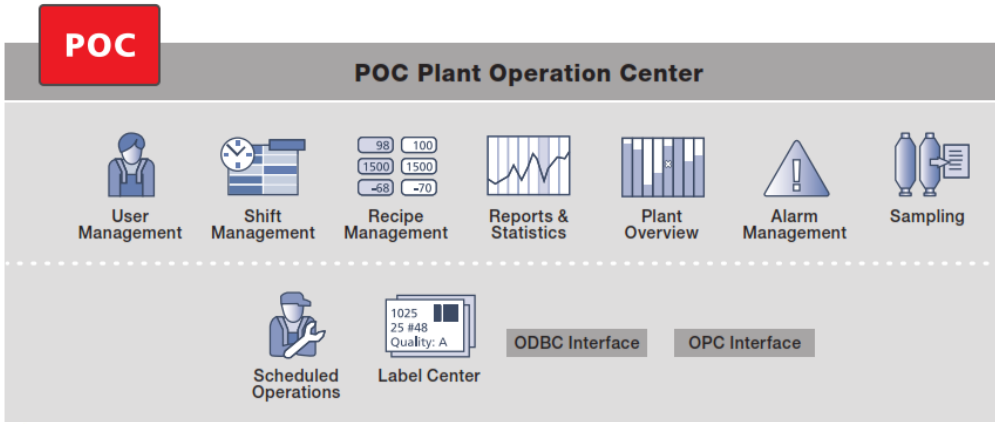

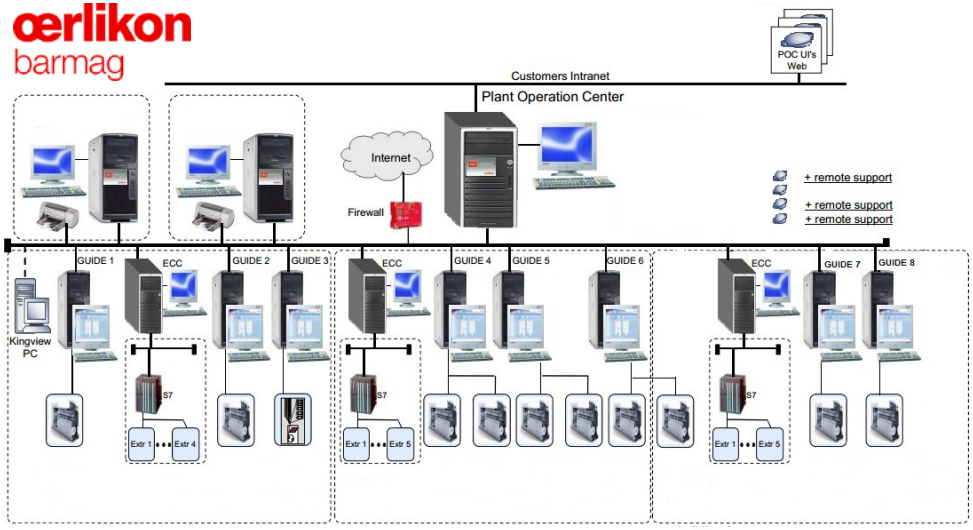

Các nhà máy của chúng tôi được trang bị máy móc từ Oerlikon Barmag, Đức. Chất lượng sản xuất về sức căng và hiện tượng đứt sợi được giám sát bởi Unitens và sản lượng thực tế được kiểm soát bởi Trung tâm Điều hành Nhà máy ("POC"). Hệ thống POC và Unitens là tiền đề để nâng cấp các nhà máy hiện tại của chúng tôi trở thành nhà máy thông minh, giúp bộ phận sản xuất đạt hiệu quả sản xuất cao thông qua việc loại bỏ sai sót ngay trong quá trình sản xuất.

Việc thu thập dữ liệu sản xuất theo thời gian từ Unitens và POC sẽ được tích hợp và dần chuyển sang chức năng AI tại nhà máy "Smart factory", hệ thống sẽ học hỏi kinh nghiệm sản xuất dựa trên đó có thể biết chính xác loại lỗi sản xuất nào và cách khắc phục mà không cần chuyên gia kỹ thuật trực tiếp, hơn thế nữa, Smart factory với chức năng AI có thể giúp Công ty đáng kể trong việc đảm bảo chất lượng sản phẩm bằng cách ghi nhớ dữ liệu sản xuất theo thời gian, có thể biết chính xác thông số cài đặt sản xuất nào là tốt nhất cho sản phẩm sản xuất nào, giúp Công ty giữ được chất lượng ổn định cao trong sản phẩm.

THÔNG QUA CÁC HỆ THỐNG ĐÁNH GIÁ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG KHÁC

Tỷ lệ phần trăm các loại sản phẩm hoặc dịch vụ quan trọng đã được đánh giá tác động về sức khỏe và an toàn để cải thiện: **100% các sản phẩm đều được đánh giá tác động về sức khỏe và an toàn.**

Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến tác động sức khỏe và an toàn của các sản phẩm và dịch vụ (GRI 416-2)

Trong năm 2022, các vụ việc không tuân thủ liên quan đến tác động sức khỏe và an toàn của các sản phẩm và dịch vụ:

1. Các vụ việc không tuân thủ quy định dẫn đến phạt tiền hoặc xử phạt: **không có**;
2. Các vụ việc không tuân thủ quy định dẫn đến bị cảnh cáo: **không có**;
3. Các vụ việc không tuân thủ bộ luật tự nguyện: **không có**;

Cộng đồng địa phương (GRI 413)

Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển (GRI 413-1)

1. Các đánh giá tác động xã hội, bao gồm đánh giá tác động về giới tính, dựa trên quy trình có sự tham gia của cộng đồng:

- Người lao động địa phương được tham gia đối thoại định kỳ hàng quý tại Công ty.

2. Các đánh giá tác động môi trường và theo dõi liên tục:

- Định kỳ Ban Quản Lý Khu Công Nghiệp tiến hành kiểm tra và đánh giá tác động môi trường của Công ty,
- Công ty chủ động thực hiện báo cáo quan trắc môi trường để đảm bảo các hoạt động sản xuất và kinh doanh của mình không gây tác động đến môi trường và cộng đồng địa phương.

3. Công bố thông tin công khai về các kết quả đánh giá tác động môi trường và xã hội:

- Các báo cáo và thông tin tác động về môi trường và xã hội đều được công bố minh bạch thông qua website Công ty ở mục phát triển bền vững.
- Các thông tin và đánh giá tác động về môi trường còn được trình bày trong báo cáo thường niên và báo cáo phát triển bền vững, được công bố đến các bên liên quan.

4. Các quy trình tiếp nhận và giải quyết khiếu nại chính thức cho cộng đồng địa phương:

- Tiếp nhận ý kiến của các bên liên quan trong đó có cộng đồng địa phương thông qua email và số điện thoại Công ty được công khai trên website Công ty.

5. Tuân thủ và ủng hộ chủ trương của nhà nước

- Công ty cam kết và nghiêm túc thực hiện các chính sách và quy định của pháp luật ban hành, luôn tôn trọng và tuân thủ chủ trương của nhà nước đề ra.
- Đồng thời, TGĐ là người đại diện cao nhất của Công ty cam kết luôn nghiêm túc chấp hành và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chính sách xã hội, pháp luật Việt Nam và các tiêu chuẩn khác trong doanh nghiệp, cụ thể:
  - *Cam kết thực hiện chính sách lao động tự nguyện, không đặt cọc, thế chân;*
  - *Cam kết thực hiện chính sách không sử dụng lao động trẻ em;*
  - *Cam kết thực hiện chính sách tự do thành lập hiệp hội và Thương lượng tập thể;*
  - *Cam kết thực hiện chính sách không phân biệt đối xử, quấy rối tình dục và lạm dụng;*
  - *Cam kết chính sách về sức khỏe và an toàn lao động;*
  - *Cam kết thực hiện chính sách về lương-thưởng theo đúng quy định của luật pháp;*
  - *Cam kết về chính sách về giờ làm việc và thời gian nghỉ ngơi;*

Chống tham nhũng - hối lộ

- Ban lãnh đạo Công ty chú trọng đề cao các hoạt động chống tham nhũng và đảm bảo công bằng trong môi trường làm việc.
- Trong toàn bộ hệ thống hoạt động của Công ty luôn đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như các nguyên tắc đạo đức cơ bản nhằm tạo ra sự liêm chính trong các hoạt động,
- Trong trường hợp bất kỳ nhân viên nào của Công ty bị phát hiện vòi vĩnh hoặc nhận hối lộ của khách hàng và nhà cung ứng đều sẽ bị xử lý kỷ luật một cách nghiêm khắc và sẽ không có bất kỳ sự khoan nhượng nào đối với bất kỳ hành vi hối lộ, mua chuộc hay những khoản lợi ích không chính đáng khác nếu nó đi ngược với các quy định pháp luật, và quy định của Công ty hay các quy tắc đạo đức tại những quốc gia mà chúng tôi hoạt động.

Những hoạt động có tác động tiêu cực tiềm ẩn và tác động tiêu cực thực tế đáng kể tới cộng đồng địa phương

- Công ty cam kết không có các tác động tiêu cực tiềm ẩn và tác động tiêu cực thực tế đáng kể tới cộng đồng địa phương và địa bàn nơi Công ty đang hoạt động.

Văn hóa và truyền thống tại STK

Đánh giá kết quả 2022

Công ty thiết kế chương trình tôn chỉ 2022 ngoài việc đánh giá kết quả thực hiện tuyên ngôn công việc của từng phòng ban mình, các đơn vị còn có cơ hồi thuyết trình chia sẻ thêm chủ đề về các đức tính tốt và xấu của người Việt Nam, từ đó vận dụng các thông tin hữu ích nhằm cải thiện môi trường làm việc thực tế của doanh nghiệp.

Tinh thần tương thân tương ái của doanh nghiệp

Mục tiêu 2022

- Hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn đang làm việc tại Công ty;
- Giúp đỡ và hỗ trợ các đồng nghiệp;

Kết quả 2022

- Tặng quà công đoàn cho nhân viên Công ty: hơn 300 phần quà;
- Gây quỹ ủng hỗ một số nhân viên có hoàn cảnh khó khăn gặp tại trong giao thông.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN LAO ĐỘNG-XÃ HỘI NĂM 2023

- Tỷ lệ biến động Nhân sự 25%;
- Đáp ứng nhu cầu nhân sự 95%;
- Tăng lương bình quân hơn 5% cho người lao động;
- Tỷ lệ tuyển dụng bất thành 20%;
- Quản lý Ngân sách lương 97%;

Các dự án xanh tại công ty

Để hướng tới thị trường vốn xanh phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của Công ty, STK đã mạnh mẽ đầu tư và thực hiện các dự án xanh nhằm mục đích xây dựng và phát triển Công ty theo hướng tăng trưởng xanh, góp phần nâng cao giá trị phát triển kinh tế và bảo vệ và giảm tác động tới môi trường, Cụ thể:

Dự án tái chế sợi phế

Công ty tiếp tục duy trì dây chuyền sản xuất 1.500 tấn hạt nhựa tái sinh/năm, góp phần gia tăng lợi nhuận và cải thiện đáng kể hiệu quả tiết kiệm trong sản xuất thông qua việc tái sinh sợi phế trong sản xuất thành nguyên vật liệu đầu vào, từ đó nâng cao lợi nhuận, giảm chi phí sản xuất của Công ty và giảm phát thải ra môi trường.

Dự án năng lượng mặt trời

Công ty đã hợp tác với một đối tác để triển khai lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái cho cả 2 nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng từ năm 2020. Sau khi hoàn thành việc lắp đặt, hệ thống điện mặt trời áp mái sẽ đáp ứng khoảng 10% nhu cầu điện của Công ty và góp phần tiết kiệm chi phí điện khoảng 10%, giảm carbon footprint khoảng 10,7% hàng năm và 530 ngàn tấn CO_2 trong suốt vòng đời dự án.

Dự án sợi tái chế

STK đã triển khai việc sản xuất sợi tái chế (Recycled Yarn) từ năm 2016. Trong năm 2021, tỷ trọng sợi tái chế trên doanh thu đạt 52%, vượt 2% so với 2021 (50%). Thông qua việc sản xuất sợi tái chế Công ty đã tái sử dụng 4,1 tỷ chai nhựa, góp phần bảo vệ đại dương khỏi rác thải chai nhựa vốn đang là một trong những vấn đề môi trường đang được báo động khẩn cấp trên toàn cầu

Dự án sợi màu

Công ty tiếp tục phát triển thêm sợi dope dye với màu xám, đen và blue navy, phát triển mẫu chào cho khách hàng thị trường nội địa và xuất khẩu. Sản phẩm sợi màu (dope dyed) sẽ đáp ứng được nhu cầu sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường của thị trường. Đây cũng là một xu hướng mà ngành thời trang trên thế giới (đặc biệt là các thương hiệu hàng đầu như Nike, Adidas, Puma, H&M, Inditex) đang hướng tới nhằm hạn chế phát thải hóa chất độc hại ra môi trường.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BKS	Ban kiểm soát
BTNMT	Bộ tài nguyên môi trường
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CC	Củ chi
TB	Trảng bàng
CTCP	Công ty cổ phần
AT-VS-LĐ	An toàn, vệ sinh, lao động
DTY	Sợi xơ dài
FDY	Sợi kéo duỗi hoàn toàn,
FTA	Hiệp định thương mại tự do
GTGT	Giá trị gia tăng
HĐQT	Hội đồng quản trị
INVERTER	Máy biến áp
KCN	Khu công nghiệp
LEAN	Sản xuất tinh gọn
POY	Sợi nguyên liệu
QCVN	Quy chuẩn việt nam
QĐ-BYT	Quy định bộ y tế
QLCL	Quản lý chất lượng
NVTD	Nhân viên tuyển dụng
NVVP	Nhân viên văn phòng
QL	Quản lý

SPINNING	Máy kéo sợi
SSR	Điện trở
STK, CENTURY	Công ty cổ phần sợi thế kỷ
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TB	Trảng bàng
TCVN	Tiêu chuẩn việt nam
TCVS	Tiêu chuẩn vệ sinh
TCVSLĐ	Tiêu chuẩn vệ sinh lao động
TGĐ	Tổng giám đốc
BOD	Thành viên hội đồng quản trị
BOS	Thành viên ban kiểm soát
TNCN	Thu nhập cá nhân
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
DOPE DYE	Sợi màu
CARBON FOOTPRINT	Phát thải khí CO_2
WINDER	Máy cuốn sợi
SGDCK	Sở giao dịch chứng khoán
HOSE	Sở giao dịch chứng khoán tp, hcm
QC	Quản lý chất lượng
SOP	Quy trình hoạt động chuẩn
PDCA	Chu trình cải tiến
ESOP	Liên tục cổ phiếu ưu đãi

Bảng tham chiếu các nội dung báo cáo với tiêu chuẩn GRI (GRI 102-55)

Tiêu chuẩn	Thông tin công bố	Trang
GRI		
GRI 100: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN CHUNG		
HỒ SƠ TỔ CHỨC		
102-1	Tên Tổ chức	
102-2	Các hoạt động, thương hiệu, sản phẩm và dịch vụ	
102-3	Địa điểm của trụ sở chính	
102-4	Các địa điểm hoạt động	
102-5	Quyền sở hữu và hình thức pháp lý	
102-6	Các thị trường phục vụ	
102-7	Quy mô của tổ chức	
102-8	Thông tin về nhân viên và người lao động khác	
102-9	Chuỗi cung ứng	
102-10	Những thay đổi đáng kể đối với tổ chức và chỗi cung ứng của tổ chức	
102-11	Phương pháp hoặc nguyên tắc phòng ngừa	
102-12	Các sáng kiến bên ngoài	
102-13	Quyền hội viên trong các hiệp hội	
CHIẾN LƯỢC		
102-14	Tuyên bố của người ra quyết định cấp cao	
102-15	Các tác động, rủi ro và cơ hội chính	
ĐẠO ĐỨC VÀ TÍNH CHÍNH TRỰC		
102-16	Các giá trị, nguyên tắc, tiêu chuẩn và chuẩn mực của hành vi	
102-17	Cơ chế tư vấn và báo cáo các mối quan ngại về đạo đức	

Tiêu chuẩn	Thông tin công bố	Trang
QUẢN TRỊ		
102-18	Cơ cấu quản trị	
102-19	Phân cấp thẩm quyền	
102-20	Trách nhiệm của cấp điều hành đối với các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội	
102-21	Tham vấn các bên liên quan về các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội	
102-22	Thành phần của cấp quản lý cao nhất và các ủy ban	
102-23	Chủ tịch của cấp quản lý cao nhất	
102-24	Bổ nhiệm và lựa chọn cấp quản lý cao nhất	
102-25	Xung đột lợi ích	
102-26	Vai trò của cấp quản lý cao nhất trong việc thiết lập các mục đích, giá trị và chiến lược	
102-27	Kiến thức tổng hợp của cấp quản lý cao nhất	
102-28	Đánh giá hiệu quả hoạt động của cấp quản lý cao nhất	
102-29	Nhận diện và quản lý các tác động kinh tế, môi trường và xã hội	
102-30	Hiệu quả của quy trình quản lý rủi ro	
102-31	Rà soát các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội	
102-32	Vai trò của cấp quản lý cao nhất trong lập báo cáo phát triển bền vững	
102-33	Truyền đạt các mối quan ngại cấp bách	
102-34	Bản chất và tổng số các mối quan ngại cấp bách	
102-35	Chính sách về thù lao	
102-36	Quy trình xác định mức thù lao	
102-37	Sự tham gia của bên liên quan vào việc xác định thù lao	
102-38	Tỷ lệ tổng thù lao hàng năm	
102-39	Tỷ lệ của phần trăm gia tăng trong tổng thù lao hàng năm	

Tiêu chuẩn	Thông tin công bố	Trang
SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN		
102-40	Danh sách các nhóm liên quan	
102-41	Các thỏa ước thương lượng tập thể	
102-42	Nhận diện và lựa chon các bên liên quan	
102-43	Phương pháp tiếp cận đối với gắn kết các bên liên quan	
102-44	Các mối quan ngại và chủ đề chính	
THÔNG LỆ BÁO CÁO		
102-45	Các đơn vị được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất	
102-46	Xác định nội dung báo cáo và phạm vi chủ đề	
102-47	Danh mục các chủ đề trọng yếu	
102-48	Trình bày lại thông tin	
102-49	Các thay đổi trong báo cáo	
102-50	Kỳ báo cáo	
102-51	Ngày của báo cáo gần nhất	
102-52	Chu kỳ báo cáo	
102-53	Đầu mối liên hệ giải đáp thăc mắc về báo cáo	
102-54	Tuyên bố lập báo cáo tuân theo Tiêu chuẩn GRI	
102-55	Mục lục GRI	
102-56	Bảo đảm độc lập của bên thứ ba	
GRI 103: PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ		
103-1	Giải thích về chủ đề trọng yếu và phạm vi chủ đề	
GRI 200: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN KINH TẾ		
GRI 201: HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ		
201-1	Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ	
201-2	Ảnh hưởng đến kết quả hoạt động tài chính, các rủi ro và cơ hội khác do biến đổi khí hậu	
201-3	Các nghĩa vụ theo chế độ phúc lợi đã quy định và các chế độ hưu trí khác	

Tiêu chuẩn	Thông tin công bố	Trang
GRI 202: SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG		
202-1	Tỷ lệ của mức lương khởi điểm theo giới tính so với mức lương tối thiểu của vùng	
GRI 203: TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP		
203-1	Đầu tư cơ sở hạ tầng và các dịch vụ được hỗ trợ	
203-2	Tác động kinh tế gián tiếp đáng kể	
GRI 204: THÔNG LỆ MUA SẮM		
204-1	Tỷ lệ chi tiêu cho các nhà cung cấp địa phương	
GRI 205: CHỐNG THAM NHŨNG		
205-1	Các hoạt động đã được đánh giá rủi ro liên quan đến tham nhũng	
205-2	Truyền thông và đào tạo về các chính sách và quy trình chống tham nhũng	
205-3	Các vụ việc tham nhũng đã xác nhận và hành động đã thực hiện	
GRI 206: HÀNH VI CHỐNG CẠNH TRANH		
206-1	Hành động pháp lý đối với hành vi chống cạnh tranh, thực hành độc quyền và chống độc quyền	
GRI 300: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG		
GRI 301: VẬT LIỆU		
301-1	Vật liệu đã được sử dụng theo trọng lượng hoặc khối lượng	
301-2	Vật liệu tái chế được sử dụng	
301-3	Sản phẩm được tái chế và vật liệu đóng gói sản phẩm	
GRI 302: NĂNG LƯỢNG		
302-1	Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức	
302-3	Cường độ sử dụng năng lượng	
302-4	Giảm tiêu hao năng lượng	
302-5	Giảm nhu cầu năng lượng	
GRI 303: NƯỚC		
303-1	Lượng nước đầu vào theo nguồn	
303-2	Những nguồn nước chịu ảnh hưởng đáng kể bởi lượng nước đầu vào	
303-3	Tuần hoàn và tái sử dụng nước	

Tiêu chuẩn	Thông tin công bố	Trang
GRI 304: ĐA DẠNG SINH HỌC		
304-1	Các cơ sở hoạt động được sở hữu, cho thuê, quản lý trong, hoặc gần kề các khu vực được bảo tồn và các khu vực đa dạng sinh học cao bên ngoài các khu được bảo tồn	
304-2	Tác động đáng kể của các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ đối với đa dạng sinh học	
304-3	Các môi trường sống được bảo tồn hoặc phục hồi	
304-4	Các loài trong Sách Đỏ của IUCN và các loài trong danh sách bảo tồn quốc gia có môi trường sống trong các khu vực chịu ảnh hưởng bởi các hoạt động	
GRI 305: PHÁT THẢI		
305-1	Phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp (Phạm vi 1)	
305-2	Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2)	
305-3	Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp khác (Phạm vi 3)	
305-4	Thâm dụng phát thải khí nhà kính (GHG)	
305-5	Giảm phát thải khí nhà kính (GHG)	
305-6	Phát thải các chất phá hủy tầng ô-zôn (ODS)	*Không áp dụng*
305-7	Nitrogen oxides (NOx) sulfur oxides (SOx), và các phát thải khí đáng kể khác	
GRI 306: NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI		
306-1	Tổng lượng nước thải theo chất lượng và địa điểm	
306-2	Tổng lượng chất thải theo loại và phương pháp xử lý	
306-3	Sự cố tràn đáng kể	*Không có trường hợp ghi nhận*
306-4	Vận chuyển chất thải nguy hại	
306-5	Các khu vực chứa nước bị ảnh hưởng bởi việc thải nước và/hoặc dòng nước thải	*Không có trường hợp ghi nhận*
GRI 307: TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG		
307-1	Không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường	
GRI 308: ĐÁNH GIÁ NHÀ CUNG CẤP VỀ MÔI TRƯỜNG		
308-1	Các nhà cung cấp mới đã được đánh giá sơ bộ bằng cách sử dụng các tiêu chí về môi trường	
308-2	Các tác động môi trường tiêu cực trong chuỗi cung ứng và các hành động đã thực hiện	*Không có trường hợp ghi nhận*

Tiêu chuẩn	Thông tin công bố	Trang
GRI 400: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN XÃ HỘI		
GRI 401: VIỆC LÀM		
401-1	Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc	
401-2	Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian	
GRI 402: MỐI QUAN HỆ LAO ĐỘNG/QUẢN LÝ		
402-1	Thời hạn thông báo tối thiểu về những thay đổi trong hoạt động	*Công ty cam kết thời gian thông báo theo quy định của luật lao động*
GRI 403: AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP		
403-1	Đại diện của người lao động trong các liên ủy ban an toàn và sức khỏe nghề nghiệp chính thức giữa ban lãnh đạo và người lao động	
403-2	Loại thương tích và tỷ lệ thương tích, bệnh nghề nghiệp, ngày công bị mất, tình trạng vắng mặt và số vụ tử vong liên quan đến công việc	
403-3	Người lao động có tỷ lệ cao hoặc có nguy cơ cao mắc các bệnh liên quan đến nghề nghiệp	*Không có*
403-4	Các chủ đề về sức khỏe và an toàn được đề cập trong thỏa thuận chính thức với công đoàn	
GRI 404: GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		
404-1	Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho nhân viên	
404-2	Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp	
404-3	Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp	
GRI 405: SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG		
405-1	Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên	
405-2	Tỷ lệ lương cơ bản và thù lao của phụ nữ so với nam giới	
GRI 406: KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ		
406-1	Các vụ việc phân biệt đối xử và các hành động khắc phục đã thực hiện	*Không có trường hợp ghi nhận*
GRI 407: TỰ DO LẬP HỘI/QUYỀN THAM GIA CÔNG ĐOÀN VÀ THƯƠNG LƯỢNG TẬP THỂ		
407-1	Các hoạt động và các nhà cung cấp mà ở đó quyền tự do lập hội/quyền tham gia công đoàn và thương lượng tập thể có thể gặp rủi ro	*Không có trường hợp ghi nhận*
GRI 408: LAO ĐỘNG TRẺ EM		
408-1	Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động trẻ em	*Công ty cam kết không sử dụng lao động <18 tuổi, 101*

Tiêu chuẩn	Thông tin công bố	Trang
GRI 409: LAO ĐỘNG CƯỠNG BỨC HOẶC BẮT BUỘC		
409-1	Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc	*Không có trường hợp ghi nhận*
GRI 411: QUYỀN CỦA NGƯỜI BẢN ĐỊA		
411-1	Các vụ vi phạm liên quan đến quyền của người bản địa	*Không có trường hợp ghi nhận*
GRI 412: ĐÁNH GIÁ QUYỀN CON NGƯỜI		
412-1	Những hoạt động cần phải rà soát về quyền con người hoặc đánh giá tác động	
412-2	Đào tạo nhân viên về các quy trình hoặc chính sách về quyền con người	
412-3	Những hợp đồng và thỏa thuận đầu tư quan trọng có bao gồm các điều khoản về quyền của con người	
GRI 413: CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG		
413-1	Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển	
413-2	Những hoạt động có thể tác động tiêu cực hoặc đã gây tác động tiêu cực đáng kể với cộng đồng và địa phương	*Không có trường hợp ghi nhận*
GRI 414: ĐÁNH GIÁ NHÀ CUNG CẤP VỀ MẶT XÃ HỘI		
414-1	Các nhà cung cấp mới đã được đánh giá sơ bộ bằng cách sử dụng các tiêu chí về xã hội	
414-2	Các tác động xã hội tiêu cực trong chuỗi cung cứng và các hành động đã thực hiện	*Không có trường hợp ghi nhận*
GRI 416: SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA KHÁCH HÀNG		
416-1	Đánh giá tác động về sức khỏe và an toàn của các loại sản phẩm hoặc dịch vụ	
416-2	Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến tác động	*Không có trường hợp ghi nhận-86*
GRI 417: TIẾP THỊ VÀ NHÃN HIỆU		
417-1	Các yêu cầu đối với thông tin nhãn hiệu, sản phẩm và dịch vụ	
417-2	Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến thông tin và nhãn hiệu của sản phẩm và dịch vụ	*Không có trường hợp ghi nhận*
417-3	Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến truyền thông tiếp thị	
GRI 418: QUYỀN BẢO MẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG		
418-1	Khiếu nại có căn cứ về việc vi phạm Quyền bảo mật thông tin khách hàng và mất dữ liệu khách hàng	*Không có trường hợp ghi nhận*
GRI 419: TUÂN THỦ VỀ KINH TẾ- XÃ HỘI		
419-1	Không tuân thủ luật pháp và các quy định trong lĩnh vực kinh tế và xã hội	*Không có trường hợp ghi nhận*

Phụ lục 1: Kết quả quan trắc không khí tại Công ty

Các thông số và kết quả quan trắc chất lượng không khí:

KHU VỰC CỔNG CÔNG TY					
STT	Thông số	QCVN 05:2009/BTNMT	QCVN 26:2010/BTNMT	Đơn vị	2022
A	CỦ CHI				
1	**Nhiệt độ**	-		°C	31,7
2	**Độ ồn**	-	70(")	dBA	67,4
3	**Bụi**	0,3		mg/m^3	0,22
4	**NO_2**	0,2		mg/m^3	0,083
5	**SO_2**	0,35		mg/m^3	0,088
6	**CO**	30		mg/m^3	<6
B	TRẢNG BÀNG 1,2				
1	**Nhiệt độ**	-		°C	31,5
2	**Độ ồn**	-	70(")	dBA	68,6
3	**Bụi**	0,3		mg/m^3	0,19
4	**NO_2**	0,2		mg/m^3	0,085
5	**SO_2**	0,35		mg/m^3	0,079
6	**CO**	30		mg/m^3	<6

KHU VỰC CỔNG CÔNG TY					
STT	Thông số	QCVN 05:2009/BTNMT	QCVN 26:2010/BTNMT	Đơn vị	2022
B	TRẢNG BÀNG 3				
1	**Nhiệt độ**	-		°C	31,2
2	**Độ ồn**	-	70(")	dBA	66,3
3	**Bụi**	0,3		mg/m^3	0,28
4	**NO_2**	0,2		mg/m^3	0,074
5	**SO_2**	0,35		mg/m^3	0,079
6	**CO**	30		mg/m^3	<6

→ **Kết quả tham số quan trắc không khí tại khu vực cổng Công ty đều đạt tiêu chuẩn QCVN 05:2009/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.**

KHU VỰC XƯỞNG SẢN XUẤT					
STT	Thông số	TCVS 3733/2002/ QĐ-BYT	Đơn vị	2022	
				Xưởng POY	Xưởng DTY
	CỦ CHI				
1	**Nhiệt độ**	≤32	°C	31,2	30,1
				31,5	30,5
2	**Độ ồn**	≤85	dBA	85,4	86,8
				84,9	86,6
3	**Bụi**	8	mg/m³	0,270	0,306
				0,255	0,311
4	**NO_2**	10	mg/m³	0,117	0,063
				0,105	0,071
5	**SO_2**	10	mg/m³	0,106	0,056
				0,115	0,111
6	**CO**	40	mg/m³	<6	<6
				<6	<6
7	**VOC**	-	mg/m³	Không phát hiện	Không phát hiện
				Không phát hiện	Không phát hiện

KHU VỰC XƯỞNG SẢN XUẤT					
STT	Thông số	TCVS 3733/2002/ QĐ-BYT	Đơn vị	2022	
				Xưởng POY	Xưởng DTY
	TRẢNG BÀNG 1,2				
1	**Nhiệt độ**	≤32	°C	30,7	31,6
2	**Độ ồn**	≤85	dBA	83,7	84,4
3	**Bụi**	8	mg/m³	0,29	0,33
4	**NO_2**	10	mg/m³	0,093	0,088
5	**SO_2**	10	mg/m³	0,114	0,095
6	**CO**	40	mg/m³	<6	<6
7	**VOC**	-	mg/m³	Không phát hiện	Không phát hiện
	TRẢNG BÀNG 3				
1	**Nhiệt độ**	≤32	°C	31,5	30,6
2	**Độ ồn**	≤85	dBA	80,1	84,5
3	**Bụi**	8	mg/m³	0,25	0,21
4	**NO_2**	10	mg/m³	0,118	0,068
5	**SO_2**	10	mg/m³	0,110	0,092
6	**CO**	40	mg/m³	<6	<6
7	**VOC**	-	mg/m³	Không phát hiện	Không phát hiện

→ **Kết quả tham số quan trắc không khí tại khu vực sản xuất đều đạt tiêu chuẩn TCVS 3733/2002/ QĐ-BYT.**

Phụ lục 2: Kết quả quan trắc chất lượng nước thải Công ty 2022

STT	Tên chỉ tiêu	Giá trị C Cột B - QCVN 40:2011/BTNMT	Đơn vị	Nước thải hệ thống sau xử lý
	CỦ CHI			
1	**pH**	5-9	-	6,73
2	**BOD5**	50	mg/l	44
3	**COD**	150	mg/l	112
4	**TSS**	100	mg/l	66
5	**Đồng (Cu)**	2		Không phát hiện
6	**Tổng N**	40	mg/l	18,6
7	**Tổng P**	6	mg/l	2,68
8	**Tổng Coliform/100ml**	5000	MPN	4700
	TRẢNG BÀNG 1,2			
1	**pH**	5-9	-	6,68
2	**BOD5**	50	mg/l	46
3	**COD**	150	mg/l	115
4	**TSS**	100	mg/l	78
5	**Đồng (Cu)**			Không phát hiện
6	**Tổng N**	40	mg/l	29,3
7	**Tổng P**	6	mg/l	2,8
8	**Tổng Coliform/100ml**	5000	MPN	4000

STT	Tên chỉ tiêu	Giá trị C Cột B - QCVN 40:2011/BTNMT	Đơn vị	Nước thải hệ thống sau xử lý
	TRẢNG BÀNG 3			
1	**pH**	5-9	-	6,8
2	**BOD5**	50	mg/l	47
3	**COD**	150	mg/l	117
4	**TSS**	100	mg/l	74
5	**Đồng (Cu)**			Không phát hiện
6	**Tổng N**	40	mg/l	23,5
7	**Tổng P**	6	mg/l	2,05
8	**Tổng Coliform/100ml**	5000	MPN	4100

→ **Kết quả tham số đo phân tích nước thải sau hệ thống xử lý, trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN là hoàn toàn đạt tiêu chuẩn.**

Phụ lục 3: Kết quả đo kiểm môi trường lao động Công ty 2022 – Nồng độ bụi - vi khí hậu - ánh sáng - tiếng ồn - hơi khí độc.

Nồng độ bụi trong không khí

STT	Vị trí đo	Bụi toàn phần (mg/m³)							
		Củ Chi		Trảng Bàng 1,2		Trảng Bàng 3		Trảng Bàng 5	
		Số mẫu đạt TCVSLĐ	Số mẫu không đạt TCVSLĐ	Số mẫu đạt TCVSLĐ	Số mẫu không đạt TCVSLĐ	Số mẫu đạt TCVSLĐ	Số mẫu không đạt TCVSLĐ	Số mẫu đạt TCVSLĐ	Số mẫu không đạt TCVSLĐ
	Nhà máy DTY KV 1								
1	KV đầu xưởng	0,994		0,987		0,915			
3	KV cuối xưởng	0,951		1,025		1,178			
4	Nhà máy DTY KV 2								
5	KV đầu xưởng	1,106		1,072		1,119		1,110	
6	KV giữa xưởng	1,097		1,103		1,014		1,148	
7	KV cuối xưởng	0,981		1,048		1,087		1,156	
8	KV giữa xưởng Winder	1,213		1,015		1,045			
9	KV giữa xưởng Spinning	1,084		1,032		1,030			
10	KV kiểm phẩm							1,210	
11	KV đóng gói							0,823	
12	KV thành phẩm								
13	KV tái chế							0,905	
	TỔNG CỘNG	**07**		**07**		**07**		**06**	
TIÊU CHUẨN VỆ SINH LAO ĐỘNG (Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT) Giá trị nồng độ tối đa cho phép bụi không chứa silic		4,0							

Vi khí hậu

STT	Vị trí đo	THỜI GIAN (h)	NHIỆT ĐỘ (°C)		ĐỘ ẨM (Hr %)		TỐC ĐỘ GIÓ (m/s)	
			Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS
	Mùa thời điểm đo: 10h30							
	CỦ CHI							
	Ngoài trời		30,5	50,2	0,3-0,5			
	Nhà máy DTY KV 1							
1	KV đầu xưởng		30,3		52,1		0,2-0,3	
2	KV giữa xưởng		30,4		53,2		0,2-0,3	
	Nhà máy DTY KV 2							
3	KV đầu xưởng		30,4		52,3		0,2-0,3	
4	KV giữa xưởng		30,5		51,4		0,2-0,3	
5	KV cuối xưởng		30,5		54,1		0,2-0,3	
	Xưởng Winder							
6	KV đầu xưởng		30,8		56,1		0,2-0,3	
7	KV cuối xưởng		30,7		52,4		0,2-0,3	
	Xưởng Spinning							
8	KV đầu xưởng		30,5		51,2		0,2-0,3	
9	KV cuối xưởng		30,5		52,1		0,2-0,3	
	TỔNG CỘNG		**09**		**09**		**09**	

STT	Vị trí đo	THỜI GIAN (h)	NHIỆT ĐỘ (°C)		ĐỘ ẨM (Hr %)		TỐC ĐỘ GIÓ (m/s)	
			Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS
	TRẢNG BÀNG 1,2							
	Ngoài trời 08h15		27.5	60,1	0,3-0,5			
	Nhà máy DTY KV 1							
1	KV đầu xưởng							
2	KV cuối xưởng							
3	**Nhà máy DTY KV 2**							
4	KV đầu xưởng		28,0		54,1		0,2-0,3	
5	KV giữa xưởng		28,0		55,1		0,2-0,3	
6	KV cuối xưởng		28,0		56,1		0,2-0,3	
	Xưởng Winder							
7	KV đầu xưởng		29,6		50,1		0,2-0,3	
8	KV cuối xưởng		29,8		55,1		0,2-0,3	
	Xưởng Spinning							
9	KV đầu xưởng		31,6		50,6		0,2-0,3	
10	KV cuối xưởng		31,7		44,8		0,2-0,3	
	TỔNG CỘNG		**07**		**07**		**07**	

STT	Vị trí đo	THỜI GIAN (h)	NHIỆT ĐỘ (°C)		ĐỘ ẨM (Hr %)		TỐC ĐỘ GIÓ (m/s)	
			Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS
	TRẢNG BÀNG 3							
	Ngoài trời							
	Nhà máy DTY KV 1							
1	KV đầu xưởng							
2	KV giữa xưởng							
	Nhà máy DTY KV 2							
3	KV đầu xưởng		28,0		51,1		0,2-0,3	
4	KV giữa xưởng		28,2		54,1		0,2-0,3	
5	KV cuối xưởng		28,5		52,8		0,2-0,3	
	Xưởng Winder							
6	KV đầu xưởng		26,5		52,0		0,2-0,3	
7	KV cuối xưởng		27,0		52,0		0,2-0,3	
	Xưởng Spinning							
8	KV đầu xưởng		27,6		54,4		0,2-0,3	
09	KV cuối xưởng		27,6		54,2		0,2-0,3	
	TỔNG CỘNG		**07**		**07**		**07**	
	TRẢNG BÀNG 5							
	Ngoài trời							
1	Xưởng DTY		27,4		67,1		0,2-0,3	
2	KV kiểm phẩm		28,2		62,9		0,2-0,3	
3	KV đóng gói		28,6		59,8		0,2-0,3	
4	KV thành phẩm		28,9		57,1		0,2-0,3	
5	KV tái chế		28,4		58,2		0,2-0,3	
	TỔNG CỘNG		**05**		**05**		**05**	
TCVN 3733:2002 Yêu cầu về nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ chuyển động của không khí ở vị trí làm việc			≤32		≤80		0,2-2,0	

Ánh sáng

STT	Vị trí đo	ÁNH SÁNG (Lux)		Giới hạn cho phép >=300
		Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	
	CỦ CHI			
	Nhà máy DTY KV 1			
1	KV đầu xưởng	309		
2	KV giữa xưởng	314		
3	KV cuối xưởng	371		
4	**Nhà máy DTY KV 2**			
5	KV đầu xưởng	312		
6	KV cuối xưởng	324		
7	**Xưởng Winder**			
8	KV đầu xưởng	342		
09	KV cuối xưởng	321		
10	**Xưởng Spinning**			
11	KV đầu xưởng	320		
12	KV cuối xưởng	330		
	TỔNG CỘNG	**09**		

STT	Vị trí đo	ÁNH SÁNG (Lux)		Giới hạn cho phép >=300
		Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	
	TRẢNG BÀNG 1,2			
	Nhà máy DTY KV 1			
1	KV đầu xưởng			
2	KV cuối xưởng			
3	**Nhà máy DTY KV 2**			
4	KV đầu xưởng	346		
5	KV giữa xưởng	325		
6	KV cuối xưởng	370		
7	**Xưởng Winder**			
8	KV đầu xưởng	329		
9	KV cuối xưởng	336		
10	**Xưởng Spinning**			
11	KV đầu xưởng	370		
12	KV cuối xưởng	361		
	TỔNG CỘNG	**07**		

STT	Vị trí đo	ÁNH SÁNG (Lux)		Giới hạn cho phép >=300
		Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	
	TRẢNG BÀNG 3			
	Nhà máy DTY			
1	KV đầu xưởng	367		
2	KV giữa xưởng	419		
3	KV cuối xưởng	451		
4	**Nhà máy DTY KV 2**			
5	KV đầu xưởng			
6	KV giữa xưởng			
7	KV cuối xưởng			
8	**Xưởng Winder**			
9	KV đầu xưởng	320		
10	KV cuối xưởng	335		
11	**Xưởng Spinning**			
12	KV đầu xưởng	364		
13	KV cuối xưởng	340		
14	**TỔNG CỘNG**	**07**		

STT	Vị trí đo	ÁNH SÁNG (Lux)		Giới hạn cho phép >=300
		Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	
15	**TRẢNG BÀNG 5**			
16	Xưởng DTY	310		
17	KV kiểm phẩm	1095		
18	KV đóng gói	340		
19	Kho thành phẩm	120		
20	KV tái chế	357		
	TỔNG CỘNG	**05**		
TIÊU CHUẨN VỆ SINH LAO ĐỘNG Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT *Tiếng ồn - Vùng có công nhân làm việc trong các phân xưởng và trong nhà máy * Ánh sáng - Công nghiệp dệt + Xe sợi, cuộn, đánh ống, nhuộm		300		

Hơi khí độc

STT	Vị trí lấy mẫu	Cacbon đioxit (mg/m³) <=7031	Etylen (mg/m³) <=898,44
	CỦ CHI		
1	Nhà máy DTY	720	
2	KV giữa xưởng Winder	792	
3	KV giữa xưởng Spinning	756	
4	KV phòng lap	792	Không phát hiện
5	KV phòng nhuộm thử nghiệm	720	Không phát hiện
	TỔNG CỘNG	**05**	**02**
	TRẢNG BÀNG 1,2		
1	Nhà máy DTY	756	
2	KV giữa xưởng Winder	792	
3	KV giữa xưởng Spinning	864	
4	KV phòng lap	1116	10,99
5	KV phòng nhuộm thử nghiệm	864	5,84
	TỔNG CỘNG	**05**	**02**
	TRẢNG BÀNG 3		
1	Nhà máy DTY	756	
2	KV giữa xưởng Winder	756	
3	KV giữa xưởng Spinning	828	
4	KV phòng nhuộm thử nghiệm 1	864	8,25
5	KV phòng nhuộm thử nghiệm 2	792	6,41
	TỔNG CỘNG	**05**	**02**

STT	Vị trí lấy mẫu	Cacbon đioxit (mg/m³) <=7031	Etylen (mg/m³) <=898,44
	TRẢNG BÀNG 5		
1	KV DTY	864	
2	KV kiểm phẩm	828	
3	KV đóng gói	828	
4	KV thành phẩm	7954	
5	KV tái chế	756	
	TỔNG CỘNG	**05**	**0**
TIÊU CHUẨN VỆ SINH LAO ĐỘNG		900	1150
(Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT)		1800	-
Giá trị giới hạn các hóa chất trong không khí vùng làm việc:			
- Trung bình 8 giờ (TWA)			
- Từng lần tối đa (STEL)			

Tiếng ồn

STT	Vị trí đo	Mức âm chung (dBA)	Mức âm ở các giải tần (Hz)							
			63	125	250	500	1K	2K	4K	8K
	CỦ CHI									
	Nhà máy DTY									
1	Máy 15	51	18	28	39	45	47	44	38	33
2	Máy 12	52	19	30	39	46	48	47	40	34
3	Máy 10	51	18	29	39	45	47	46	39	33
4	Máy 04	50,8	17	29	39	44	46	45	38	32
5	Máy 06	50,1	17	28	38	44	46	45	37	32
6	**KV giữa xưởng Winder**	**49,2**	**14**	**27**	**36**	**41**	**45**	**42**	**38**	**29**
7	**KV giữa xưởng Spinning**	**50,2**	**17**	**30**	**39**	**44**	**46**	**45**	**38**	**32**
	TRẢNG BÀNG 1,2									
	Nhà máy DTY									
1	Máy 26	86,1	51	62	75	80	81	79	74	68
2	Máy 27	92,0	56	68	78	83	85	82	79	74
3	Máy 28	92,6	56	68	79	84	85	82	78	73
4	**Xưởng Winder**	**84,4**	**50**	**61**	**74**	**78**	**80**	**78**	**73**	**68**
5	**Xưởng Spinning**	**78,1**	**44**	**56**	**65**	**70**	**73**	**70**	**67**	**61**

STT	Vị trí đo	Mức âm chung (dBA)	Mức âm ở các giải tần (Hz)							
			63	125	250	500	1K	2K	4K	8K
	TRẢNG BÀNG 3									
	Nhà máy DTY									
1	KV máy 39	88,0	54	64	75	81	83	80	76	69
2	KV máy 43	88,6	52	64	75	81	83	80	77	69
3	KV máy 47	86,8	51	62	75	79	82	79	75	68
4	**KV giữa xưởng Winder**	**86,7**	**50**	**62**	**75**	**78**	**81**	**79**	**75**	**68**
5	**KV giữa xưởng Spinning**	**71,0**	**38**	**48**	**58**	**63**	**66**	**62**	**58**	**52**
	TRẢNG BÀNG 5									
1	**Xưởng DTY**									
2	Máy 54	76,9	44	55	67	71	73	70	67	60
3	Máy 53	77,3	44	56	66	70	72	68	63	57
4	Máy 55	76,1	43	53	65	68	71	68	64	58
5	**KV tái chế**	**75,8**	**44**	**54**	**65**	**69**	**71**	**68**	**64**	**58**
Tiêu chuẩn vệ sinh lao động QĐ 3733/2002/QĐ-BYT * Tiếng ồn - Vùng có công nhân làm việc trong các phân xưởng và trong nhà máy										

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

STT	Yếu tố đo, kiểm tra	CỦ CHI			TRẢNG BÀNG		
		Tổng số mẫu	Số mẫu đạt TCVSLĐ	Số mẫu vượt TCVSLĐ	Tổng số mẫu	Số mẫu đạt TCVSLĐ	Số mẫu vượt TCVSLĐ
1	Vi khí hậu						
2	Nhiệt độ	11	11	0	32	32	0
3	Độ ẩm	11	11	0	32	32	0
4	Tốc độ gió	11	11	0	32	32	0
5	Ánh sáng	11	11	0	32	32	0
6	Tiếng ồn	11	11	0	32	22	10
7	Tiếng ồn phân tích dải tần	11	11	0	25	15	10
8	Bụi toàn phần	11	11	0	26	26	0
9	Hơi khí độc						
10	- Cacbon đioxit	08	08	0	15	15	0
11	- Etylen	02	02	0	04	04	0